

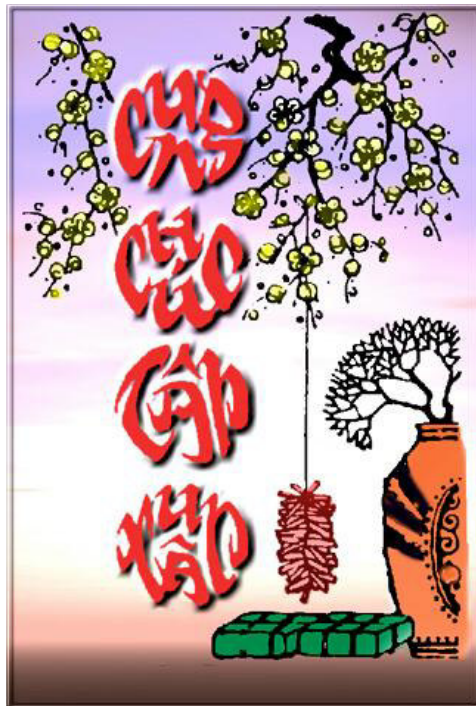
# PHẬT PHÁP

## BOUDDHADHARMA

Chúc mừng năm mới/Bonne année 2008  
Số/N.29 12/2007

*Que  
La  
Nouvelle  
Année  
Vous  
Apporte  
Beaucoup  
De  
Bonheur  
Et  
Sérénité*

**Năm  
Mới  
Kính  
Chúc  
Quý  
Vi  
An  
Lạc  
Tự  
Tại**



*Từng  
Sát  
Na  
Chánh  
Niệm  
Trở  
Vê  
Vời  
Tự  
Tánh*

*Que  
Vos  
Justes  
Pensées  
Se retournent  
A chaque  
Instant  
A la  
Vraie  
Nature  
Originelle*

Tâm theo vạn cảnh chuyển  
Nơi chuyển thật ẩn được  
Theo dòng nhận được tánh  
Không vui cũng không buồn.

Tây thiên tổ thứ hai mươi hai Ma Noa La

*L'esprit change selon dix mille formes  
L'origine du changement peut être cachée  
En suivre le cours permet d'en reconnaître la nature  
Qui n'est ni joie ni affliction.*

Vingt deuxième Patriarche de l'Inde Madura

## Phật pháp/Bouddhadharma 29

- Tờ Phật pháp / La Revue Bouddhadharma phát hành mỗi kỳ ba tháng / Edition Trimestrielle.
- Chủ Nhiệm : Vén. Thích Minh Định.
- Đánh máy : Ngô Trí Tuệ, Trần Xuân Tiến, Nguyễn Văn Tuyền ...
- Le correcteur des textes en français : Lý Thị Minh Nguyệt.
- Ban phát hành: Thích Nữ Đàm Như, Anh chị Phạm Tấn Lộc, cô Vi, cô Hồng, Anh chị Lethong Savanh Hảo, cô Li, cô Liên, cô Diệu Hải, cô Đồng Thu, chú Giác Lâm, cô Giác Xuân, Anh chị Thanh Bạch và Bạch Lê ...
- Các Kinh tiếng Việt và tiếng Pháp dịch ra đăng trên tờ Phật pháp do ban biên dịch Chùa Kim Quang/Les Sutras publiés dans la revue Bouddhadharma sont traduits par les membres de la Pagode Kim Quang.
- Báo Phật pháp chuyên đăng những Kinh, Chú của Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải và Khai thị, Pháp ngữ của Hoà Thượng.
- La revue Bouddhadharma publie principalement les Sutras, les Mantras expliqués par le Vénérable Maître Hsuan Hua et ses bonnes paroles pour cultiver la voie du Bouddha.
- Hoan nghênh tất cả bài viết về Phật pháp, giáo dục..., của tất cả quý vị, và sự phát tâm đóng góp phiên dịch, đánh máy tiếng Việt/Pháp xin liên lạc về chùa.
- Mọi sự thỉnh báo Phật pháp dài hạn, phát tâm cúng dường ủng hộ, ngân phiếu xin đề Pagode Kim Quang.
- Mọi chi tiết xin liên liên lạc về :

Chùa/Pagode Kim Quang  
75, Allée Circulaire  
93600 Aulnay Sous Bois-France  
Tel./fax : 01.48.69.01.24  
ou tel. : 06.25.05.03.89.  
e-mail: kimquangtu@hotmail.com  
www: chuakimquang.com

## Trong số này/Sommaire

|   |    |
|---|----|
| <i>Kinh hoa niêm giảng giải</i>             | 3  |
| <i>Kinh pháp hoa giảng giải</i>             | 5  |
| <i>Chú lãn niêm giảng giải</i>              | 8  |
| <i>Kinh bát nhã</i>                         | 10 |
| <i>Đại trí độ luận</i>                      | 12 |
| <i>Lục hoà</i>                              | 14 |
| <i>Pháp ngữ thiền sư hui vân</i>            | 17 |
| <i>Hăm sơn đại sư tự tuyền</i>              | 19 |
| <i>Bồ Tát Di Lặc</i>                        | 21 |
| <i>Tam bộ nhất bái</i>                      | 25 |
| <br>  |    |
| <i>Le sutra du Dharmya du lotus</i>         | 27 |
| <i>Le sutra shurangama</i>                  | 29 |
| <i>Le mantra shurangama</i>                 | 31 |
| <i>Le mantra grand compassion</i>           | 33 |
| <i>Le sutra du vajra prajna paramita</i>    | 35 |
| <i>Le bouddha parle le Sutra d'amitayus</i> | 37 |
| <i>Le sutra quarante deux chapitres</i>     | 39 |
| <i>Le sutra du sixième fondateur</i>        | 41 |
| <i>Bohisattva matrayana</i>                 | 42 |
| <i>Les six harmonies</i>                    | 48 |
| <i>L'histoire du Bouddha</i>                | 51 |



# Kinh hoa nhiệm đại phương quang Phật

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Hán dịch: Thập Xoa Nan Đà

Việt dịch: Thích Minh Định

## Tiếp theo kỳ trước

**B**ây giờ người Mỹ đều có phúc báu, nếu không có phúc báu, thì không thể sinh vào nước Mỹ.

Có người nói: “Tây phương Cực Lạc Thế Giới là nước Mỹ bây giờ.” Mới nghe còn có chút nghi ngờ, không tin lời nói như thế, nhưng phân tích tỉ mỉ thì thật có lý. Thế giới Cực Lạc, căn cứ tên gọi mà suy nghĩ nghĩa của nó, là vui sướng đến cùng cực, mà chẳng có chút lo lắng gì. Bây giờ khắp nơi trên thế giới chịu sự uy hiếp về chiến tranh, uy hiếp về lương thực kinh tế, mà nước Mỹ là một nước giàu mạnh, không bao giờ sợ thiếu lương thực và chẳng sợ có chiến tranh, đây là thế giới cực lạc ở nhân gian vậy.

Bây giờ Phật pháp đã truyền đến đất Mỹ, Phật quang phổ chiếu, Phật pháp phổ độ. Phạm là người ở nước Mỹ đều đắc được lợi ích Phật pháp. Hạt giống Bồ đề đã trồng xuống mười năm về trước, bây giờ là thời kỳ mầm non, hy vọng thiện nam tín nữ nước Mỹ cố gắng nỗ lực tài bồi, luôn luôn cạo cỏ,

luôn luôn thêm phân tưới nước, khiến cho mầm Bồ đề lớn dần phát triển tươi tốt, khai hoa kết quả. Ai ai cũng tin Phật pháp, thì thế giới chẳng có chiến tranh.

Chúng ta hôm nay sanh vào nước lớn, lại có bạn hiền, thật là cơ hội tốt ngàn năm khó gặp, cho nên phải nắm lấy cơ hội, đừng để trôi qua. Bốn điều khó được đều đã được, thật là hy hữu, may mắn, cũng là nghiệp lực sở cảm. Cho nên nghe pháp phải sinh tín tâm mới có công đức, không sinh tín tâm, thì bất cứ nghe pháp gì cũng chẳng ích lợi gì. Bây giờ chúng ta không những tin, còn phải tu hành. Do đó :

“ Thân người khó được nay đã được,

Phật pháp khó nghe nay đã nghe,  
Thân này đời nay không độ,  
Còn đợi chừng nào độ thân này.”

## Lạc Tử Duy Pháp Biến Hóa Thiên Vương, được môn giải thoát, nhập vào tất cả hạnh điều phục của Bồ Tát, vô biên vô tận như hư không.

Vị Tử Duy Pháp Biến Hóa Thiên Vương này, hoan hỷ tu pháp môn tử duy. Pháp tử duy tức là thiên định. Vị này hiểu rõ tất cả các pháp, biến hóa vô cùng hỗ tương vô ngại. Hiểu rõ pháp này

nhập vào được tất cả cảnh giới Bồ Tát, thấu rõ điều phục được chúng sinh hạnh, hiểu rõ làm thế nào điều phục loại chúng sinh đó. Vị này đắc được môn giải thoát này.

Vị này còn hiểu rõ tự tánh như hư không, chẳng có bờ mé, cho nên nói vô biên vô tận, chẳng có bờ mé là lớn nhất, chẳng có

cùng tốt là dài nhất. Vị Thiên Vương này hiểu được pháp môn này, cho nên đắc được môn giải thoát này.

## Biến Hóa Tràng Thiên Vương được môn giải thoát, phổ bi trí, quán sát vô lượng phiền não của chúng sinh.

Vị Biến Hóa Tràng Thiên Vương này, có tràng báu biến hóa vô cùng, có thể biến lớn biến nhỏ, có thể biến nhiều biến ít, biến hóa đủ loại bảy báu để trang nghiêm tràng báu. Vị này quán sát được tất cả phiền não chúng sinh. Phiền não từ đâu mà



Chùa Kim Quang mới, ở ngoại ô Paris

có ? Nói đơn giản là từ vô minh mà sinh ra. Vô minh khởi lên thì biến làm phiền não tham sân si. Phiền não có đại phiền não, trung phiền não và tiểu phiền não. Lại sinh ra vô lượng vô biên phiền não, cho nên nói vô lượng phiền não.

Chúng sinh có phiền não chướng và sở tri chướng. Phiền não chướng tức là ngã chấp quá nặng. Sở tri chướng tức là pháp chấp quá nặng. Do hai sự chướng ngại này mà chúng ta lưu chuyển trong sáu nẻo luân hồi, không giải thoát được.

Mỗi một chúng sinh đều có phiền não của họ.

Người giàu thì có phiền não kiêu ngạo, kẻ nghèo thì có phiền não tự ti. Phiền não là gì ? Tức là không biết đủ. Nếu biết đủ thì chẳng có phiền não. Do đó:

“Biết đủ thì vui,  
nhịn được thì yên.”

Vị Thiên Vương này đắc được môn giải thoát phổ biến từ bi trí huệ, phát nguyện độ chúng sinh, xem chúng sinh bình đẳng, không phân biệt người thân kẻ oán, hết thấy đều như nhau.

## **Tinh Tú Âm Diệu Trang Nghiêm Thiên Vương, được môn giải thoát, phóng quang hiện tam luân thân khẩu ý của Phật, để nhiếp hóa chúng sinh.**

Vị Tinh Tú Âm Diệu Trang Nghiêm Thiên Vương này phóng quang minh, quang minh như tinh tú rất vi diệu, trang nghiêm các cõi nước chư Phật. Vị này đắc được môn giải thoát, phóng quang hiện Phật tam luân nhiếp hóa. Phật tức là Phật Thích Ca, hoặc là mười phương chư Phật. Tam luân tức là thân khẩu ý. Tam luân của Phật, tam luân của Bồ Tát, tam luân của A La Hán, tam luân của chúng sinh đều khác nhau.

Tam luân của Phật có thể nói là một luân, lại có thể nói là chín luân. Trong mỗi một luân có ba luân tác

dụng. Ví như miệng, miệng không chỉ riêng thuyết pháp luân, cũng có thể nói là ý niệm luân, cũng có thể nói là thần túc luân. Như vậy mỗi một luân đầy đủ công dụng ba luân, luân chuyển không ngừng, chuyển đại pháp luân. Cho nên tam luân của Phật với tam luân của chúng sinh chẳng giống nhau. Tam luân của chúng sinh, thân tức là thân, miệng tức là miệng, ý tức là ý, không thể dùng lẫn nhau, mà có sự chướng ngại.

Tam luân của Phật dùng bốn pháp nhiếp làm chủ, cho nên nói nhiếp hóa chúng sinh. Nhiếp là nhiếp

thọ, giống như hút sắt vậy. Nhiếp phân làm hai thứ : Một là nhiếp hữu hình, giống như có người ở Nữ Uớc, nhận được thơ hoặc điện thoại của bạn bè ở Cựu Kim Sơn, bèn đến Cựu Kim Sơn. Thứ hai là nhiếp vô hình, tức là nhiếp tinh thần, tức cũng là thần túc thông,

có thể nhiếp người đến. Ví như có người vốn chưa từng

thấy mặt, hoặc là chỉ thấy trong mộng, thì người này bèn đến, đó là tác dụng sở nhiếp tinh thần.

Phật thường dùng nhiếp hữu hình và vô hình, để nhiếp hóa chúng sinh, dùng đủ loại thần thông để nhiếp hóa chúng sinh, dùng từ bi hỷ xả để nhiếp hóa chúng sinh. Tóm lại có bốn loại nhiếp :

1. Bố Thí : Phân làm ba loại :

A. Bố thí tài : Thấy người khốn khổ hoạn nạn, dùng vàng bạc vật chất để cứu họ, họ sẽ cảm động mà tin bạn.

B. Bố thí pháp : Thấy người không rõ sự lý, dùng Phật pháp nhân quả để khai đạo cho họ, khiến cho họ khai mở trí huệ, họ sẽ cảm động mà tin bạn.

C. Bố thí vô úy : Thấy người bất hạnh, dùng lời khéo để an ủi họ, làm cho họ không hoảng hốt sợ hãi, họ sẽ cảm động mà nương tựa bạn. Như vậy sẽ phát sinh cảm tình với chúng sinh, thì dễ gần gũi chúng sinh. (còn tiếp)



Chư Tăng Ni và Phật tử chụp hình lưu niệm dịp Lễ Vu Lan 2007, tại Chánh điện Chùa Kim Quang mới

# Kinh Diệu Pháp Liên Hoa

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Hán dịch : Pháp sư Cừ Ma La Thập

Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

**N**gài Văn Thù Sư Lợi !  
**Lại thấy có Bồ Tát**  
**Khi Phật diệt độ rồi**  
**Cúng dường Phật xá lợi.**  
**Lại thấy có Phật tử**  
**Tạo dựng các chùa tháp**  
**Nhiều vô số Hàng sa**  
**Nghiêm sức khắp cõi nước.**  
**Bảo tháp rất cao đẹp**  
**Đến năm ngàn do tuần**  
**Bền ngang rộng đồng**  
**nhau**  
**Dài hai ngàn do tuần.**  
**Tại mỗi mỗi chùa tháp**  
**Đều có ngàn tràng phan**  
**Màn châu xen thông**  
**xuống**  
**Linh báu đều hòa reo.**  
**Hết thấy trời rồng thần**  
**Người và chẳng phải người**  
**Hưởng hoa và âm nhạc**  
**Thường mang đến cúng**  
**dường.**

Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, tôi lại thấy những vị Bồ Tát, sau khi Phật diệt độ rồi, cúng dường xá lợi của Phật. Cúng dường xá lợi cũng đồng như cúng dường Tam Bảo, đồng như cúng dường Phật không khác. Nhưng phải dùng chân tâm, chứ chẳng phải dùng tâm ô nhiễm để cúng dường. Tâm mà có sở cầu, có sự mong muốn, thì tâm chẳng được thanh

tịnh. Hãy coi sự cúng dường bố thí là trọng trách của mình, đó gọi là báo ân Phật Pháp Tăng Tam Bảo. Nếu chẳng có Tam Bảo thành trì chánh pháp tồn tại, thì ma vương sẽ hiện ra đời, tức cũng là ngày thế giới hủy diệt. Do đó, mỗi ngày trước khi ăn cơm hãy quán như thế này, nếu chẳng cúng dường Tam Bảo thì cơm ăn khó tiêu. Nói là pháp, tu là đạo, nên phước huệ song tu. Bây giờ chẳng cúng dường Tam Bảo, tương lai



thành A La Hán rồi, cũng ôm bát không chẳng có ai cúng dường. Cúng dường Tam Bảo là tu

Trong Chánh Điện Chùa Kim Quang mới

phước, ấn tống Kinh điển, tuyên dương Phật pháp là tu huệ.

Lại thấy có Phật tử tạo vô số chùa tháp, nhiều như số cát sông Hằng nghiêm sức khắp cõi nước. Tháp để cúng dường xá lợi, chùa cúng dường tượng Phật. Có câu chuyện này quan hệ tới bảo tháp. Khi Đức Phật còn tại thế, thì có một người tướng rất quái dị. Một số người cao khoảng hơn năm thước (thước tàu), thì vai rộng hai thước, nhưng ông ta thì ngược lại, thân cao hai thước rưỡi, mà vai rộng năm thước. Tuy ông ta thân hình quái dị như cái nồi đen, nhưng lại có giọng

ca trong trẻo như tiếng khánh, tiếng đại hồng chung. Do người này quả báo đặc thù, đưa đến đồ chúng nghi hoặc mà thưa hỏi Đức Phật. Phật bèn cười nói người này trong quá khứ vô lượng kiếp về trước, đã từng làm đệ tử của Phật, thấy người muốn tạo bảo tháp cao đẹp, thì tâm có ý ghen mà phê bình nói: "Hà tất phải làm cao như thế! Cao quá thì đỉnh tháp đâu có thấy được! Bất quá tôi lộn tán thành có cái chuông nhỏ (cái linh) treo ở đỉnh tháp thì tôi bố thí cái đó!" Chỉ vì tâm có ác ý nói một câu: "Đừng làm cao quá..." Do đó, ông ta đời đời kiếp kiếp đều cao chẳng quá ba thước. Nhưng vì ông ta có tâm thiện bố thí cái linh, cho nên được quả báo âm thanh như đại hồng chung. Do đó, phiền não chỉ vì nói nhiều những lời vô ích. Muốn biết đời trước mình làm gì? Hãy xem đời này mình có những gì? Muốn biết đời sau ra sao? Hãy xem đời này mình làm những gì? Trông nhân gì thì kết quả đó. Nếu phát được đại Bồ đề tâm, tu bố thí công đức, thì tương lai phước đức cũng vô lượng vô biên.

**Thế giới Ta Bà  
Chủ Phạm  
Thiên Vương,  
Thi Khí Đại  
Phạm, Quang  
Minh Đại Phạm,  
và quyến thuộc một vạn hai nghìn  
Thiên Tử đều tỵ hội.**

Thế giới Ta Bà : Ta Bà là tiếng Phạn. Thế giới Ta Bà là thế giới như thế nào? Là thế giới vui sướng, thế giới vui nhất. Có người nói: "Hoà Thượng! Con nghe Hoà thượng giảng Kinh đã lâu rồi, cũng chưa nghe Hoà thượng giảng sai, nhưng chỗ này lại giảng sai! Con thấy chữ Ta Bà dịch là khổ nhất, sao Hoà Thượng nói là vui?"

Vậy bạn biết là khổ thì đừng lưu luyến! Tại sao bạn không buông xả đặng thế giới này? Tại sao tôi nói thế giới này là vui? Vì tôi thấy bạn xả chẳng

đặng thế giới này, do đó chắc chắn là vui! Nếu khổ thì bạn sớm đã bỏ nó rồi!

Hoà Thượng giảng như thế, thì con cũng chẳng có gì để nói. Bạn chẳng có gì để nói, còn tôi thì có lời để nói. Lời gì? Thế giới này chẳng khổ cũng chẳng vui, mà là một thế giới chẳng có vị đạo. Tuy nhiên chẳng có vị đạo gì, nhưng phiền não thì quá nhiều, rất nhiều sự thống khổ. Cho nên Ta Bà dịch là "kham nhẫn", kham nhẫn chịu đựng mọi hoàn cảnh khổ. Hoàn cảnh khổ có ba sự khổ, tám sự khổ, vô lượng sự khổ.

Ba sự khổ :

1. Khổ khổ : Khổ trong sự khổ, khổ của người nghèo, chẳng có cơm ăn, chẳng có áo mặc, lại không nhà để ở, bạn nói đó có khổ chẳng?



2. Hoại khổ: Hoặc có người giàu, không những có nhà ở, còn ở nhà cao cửa rộng. Không những có áo mặc, mà còn mặc tơ lụa áo gấm tân thời. Không những có cơm ăn, mà còn ăn những thức ăn sơn hào hải vị,

hưởng tận vị ngon của thiên hạ. Nhưng bất hạnh thay, đột nhiên bị tai nạn cháy nhà, hoặc bị trộm cướp, bị đụng xe .v.v... Tất cả tài sản, sự sung sướng đều bị phá sạch, đó tức là hoại khổ.

3. Hành khổ: Chẳng phải khổ khổ của người nghèo, cũng chẳng phải hoại khổ của người giàu, đó là từ bé lớn lên trưởng thành rồi già nua, mắc bệnh ngặt nghèo rồi chết đi. Niệm niệm biến đổi không ngừng, sinh diệt liên tục không gián đoạn, đó là hành khổ.

Tám sự khổ :

1. Sinh khổ.
2. Già khổ.
3. Bệnh khổ.
4. Chết khổ.

5. Thương mà xa lià là khổ: Bạn thương yêu người nào đó, nhưng hoàn cảnh bắt buộc phải xa lià, bạn nói có đau khổ chăng ?

6. Ghét mà gặp nhau là khổ: Bạn ghét người nào đó không muốn gặp họ, nhưng thỉnh linh gặp người đó ở một nơi nào đó, bạn nói có khổ chăng ?

7. Cầu không được là khổ : Bạn mong cầu điều gì đó mà không được, có khổ chăng ?

8. Năm ấm thiêu đốt là khổ: Khổ này rất lợi hại. Năm ấm (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) thường theo bạn, không rời nửa bước, đi đứng nằm ngồi đều cùng với bạn, như lửa thiêu đốt, đó cũng là khổ. Có nhiều sự khổ như thế mà đều kham chịu được. Một số người đều cho rằng thế giới này như quả tần-bà, ngon ngọt. Kì thật, ăn rồi mới biết còn đắng hơn quả



huỳnh liên. Vậy biết được thế giới

này là khổ, nếu tu đạo chịu đựng được nhiều sự khổ, thì nhất định sẽ thành Phật

Trước kia, tôi có vị đệ tử Quả Thuần, thời kỳ kháng chiến bị Nhật bắt đi làm lao công, ăn chẳng no, mặc chẳng ấm, ngủ chẳng đủ. Nếu người tu đạo chịu khổ được một nửa của người lao công, thì nhất định sẽ thành Phật. Cho nên khi y xuất gia rồi, ngày ăn một bữa, ngủ ngồi không nằm, tu hạnh đầu đà. Trong số đệ tử của tôi, y là người tu đầu đà đệ nhất.

Về sau, y không muốn lưu lại thế giới này nữa, cho nên dùng lửa tự thiêu. Thiêu xong rồi, thân thể vẫn ngồi yên. Khi có người đến xem, dùng tay sờ thân thể của y thì ngã xuống thành tro. Đó là chứng minh y có định lực. Nếu chẳng có công phu nhập định, thì người bình thường như chúng ta, dùng lửa thiêu thân thể sẽ nhảy lên. Cho nên bất cứ người nào nói mình có định lực, thường nhập định, thì

bạn có thể thử nghiệm họ, dùng lửa thiêu họ, nếu họ không nhảy lên thì thật có định lực. Như Quả Thuần tự thiêu thành tro, vẫn ngồi yên tại đó, đó mới là thật có định lực. Chẳng có định lực như vậy, thì đừng khoe khoang rằng có định lực. Cho nên tôi chẳng dám nói tôi có định lực, bằng không thì phải chịu thử nghiệm.

Chủ Phạm Thiên Vương. Chủ là làm chủ. Phạm là Đại Phạm Thiên Vương.

Thi Khí Đại Phạm. Thi Khí là tiếng Phạn, dịch là "nhục kế".

Quang Minh Đại Phạm. Lại có vị Thiên Vương Quang Minh Đại Phạm và các Thiên Vương khác, một vạn hai nghìn Thiên Tử đều đến đại hội Pháp Hoa. Tạo dựng bảo tháp cao đẹp trang nghiêm cõi nước, mỗi bảo tháp treo ngàn tràng báu,

phan báu, dùng châu làm màn lưới

bảo tháp. Gió thổi động linh báu vang ra âm thanh hoà nhã vi diệu, đều là đồ trang nghiêm cúng Phật tối thắng. Các trời, rồng, thần, người, chẳng phải người, thường mang hương hoa âm nhạc đến cúng dường. (còn tiếp)

### Thông báo :

Vừa rồi đã in xong những Kinh sau đây :

- Kinh Hoa Nghiêm giảng giải tập 3
  - Kinh Hoa Nghiêm giảng giải tập 4
  - Kinh Pháp Hoa giảng giải tập 2
  - Kinh Pháp Hoa giảng giải tập 3
  - Kinh Pháp Hoa giảng giải tập 4
  - Kinh Pháp Hoa giảng giải tập 5 (hết)
  - Kinh Pháp Hoa dùng để tụng (trọn bộ)
- Ai muốn thỉnh xin liên lạc về Chùa.  
- Sắp tới sẽ tiếp tục in Kinh những tập kế tiếp. Ai phát tâm hùn phước ấn tống, công đức vô lượng.

# Chú lạng nghiêm giảng giải

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng  
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

## 76. TAM BỔ SỰ SẮT ĐÀ.

**Kệ :** Phổ biến nhất thiết thù thắng quang  
Thượng chí Hữu Đỉnh hạ vô hương  
Xuân động hàm linh quân mông độ  
Phát bồ đề tâm kiến đạo tràng.

Tạm dịch :

Quang minh thù thắng chiếu khắp hết  
Trên đến Hữu Đỉnh dưới địa ngục  
Hết thấy hàm linh đều được độ  
Phát tâm bồ đề lập đạo tràng.

**Giảng giải :** Tam Bồ tức là "khắp hết". Quang minh thù thắng tức là quang minh của Phật rất thù thắng, vượt qua tất cả quang minh khác. "Quang minh thù thắng chiếu khắp hết." Khắp hết tức là khắp pháp giới, không có một nơi nào mà quang minh của Phật không chiếu đến. "Trên đến Hữu Đỉnh dưới địa ngục." Trên thì chiếu đến cõi trời

Hữu Đỉnh, dưới thì chiếu đến địa ngục vô gián. "Tất cả hàm linh đều được độ." Hàm linh có nhiều loài không có trí huệ, chỉ biết chạy nhảy, một chút trí huệ, tri thức cũng chẳng có, rất là ngu si. Hàm linh không nhất định có linh tính, nhưng chúng có chút chút, chỉ có một chút chút, ẩn chứa trong đó. Hàm linh gọi là gì? Ví dụ như gạo chúng ta ăn, nhìn xem rất là sạch, chẳng có một sinh vật nào trong đó, nhưng nếu bạn để vào nơi nào đó không chú ý đến, hoặc có sự ẩm ướt, hoặc có một chút nhân duyên nào đó, thì gạo sẽ

sinh ra sâu mọt. Có sâu mọt sinh ra đó là hàm linh. Trong gạo nhất định có hàm linh, bất quá chúng không hiện ra, đến khi bạn nấu chín rồi thì hàm linh đều chết hết, không còn. Nhưng nếu bạn đem cơm chín để vào nơi nào đó, thời gian lâu lại sinh ra một thứ sinh vật, tế khuẩn, tiểu trùng. Lại ví như khuẩn trà, khuẩn trà nguyên lai gì cũng chẳng có, chỉ một khối khuẩn, nó lớn dần, lại chua, đó là một thứ trùng phát triển lớn dần trong đó. Đó đều là hàm linh. "Hết thấy hàm linh đều được độ", đều bị quang minh chiếu đến, khiến cho nghiệp chướng đều tiêu trừ, căn lành của họ sẽ tăng trưởng, từ chúng sinh nhỏ đi làm

chúng sinh lớn, lại có thể tu hành, thì có thể sẽ thành Phật, cho nên đều có thể độ, phát bồ đề tâm kiến lập đạo tràng. Chúng ta là người hiểu Phật pháp, cứ làm Phật sự như trăng dưới nước, cũng giống như trăng sáng trong nước, chỉ có bóng mà không có hình. Nhưng chúng ta lập đạo tràng không nhất thiết phải có tâm nói rằng tôi lập đạo

tràng, có nhiều công đức, đừng có tâm như thế, lập đạo tràng phát bồ đề tâm, đây là bổn phận của mình, hành sở vô sự, đừng chấp trước hình tướng.

## 77. TÁT LÂN NẠI LA LẠT XÀ GIA.

**Kệ :** Nam Mô Sa La Thụ Vương Phật  
Kiên cố tinh chuyên lập công đức  
Lục độ vạn hạnh viên mãn nhật



Quan Âm Nam Hải-Phổ Đà Sơn



Năng sử tử giả biến thành hoạt.

Tạm dịch :

Nam Mô Sa La Thụ Vương Phật  
Kiên cố tinh chuyên lập công đức  
Lục độ vạn hạnh được viên mãn  
Sẽ khiến kẻ chết biến sống lại.

**Giải thích :** Đây là "Sa La Thụ Vương Phật" cho nên nói Sa La Thụ Vương Phật. Sa La Thụ dịch là "kiên cố", kiên cố thì không lay chuyển, ngàn ma không đổi, vạn ma không lùi. Tinh chuyên, tinh tức là tinh tế, chuyên là

chuyên nhất, lập công đức, phải làm đủ thứ việc tốt. "Lục độ vạn hạnh được viên mãn." Tu lục độ: Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ. Vạn hạnh mà tu được viên mãn, thì dù người chết, bạn muốn kêu họ sống lại, thì họ sống lại, đó là sự thần thông diệu dụng, bạn nói sao thì được như thế, vì bạn tu chưa thành, chưa thấy qua, cho nên cho rằng không thể được, nếu bạn tu thành tựu lục độ vạn hạnh viên mãn, thì không những có việc này, còn có thể toại tâm như ý tất cả mọi sự việc.

## 78. ĐA THA GIÀ ĐA GIA.

**Kê :** Kiền thành khẩn thiết niệm niệm chân  
Phổ lễ Như Lai chúng môn nhân  
Chuyên nhất bất nhị cầu thâm nhập  
Viên thành giác đạo hiện pháp thân.

Tạm dịch :

Kiền thành khẩn thiết niệm niệm chân  
Khấp lễ Như Lai chúng môn đồ  
Chuyên nhất không hai cầu thâm nhập  
Viên thành giác đạo hiện pháp thân.

**Giải thích :** Đây là "Phổ lễ tất cả môn đồ của Phật", chúng ta nên lễ khắp các đức Phật, chúng ta kính Phật thì phải trọng Tăng. Người tin Phật không thể một bên tin Phật, một bên tạo nghiệp,

phải tinh thuần lại tinh thuần. Về mặt tín ngưỡng phải chánh tín, không mê tín, không tà tín, không tin lệch lạc. Tà tín tức là không tin chánh pháp, mà tin bàn môn tả đạo. Tin lệch lạc tức là tin một cách mơ hồ, nói lý luận không chánh quyết, lệch lạc về một bên, ngoan cố không sửa đổi, y nhận rằng y là đúng. Chánh tri chánh kiến là không có tâm kiêu ngạo, không có tâm cống cao ngã mạn. Tà tín, mê tín và tin lệch lạc đều có tư tưởng cống cao ngã mạn trong đó, hoặc có người nghe nói một chữ "mật" liền bị thu hút theo, cho rằng



Đi nhiều quanh tượng Quan Âm Nam Hải

bí mật nhất định là tốt, cho nên Phật giáo đại thừa phải lễ khắp tất cả môn nhân của Như Lai, tận hủ không biến pháp giới tất cả đệ tử đều đánh lễ, chẳng phải nói chỉ lay Phật, còn đệ tử của Phật thì khinh khi, nên cung kính đối với hết thầy đệ tử của Phật. Cho nên

nói kính Phật thì trọng Tăng. Ví dụ

nếu bạn nói tôi kính sư phụ, tin sư phụ, nhưng không kính đồ đệ của sư phụ, nếu bạn không cung kính đồ đệ của sư phụ, thì cũng như không cung kính sư phụ. Nếu bạn cung kính sư phụ, thì cũng phải cung kính đệ tử của sư phụ. Cho nên nói : "Chí thành khẩn thiết niệm niệm chân." Chí thành thì một chút giả dối cũng không có, rất khẩn thiết thì tư hào cũng không lôi thôi, mỗi một niệm đều dùng chân tâm, không dùng tâm hư ngụy, không dùng tâm tà tri tà kiến, không dùng tâm lệch lạc, không dùng tâm mê tín, niệm niệm đều dùng chân tâm. "Khấp lễ Như Lai chúng môn đồ." Đánh lễ khắp hết thầy đệ tử của Phật, như vậy mới là Phật tử chân chánh, mới là chân chánh cung kính Tam bảo. "Chuyên nhất không hai cầu thâm nhập." Tâm cung kính phải chuyên nhất không hai, không có tâm thứ hai, phải một ngày so với một ngày chân thật hơn. "Viên thành giác đạo hiện pháp thân." Khi bạn khai ngộ, chúng được bỏ đề giác đạo thì pháp thân sẽ hiện ra. (còn tiếp)

# Kinh bát nhã

Hoà Thượng Tuyên Hoá lược giảng  
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

**B**ệnh khổ. Có ai dám nói rằng bệnh không khổ không? Bệnh thật rất thống khổ. Chư vị cũng hiểu rõ rồi. Sinh ra lại khổ vì bệnh. Phật Thích Ca Mâu Ni cũng bị quả báo gậy đập, ăn lúa ngựa. Tại sao vậy? Vì trong một đời tiền kiếp, Ngài làm một đứa trẻ. Lúc ấy trong vùng Ngài ở, dân chúng bị đói khát, không có gì để ăn. Chợt có một con cá voi bị mắc cạn. Ngài dùng côn đánh vào đầu khiến cá chết. Sau đó dân làng áp ra róc thịt cá voi mà ăn. Do đó, sau khi thành Phật rồi, Ngài thường thường cảm giác nhưc đầu tựa như bị cây đập lên đầu, nên gọi là quả báo gậy đập. Lại nữa, trong một đời tiếp kiếp, Ngài có nói một câu sai lầm rằng đối với người tu đạo, phải tu hành khổ hạnh chân chánh bằng cách ăn lúa ngựa. Sau khi Ngài thành Phật, trong một kỳ an cư kiết hạ, quốc vương không cúng dường gì hết, chỉ cho Ngài và tăng chúng tỳ kheo lúa ngựa thường ăn. Đó là do Ngài tạo nghiệp lúc còn tu hành ở nhân địa, nên hiện đời phải cảm thọ quả báo.

Chết, ai ai cũng đều không thích chết. Vì sao? Vì quan hệ đến khổ đau. Lại có khổ vì thương nhau mà xa lìa, ghét nhau mà thường gặp, cầu mà không được như ý, năm âm luôn thay đổi hầy hùng. Những loại khổ này đều gọi là khổ. Nay chúng ta tu hành nên phải dẹp trừ ba khổ, tám khổ, vô lượng khổ, nên gọi là độ thoát tất cả khổ ách.

*"Độ qua khổ ải xuất luân hồi, (vượt qua biển khổ xuất luân hồi)".*

Mọi khổ đều nằm trong biển khổ. Nếu chư vị vượt qua hết tất cả khổ ách thì chắc chắn sẽ thoát khỏi sáu nẻo luân hồi: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a tu la, người, trời.

*"Vũ tễ thanh tịnh nguyệt chánh huy, (mưa tạnh trời trong trăng sáng hiện)".*

Khi ấy mưa tạnh tức là không còn hạt mưa nào hết. Bầu trời trong sáng. Trăng sáng hiển hiện. Mặt trăng trong không trung chiếu sáng. Năm âm đều không. Không còn năm âm giống như không còn mây, mưa. Bầu trời trong sáng, thanh tịnh. Trăng treo lơ lửng, muôn dặm không áng



Đoàn hành hương ở trước Thiếu Lâm Tự

mây. Cảnh giới này khiến chư vị phát sanh trí huệ chân chánh, chiếu sáng khắp cả, nhờ đó mà độ thoát qua hết tất cả khổ ách.

*"Cần nguyên đạo thể nhân trung thánh, (Cần nguyên đạo thể thánh giữa người)".*

Khi chúng sơ quả A La Hán, thân thể chư vị tràn ngập khí dương. Cần là số dương trong kinh dịch, nên gọi là cần nguyên. Đạo thể là thể chất của việc tu đạo. Trung nhân thánh là thánh nhân trong loài người.

*"Bất hoại kim khu thể thượng hy, (vàng chẳng hoại diệt thể gian hiếm)".*

Khi chúng sơ quả Tu Đà Hoàn, chư vị cắt đứt được tám mươi tám phần kiến hoặc. Thân thể chư vị bất hoại như vàng ròng, trên thế gian rất hiếm có.

*"Thoát sanh hà thuận thiên niên dục, (thoát sanh tử cần chi thuốc tiên)".*

Xưa, vua Thái Thủy (221-207 BC) đến đảo Bồng Lai tìm thuốc trẻ mãi không già, giải thoát sanh tử. Chư vị không cần thiết phải đi tìm thuốc trẻ mãi không già, chỉ nên độ thoát hết tất cả khổ ách. Khi

đó muốn sống thì sống, muốn chết thì chết. Chết sống do tự chính mình. Vua Diêm La không thể cai quản được, giống như tổ Bồ Đề Đạt Ma.

*"Chứng diệt khải thị vạn kiếp kỳ, (chứng diệt đọa chi muôn kỳ kiếp)".*

Pháp bốn diệu đế: Khổ, tập, diệt đạo. Khi chứng đắc diệt đế thì thành đạo, đắc vô dư Niết Bàn, không đọa trải qua tám muôn bốn ngàn kiếp, mà mau chứng đắc vô dư Niết Bàn.

*"Nhị tử vĩnh vong ngũ trụ tận, (hai chết mất hẳn năm trụ diệt)".*

Chư vị chứng đến độ thoát tất cả khổ ách, vượt khỏi vòng luân hồi, đắc được thân kim cương bất hoại. Khi ấy nhị tử mãi không mất. Sao gọi là nhị tử? Có phải là chết hai lần không? Không phải là chết hai lần mà là hai lần chết. Một lần là phân đoạn sanh tử. Một lần là biến dịch sanh tử. Gọi là hai lần chết. Khi chứng quả A La Hán thì cắt đứt phần đoạn sanh tử. Khi chứng quả vị Bồ Tát mới cắt đứt biến dịch sanh tử. Nay, Bồ Tát Quán Thế Âm đã cắt đứt được biến dịch sanh tử. Chữ vong (mất), đây không phải là tử vong (chết mất). Trong sách đại học nói: "Nhi kim vong hỷ (như nay mất rồi)".

Chữ "vong" đọc là không. Chúng ta có thể đọc là vong, hay không cũng được, không cần giảng giải. Hai loại chết này đều không.

"Ngũ trụ tận (tận hết năm trụ)". Nghĩa là năm trụ phiền não. Chúng là gì? Thứ nhất, kiến trụ phiền não, là trụ ái kiến. Thứ hai, trụ ái dục. Thứ ba, trụ sắc ái. Thứ tư, trụ vô sắc ái. Thứ năm, trụ vô minh ái. Vì năm trụ ái này mà chúng ta sanh chấp trước, biến thành năm loại phiền não. Bồ Tát Quán Thế Âm dẹp trừ hết năm loại phiền não này.

*"Tiêu diêu pháp giới nhậm đông tây, (đạo chơi pháp giới khắp đông tây)".*

Tiêu diêu có nghĩa là tự tại. Tự tại cũng là tiêu diêu. Tiêu diêu cũng là tự do. Tự do, nghĩa là an lạc, sung sướng. Sao an lạc sung sướng? Vì có thể tùy tiện đi nơi này nơi nọ. "Nhậm đông tây", nghĩa là nếu chư vị muốn qua cõi tây phương cực lạc thì tùy ý mà đi. Muốn qua cõi đông phương Tịnh Lưu Ly Phật thì cũng có thể đi. Muốn đến cõi Ta Bà thì không thành vấn đề, cũng không cần hộ chiếu do tòa lãnh sự sứ quán cấp. Không có những thủ tục rườm rà. Nếu muốn đi thì cứ đi, nên gọi là tiêu diêu pháp giới. Pháp giới không phải chỉ trong vòng, đông tây, nam, bắc, mà cả trên dưới, mười phương. Chư vị muốn đi đến đâu thì đều được hoan nghinh khi đến những nơi đó. Không phải nói là muốn đi

đến nơi kia, nơi kia không hoan nghinh tiếp đón chư vị, không cho nhập cảnh. Muốn đến nơi nào cũng được hết. Tiêu diêu pháp giới nhậm đông tây. Chư vị thấy cảnh giới này có an lạc lắm không, tự do lắm không! Tiêu diêu, tự do, đó là tánh pháp giới chân chánh bình đẳng. Khi hai lần chết và năm trụ đều tận diệt thì đắc được tự do. Đó là tự do chân thật, an lạc chân thật, bình đẳng chân thật, và tiêu diêu chân thật.

### **Xá Lợi Tử.**

*"Xá Lợi Tử thị kiên cố vi  
Dịch tác Thu Lộ mẫu nghĩa hình  
Giới định viên minh châu quang hiện  
Hạnh giải tương ưng thể linh lung  
Đại trí chi hà nhân ngu biểu  
Thiện ban kỳ tại nương phúc sanh  
Nhân giai cụ thử chân thật huệ  
Thủ chư tào Khê bảo lâm phong*

### **Dịch:**

*Xá Lợi Tử nghĩa là kiên cố  
Dịch là Thu Lộ hình giống mẹ  
Giới định sáng tròn chân ảnh hiện  
Hạnh giải tương ưng thể sáng trong  
Bậc đại trí sao giống kẻ ngu  
Biện tài giỏi nhờ thai sanh trợ  
Người người đầy đủ chân trí huệ  
Giữ phong cách Bảo Lâm Tào Khê".*

*"Xá Lợi Tử thị kiên cố vi"*

Xá Lợi Tử cũng là Xá Lợi Phát. "Xá Lợi" là tiếng Phạm. "Tử" cũng là tiếng Phạm. "Xá Lợi Tử" nghĩa là "Kiên Cố". Vì sao? Đó chỉ cho trí huệ kiên cố. Thế nên Xá Lợi Tử nghĩa là kiên cố.

*"Dịch tác thu lộ mẫu nghĩa hình, (dịch là Thu Lộ hình giống mẹ)".*

"Xá Lợi" phiên dịch ra tiếng Tàu gọi là "thu lộ". Thu lộ là một loài chim biển. Chim này bay rất cao và rất xa, đôi mắt lanh lẹ trong sáng như hai ống dòm. Lúc cá bơi qua bơi lại trên biển, nó đang trên hư không liền bay xà xuống mau như hỏa tiễn, để bắt lấy cá mà ăn. "Xá Lợi" cũng là tên của loài chim thu lộ. Ở Ấn Độ, con cái thường lấy tên cha, mà cũng đôi khi lấy tên mẹ, hay dùng cả tên cha lẫn mẹ. Xá Lợi Tử là chỉ lấy tên mẹ thôi. Mẹ của ngài Xá Lợi Tử tên là Xá Lợi. "Tử" tức là con của bà Xá Lợi, cũng y chiếu theo hình thái của bà mà tạo ra tên đó. (còn tiếp)

Ai chưa có thư và báo Phật Pháp, muốn nhận xin liên lạc về Chùa.

# Đại trí độ luận

Tác giả : Bồ Tát Long Thọ

Việt dịch : Hoà thượng Thích Trung Quán

## Tiếp theo kỳ trước

KINH. Không còn giải đãi.

LUẬN. Vì giải đãi, người tại gia mất tài lợi, phúc lợi, người xuất gia mất quả sinh về cõi trời, mất vui Niết Bàn. Tại gia, xuất gia, tiếng tốt đều mất, do lười biếng. Kệ nói :

Lười biếng mất tâm lành,  
Mờ tối phá trí tuệ.  
Nguyên tốt đều tiêu diệt,  
Việc lớn đều hư hỏng !

KINH. Đã bỏ lợi dưỡng, tiếng khen.

LUẬN. Lợi dưỡng như giặc, làm hư công đức của mình, như mưa đá làm tan hại năm giống thóc, làm hư mầm công đức không cho lớn mạnh. Phật ví lợi dưỡng, tiếng khen như giấy trói người, làm nứt da, cắt xương. Người tham lợi dưỡng, dứt gốc công đức

cũng như thế. Kệ nói :

Được vào rừng chiên đàn  
Mà chỉ lấy lá cây  
Đã vào núi thất bảo  
Mà lại lấy thủy tinh.  
Có người vào Phật pháp  
Không cầu vui Niết Bàn  
Lại cầu lợi cúng dàng  
Lũ ấy tự dối mình.  
Cho nên đệ-tử Phật  
Muốn được vị cam lồ



Đoàn hành hương đứng trước điện Potala, Tây Tạng

Nên xả bỏ tạp độc  
Siêng cầu vui Niết Bàn.  
Ví như mưa đá ác  
Làm tổn hại năm thóc  
Nếu tham lợi cúng dàng  
Phá hỏng thặng đầu rần.  
Đời nay đốt căn lành  
Đời sau đọa địa ngục.  
Như Đè-bà đạ-đa  
Vì lợi dưỡng tự ngụp.

KINH. Thuyết pháp không lòng mong cầu.

LUẬN. Do lòng đại từ thương xót nên vì đại chúng nói pháp không vì cơm áo, tiếng khen, thể lực. Tâm thanh tịnh đại từ-bi được vô sinh pháp nhẫn. Kệ nói :

Nghe nhiều, biện tuệ, lời nói xảo  
Khéo nói các pháp chuyên lòng người  
Mình chẳng như pháp, hành bất chính  
Ví như sấm sét mà không mưa.  
Học rộng, nghe nhiều, có trí tuệ  
Miệng nói vụng về, không xảo tiện

Chẳng hay hiển phát pháp bảo tạng  
Ví như không sấm

mà mưa nhỏ.

Chẳng rộng học hỏi, vô trí tuệ  
Chẳng hay thuyết pháp, không hạnh tốt  
Là tệ pháp sư không hổ thẹn  
Ví như mây nhỏ không sấm mưa.  
Học nhiều, trí rộng, lời nói hay  
Khéo nói các pháp chuyên lòng người  
Hành pháp, tâm chính không sợ hãi  
Như mây, sấm lớn, mưa trận lớn.  
Ví như đại tướng cầm gương pháp  
Chiếu sáng Phật pháp, trí tuệ tạng

Trì tụng, quảng tuyên, rung chuông pháp  
Như thuyền trong biển độ tất cả.  
Cũng như phong vương hợp mọi mùi  
Thuyết như Phật nói : tùy ý Phật  
Giúp Phật sáng pháp độ quần sinh  
Pháp sư như thế rất khó gặp.

KINH. Độ thậm thâm pháp nhãn.

LUẬN. Thế nào là pháp thậm thâm ? Mười hai nhân duyên là thậm thâm pháp. Như Phật bảo ngài A-nan : Pháp mười hai nhân duyên khó giải, khó biết ! Lại nữa, y vào đời quá khứ, vị lai, sinh sáu mươi hai lưới tà kiến, vĩnh ly điều đó là pháp thậm thâm. Như Phật bảo Tỳ Khuru rằng kẻ phàm phu không nghe, nếu muốn tán Phật thì tán rất ít,



nghĩa là nếu tán giới thanh tịnh, tán ly các dục, nếu hay tán thậm

thâm thì khó giải, khó biết pháp ấy thực là tán Phật. Lại nữa, ba giải thoát môn là pháp thậm thâm, như Phật nói trong Bát-nhã ba-la-mật, chư thiên tán rằng :

Thế Tôn ! Thực là pháp thậm thâm ! Phật nói : Pháp thậm thâm ấy không, vô tác, vô tướng. Lại nữa, giải tất cả các pháp thực tướng, không thể phá, không thể động, gọi là pháp thậm thâm. Lại nữa, trừ nội tâm tưởng trí lực, những định tâm trong các pháp thanh tịnh thực tướng trụ. Ví như khí nóng thịnh, không phải vàng thấy là vàng là do lực của tâm trí tưởng tượng ở các pháp chuyển cái nhìn. Ấy gọi là thiên pháp. Ví như mắt người thanh tịnh không có khí nóng, như thực thấy vàng là vàng. Như thế là trừ nội tâm tưởng trí lực, tuệ nhãn thanh tịnh, thấy các pháp thực tướng. Ví như thủy tinh thật, vật vàng bám ở trong thì nó tùy theo thành sắc vàng. Sắc xanh, đỏ, trắng đều tùy sắc mà biến. Tâm cũng như thế, kẻ phàm phu nội tâm tưởng trí lực thấy các pháp có tướng khác. Quán thực tướng của các pháp chẳng không, chẳng phải chẳng không, chẳng có, chẳng phải chẳng có; trong pháp ấy thâm nhập không dòi dôi, không có chướng ngại. Ấy gọi là độ thậm

pháp nhãn. Độ là được pháp thậm thâm, đầy đủ không ngại, được qua bờ kia.

KINH. Được sức vô úy ( không sợ hãi ).

LUẬN. Các lực của Bồ Tát, bốn vô sở úy thành tựu.

HỎI : Như Bồ Tát sở tác dĩ biện, chưa được nhất thiết trí, sao lại nói bốn vô sở úy ( bốn điều không sợ ) ?

ĐÁP : Vô sở úy có hai thứ : Vô sở úy của Bồ Tát và vô sở úy của Phật. Đây là nói sức vô sở úy của Bồ Tát.

HỎI : Thế nào là bốn vô sở úy của Bồ Tát ?

ĐÁP : Một là nghe tất cả mà hay giữ được, được đà-la-ni thường ức niệm không quên mất; ở trong chúng thuyết pháp không sợ. Hai là biết tất cả dục,

Đoàn hành hương đứng trước Chùa Nam Hoa,  
nơi Lục Tổ Huệ Năng khai sơn thành lập.

nhân duyên giải thoát, các căn lợi độn, tùy chỗ đáng nói mà nói pháp

một cách không sợ sệt giữa đám đông. Ba là dù có người từ mười phương lại gạn hỏi cố tình làm cho ta đáp không đúng pháp, Bồ Tát đều không thấy tướng ấy vẫn ở trong đám đông ung dung nói pháp không sợ sệt. Bốn là tất cả chúng sinh nghe chịu gạn hỏi, Bồ Tát ở trong đám đông tùy ý như pháp mà đáp, khéo đoại nghi cho tất cả chúng sinh mà không sợ sệt.

KINH. Đã vượt khỏi các viết ma.

LUẬN. Ma có bốn thứ : Ma phiền não, ma ngũ âm, ma chết, ma con trời Tha-Hóa-Tự-Tại. Các Bồ Tát được đạo Bồ Tát nên phá được ma phiền não được thân pháp tính; phá ma ngũ-âm đắc đạo được thân pháp tính; phá ma chết thường được nhất tâm, tất cả mọi chỗ không đắm trước, vào tam muội bất-động; phá ma con trời Tha-hóa-tự-tại.

Lại nữa, trong Bát-nhã ba-la-mật phẩm « giác ma », Phật tự nói ma nghiệp, ma sự là các việc ma này đã hết, đã qua nên gọi là đã vượt khỏi các việc ma. Lại nữa, trừ thực tướng của các pháp, tất cả các pháp dư tàn đều gọi là ma như : Phiền não, kết sử, dục, phược (buộc), thủ (giữ), triền (trói), ám, giới, nhập, ma vương, ma dân, .v.v... tất cả đều là ma. (còn tiếp)

# Lục hoà

Hoà thương Tuyền Hoà

**H**ọc Phật pháp phải biết rõ tính quan trọng của Phật pháp. Nếu không nhận thức rõ ràng, hoặc chẳng hiểu biết triệt để, thì không thể nào lão lão thực thực mà tu hành, không tu hành thì chẳng có sở đắc, cũng chẳng có trí huệ.

Người có trí huệ thì không thể ở chỗ đen tối, người ngu si thì không thể ở chỗ ánh sáng. Tại sao? Vì người ngu si ở chỗ đen tối, thì không cảm thấy rằng đen tối, do đó tập quán thành tự nhiên. Song, người có trí huệ biết đen tối là không đúng, cho nên phải tìm chỗ có ánh sáng mà ở. Ánh sáng thì chẳng có tâm sân hận, đen tối thì có tâm sân hận. Cho nên chánh đại quang minh tức là tâm địa quang minh, chẳng có đen tối chướng ngại.

Người tu đạo phải luôn luôn hồi quang phản chiếu, tức cũng là phản tỉnh những gì mình làm mỗi ngày, rằng có hợp với giới luật chăng? Hợp thì khỏi, không hợp thì sửa đổi, luôn luôn quản thúc mình, đừng làm cho mình niệm niệm sinh ngu si, mà phải niệm niệm sinh trí huệ, sinh trí huệ thì không nóng giận, người ngu si mới nóng giận. Người có sự tu dưỡng thì tuyệt đối chẳng sinh tâm nóng giận. Người có hàm dưỡng công phu, thì sẽ khiến cho người tự nhiên sinh tâm cung kính. Học Phật pháp phải ngày càng thông minh, đừng ngày càng ngu si, về điểm này hãy nên nhớ, nên luôn luôn chú ý.

Nếu bị người mắng thì không nên mắng lại người, đó mới là công phu nhẫn nhục thật sự, tức cũng là có định lực. Chẳng những đối đãi với huynh đệ phải hòa khí, mà đối đãi với đồ đệ đồ diệt cũng phải hòa mục, đừng bao giờ sinh nóng giận. Cổ đức có nói: *“Lửa vô minh, thần cọp, đây là gốc tội nghiệt kiếp trước.”* Tức nhiên biết có gốc tội nghiệt, thì hãy bứng gốc tội nghiệt lên, nếu không thì sẽ biến thành đại chướng ngại cho sự tu đạo, không thể tăng trưởng căn lành.

Người tu đạo, bất cứ gặp cảnh nghịch như thế nào đều phải thuận thọ, đừng động lửa trong gan, đừng sinh nóng giận. Ở trong Chúng Đạo Ca của Đại sư Vĩnh Gia có nói:

“Quán lời ác là công đức,  
Đó là thiện tri thức của ta,  
Đừng vì sự phỉ báng mà khởi oán thân,  
Đó là vô sinh tử nhân lực.”

Đại ý nói là: Nếu có người mắng bạn thì đó là công đức. Người mắng bạn tức là thiện tri thức của bạn, họ trợ giúp bạn tăng trưởng công đức, họ trợ giúp bạn tu đạo, đừng vì họ phỉ báng mà khởi tâm sân hận, nên sinh tâm từ bi, do đó có câu: *“Người xuất gia, đừng từ bi làm gốc, phỉ báng tiện làm của.”* Làm thế nào chúng mình có tâm từ bi? Có người đến mắng bạn, có người đánh bạn, thậm chí có người giết bạn, đó là thử thách định lực của bạn có đủ hay không, người có định lực thì chẳng động tâm, tức là nóng giận.

Bây giờ tôi nhớ lại, lúc tôi ở tại Tam Phan Thị (San Francisco), lúc đó chỉ có mình tôi ở đó, chẳng có ai trợ giúp, do đó mới thỉnh một vị pháp sư từ Đài Loan đến, hy vọng ông ta giúp tôi hoằng dương Phật pháp. Tôi nhờ luật sư làm giấy tờ để bảo lãnh ông ta đến Mỹ, sau khi ông ta nhận được giấy nhập cảnh bèn đi các nơi hóa duyên, có được nhiều tiền rồi, ông ta bỏ kế hoạch đi Mỹ. Một năm sau, giấy tờ đã bỏ hết, lại muốn đi Mỹ, tôi lại nhờ luật sư để làm giấy tờ nữa, trước sau hai lần làm giấy tờ tốn khoảng hơn tám trăm đô la. Ban đầu ông ta muốn thành tâm hợp tác, vì Phật giáo cống hiến một phần sức lực. Thật không ngờ chưa đầy một tháng, thì đã hoàn toàn thay đổi, hằng ngày ông ta đi đến hội Phật Giáo khác bí mật ký ước với người ta muốn rời bỏ Giảng Đường của tôi.

Lúc đó, tôi đã biết nội tình, một ngày nọ sau khi làm lễ buổi tối xong, khi đó có năm sáu vị cư sĩ cũng ở đó, có một nhóm người mang ông ta đến. Ông ta nổi trận lôi đình dùng cây dao (dao mang từ Đài Loan đến, dài khoảng một thước), chỉ vào bụng của tôi nói: *“Tôi muốn giết ông!”* Lúc đó, tôi nhắm mắt lại như nhập định, tâm nghĩ nếu tôi kiếp trước giết ông, thì đời này nhất định ông sẽ giết tôi, đó là nhân quả. Cho nên thái độ của tôi rất bình tĩnh, không sao, ông cứ tùy tiện! Vị Pháp

sứ đó la lên nói : “*Đừng nhắm mắt ! Tại sao ông không nói*” ! Một mặt thì chửi, một mặt dùng dao để uy hiếp, trải qua ba ngày như thế, chẳng những mắng chửi mà còn muốn giết người. Ba ngày sau, ông ta thấy tôi chẳng có chút phản ứng gì, mới dọn đến hội Phật giáo mà ông ta đã ký ước để ở. Chưa đến một tháng, chịu khổ không được bèn yêu cầu muốn trở lại, tôi nói : “*Hoan nghinh ông trở lại, tôi đem Giảng Đường đó cho ông ta vô điều kiện, tôi muốn đến nơi khác để ở.*” Ông ta chẳng dám nhận, cho nên trở về Đài Loan, bây giờ nghe nói ông ta điếc và mắc nhiều bệnh tật.

Người tu đạo mà bị người ta mắng chửi, đó là thử thách định lực của bạn như thế nào ? Người có định lực, được người ta khen cũng chẳng mừng, bị người phỉ báng cũng chẳng giận, đó là cảnh giới tám gió thổi không lay động. Hãy xem những lời mắng chửi như tiếng ca để thưởng thức, hoặc coi như tiếng ngoại quốc nghe chẳng hiểu, có công phu như thế thì tự nhiên hóa đao nhọn thành ngọc lụa, có việc biến thành không việc.

Người tu đạo, tức là nhẫn nhục không được cũng phải nhẫn, chịu không được cũng phải chịu. Nhẫn được chịu được đó là có định lực, không nhẫn được không chịu được thì chẳng có định lực. Định lực tu như thế nào ? Trước hết phải giữ giới, giữ giới thì không làm ác ngửa việc quấy, tức cũng là “Không làm các việc ác, làm các việc lành.” Giữ giới thì phải thường kiểm thảo mình, phải làm việc thiện, đừng làm việc ác. Đối với thế giới có công thì đừng ngại hãy tiếp tục làm, còn đối với thế giới có lỗi thì lập tức hối cải, như thế thì sẽ sinh ra định lực. Sinh ra định lực rồi thì còn phải trải qua sự thử thách. Nếu có người đến chửi bạn hoặc đánh bạn mà bạn như như không lay động, đến cảnh giới không người không ta, thì mới cho rằng là có định lực, do đó có câu :

“Tất cả là thử thách,  
Xem thử bạn làm sao,  
Trước mắt mà chẳng hay,  
Phải luyện lại từ đầu.”

Người tu đạo không thể chướng ngại những người khác phát tâm bồ đề, nhất là không thể khiến cho người khác sinh đạo tâm thối lui, nếu có những tư tưởng như thế, thì mình tu đạo cũng chẳng có sự

thành tựu, bất cứ ai muốn phát bồ đề tâm thì nên trợ giúp họ, thành tựu họ, không nên phá hoại họ, khiến cho họ sinh tâm thối lui, nếu như thế thì chắc chắn sẽ đọa địa ngục.

Giữ giới phải thanh tịnh, phải từ bi, phải cung kính, phải hòa khí, do đó cần có tinh thần lục hòa. Người tu đạo lấy lục hòa làm tiêu chuẩn mới là người giữ giới luật. Lục hòa là gì ?

**1). Thân hòa đồng trụ :** Mọi người ở chung với nhau, tu với nhau, nghiên cứu với nhau. Không được nói chỗ này chỉ có tôi, chẳng có bạn, càng chẳng có ai khác, không được từ sáng đến tối, đấu tranh với sư huynh đệ hoặc bạn đồng tu bằng thân khẩu ý, thứ tư tưởng này không nên tồn tại. Nếu có tình hình như thế thì hãy mau sửa đổi. Không thể chỉ biết có mình, mà không biết có người khác, ngược lại dùng thế lực, địa vị để đè nén bức bách người, khiến cho họ phải phục tùng, như thế càng không thể được. Nếu đè nén bức bách người khác, thì đừng nói đến thân hòa đồng trụ.

**2). Khẩu hòa vô tranh :** Không được dùng miệng để tranh luận, dùng miệng để đấu tranh, đều cho rằng mình là đúng, còn người khác là sai, đó là biểu hiện miệng chẳng hòa hợp. Người tu đạo, phải tu tam muội không tranh, miệng hòa tức là chẳng tranh luận. Nếu có hàm dưỡng công phu, thì mọi người nhất định cung kính nhau như khách.

**3). Ý hòa đồng duyệt :** Ý niệm của bạn phải hòa hợp với ý niệm của người khác, đừng có chia rẽ ý kiến, được như thế thì mọi người thuận với nhau. Phải biết rằng, đạo tràng chẳng phải đạo tràng của một người, mà là đạo tràng của mọi người, đừng dùng thủ đoạn cưỡng bách ép người, khiến cho người không vui vẻ hòa thuận mà gieo trồng xuống nhân ba đường ác.

**4). Kiến hòa đồng giải :** Không nên cho rằng kiến giải của người khác là không đúng, chỉ đặc biệt kiến giải của mình là hơn người khác, tư tưởng như thế không chấp nhận được. Phải minh bạch kiến giải của mọi người mới có thể thực hành, tức cũng là phục tùng ý kiến của đa số, không độc tài, không được chuyên chế.

**5). Giới hòa đồng tu :** Giới luật mọi người đều giữ, giống như luật pháp quốc gia, ai ai cũng phải

giữ, không được nói giới này là bạn giữ, chứ chẳng phải tôi giữ. Những người có tư tưởng như thế là thú bại hoại ở trong Phật giáo, mọi người nên cùng trừ khử “trùng sư tử”, khiến cho cửa Phật thanh tịnh.

**6). Lợi hòa đồng quân :** Tất cả lợi ích, mọi người nên cùng nhau chia đều, không thể chỉ một người có, một người có, đó là chẳng quân bình. Người xưa có nói :

“*Bất hoạn quả, nhi hoạn bất quân.*”

Không quân bình thì sẽ than oán, nếu đồng đều thì chẳng có lời oán trách, do đó có câu :

“*Nhân bình bất ngữ, thủy bình bất lưu.*”

Nghĩa là : Người hòa thì chẳng nói, nước bình thì không chảy. Tức là đạo lý này.

Người tu đạo phải minh bạch đạo lý sáu điều hòa hợp mới không chướng ngại người khác đồng tu, không áp bức người khác đồng đạo, đó là việc rất quan trọng, mong rằng mọi người lưu ý, không được biết rõ mà cố ý phạm. Phải :

“*Tính định ma phục triều triều lạc,  
Vọng niệm bất khởi xú xú an.*”

“*Tính định ma phục triều triều lạc*” là gì ? Giữ giới thì khiến cho tính an định. Tính an định thì ma gì cũng chẳng có. Tính không định thì mới có ma đến nhiều loạn, tính định thì hàng phục được ma, do đó có câu :

“*Đạo cao long hổ phục,  
Đức trịnh quỷ thần khâm*”.

Nếu bạn có đạo nghiệp cao thâm, nói ra một câu thì chư Phật, Bồ Tát, Thiên long bát bộ đều đến ủng hộ lời nói của bạn, lúc đó rồng cũng khoan lại, cọp cũng nằm phục xuống. Nếu bạn có đức hạnh cao thượng thì lời nói ra đều rất linh nghiệm. Do đó, quỷ thần cũng khâm phục bạn, thấy bạn liền cúi đầu đánh lễ rất cung kính, cho nên nói tính định ma phục triều triều lạc.

“*Vọng niệm bất khởi xú xú an*” là gì ? Nếu tâm của bạn khởi vọng tưởng, thì bất cứ đi đến đâu cũng chẳng được bình an, cũng chẳng được cát tường. Người có vọng tưởng tức là tham tâm bất

túc, đứng núi này trông núi nọ cao, đến núi nọ rồi thì thấy núi khác cao hơn. Đó là biểu hiện lòng tham của con người, giống như tâm tham của người làm ruộng, mùa xuân gieo xuống ít hạt giống, mà muốn mùa thu thu hoạch dồi dào. Người đi học có tâm tham là hy vọng đọc tú thư ngũ kinh để tương lai làm quan lớn. Người làm công có tâm tham của người làm công, người buôn bán thì có lòng tham của người buôn bán. Tóm lại, ai cũng hy vọng muốn kiếm được nhiều tiền, hưởng thụ cho nhiều. Song, dục vọng chẳng ngừng, vĩnh viễn chẳng bao giờ đầy đủ. Có bài thơ này khuyên người :

“*Suốt ngày bận rộn chỉ vì cơm  
Được cơm no rồi lại nghĩ áo  
Cơm áo hai thứ đều đầy đủ  
Trong phòng lại thiếu người vợ đẹp  
Cưới xong vợ đẹp và thiếp xinh  
Ra vào không kiệu chẳng ngựa cưỡi  
Lừa, ngựa một bày kiệu có đủ  
Lại chẳng quan chức bị người cười  
Năm phẩm bốn phẩm chê quan nhỏ  
Ba phẩm hai phẩm cũng hiềm thấp  
Một phẩm đương triều làm tể tướng  
Lại muốn làm vua một cõi nước  
Một khi được lên làm ông vua  
Lại muốn thần tiên xuống đánh cờ.*”

Đây là vọng tưởng lòng tham của con người, do đó có câu : “*Tâm tham bất túc xà thôn tượng.*” Nghĩa là, lòng tham chẳng biết đủ thì giống như một con rắn nhỏ mà muốn nuốt chửng một con voi lớn, làm sao mà làm được ? Cũng giống như kẻ ngu nói chuyện mộng mị.

Người tu đạo phải chú trọng đức hạnh, tức cũng là chú trọng về đạo đức. Đạo đức là lợi ích kẻ khác, chẳng phải lợi ích chính mình, việc đối với mình có chỗ bất lợi, nhất định mình phải gánh lấy, việc đối với người có chỗ thiệt hại, thì mình nhất định trợ giúp giải quyết sự khó khăn. Tóm lại, đạo đức là lợi người, chẳng phải hại người, đây là nguyên tắc cơ bản.

Quan trọng nhất về việc tu đạo là tu đạo đức. Đạo thì ở bên ngoài, đức thì ở bên trong ; tài bồi đạo bên ngoài, tức là tu tất cả đạo, ở bên ngoài có đạo



rời, thì bên trong cảm thấy rất khoái lạc, có đức nơi tâm thì gọi là đức hạnh.

“Có đức ai ai cũng kính,  
Có đạo ai ai cũng trọng.”

Bạn có đức hạnh thì ai ai cũng kính phục bạn, sùng bái bạn, dù bạn mắng người hoặc đánh người, song người bị mắng hoặc bị đánh, đều cảm thấy rất vinh hạnh mà sinh hoan hỷ. Nếu chẳng có đức hạnh, dù hướng về người đánh lễ, người ta còn muốn đá bạn hai đá, chán đánh bạn chẳng có đạo đức ! Cho nên đức hạnh là hạnh môn người tu đạo phải tu.

Người tu đạo phải treo hai chữ đạo đức lên giữa chân mày, khi mở mắt thì thấy ngay. Ở các nước phương Tây, vốn chẳng chú trọng về đạo đức, chỉ đề cập đến khoa học, chứ chẳng đề cập đến đạo đức, cho nên đã quên mất đi nguồn gốc. Người tu hành chẳng có đạo đức thì không thể thành tựu đạo nghiệp, không thể thành Phật làm Tổ. Phật là vạn đức trang nghiêm, vạn đức thành tựu, có nhiều đức hạnh nên mới có thể thành Phật.

Đạo đức tức là chánh khí, đạo đức ví như mặt trời mặt trăng, đạo đức đồng như trời đất, cho nên hai chữ đạo đức mọi người không thể coi thường. Đạo đức tức là đạo tràng, đạo đức tức là tu hành, phải tu hành mới có đạo đức.

“Đạo thì phải hành,  
Không hành đạo dùng làm gì ?  
Đức thì phải tu,  
Không tu đức từ đâu đến” ?

Cho nên người tu đạo, nếu không chú trọng về đạo đức, thì chẳng cách chi để tu hành.

Đạo đức tức là xả mình vì người, chẳng có tâm ích kỷ lợi mình. Cho nên người tu đạo, mỗi cử chỉ hành động, lời nói, việc làm, đều phải chú trọng về đạo đức. Khi mình có sức lực thì hết mình giúp đỡ người khác, hộ trì đạo tràng, cúng dường Tam Bảo, tức là hành vi giúp đỡ kẻ khác, khiến cho đạo tràng chẳng có chút phiền não gì, đó đều là phương pháp tu đạo đức tốt nhất. Do đó, các bạn nên đem hết sức mình, hết lòng tu cho được viên mãn, thì mới có sở thành tựu. Thiên ngôn vạn ngữ một câu nói :

“Tất cả vì chúng sinh mà chẳng vì chính mình.”

Đó là hành Bồ Tát đạo. Người hành Bồ Tát đạo thì nhất định phải dùng có cái ta. Tự giác tuy quan trọng, song giác tha còn quan trọng hơn. Điểm này mong rằng mọi người hãy chú ý, tức là phải luôn luôn lợi ích chúng sinh.

“Sức thiên định giải thoát vô biên.” Phật có sức thiên định và giải thoát, thứ sức lực này vô lượng vô biên. Thiên định là gì ? Tức là vọng tưởng không sinh, ngòi thấy bản tánh. Giải thoát là gì ? Giải sự trói buộc nghiệp hoặc, thoát khỏi quả khổ ba cõi.

“Tam muội phương tiện cũng như thế.” Phật có có vô lượng vô biên định lực và phương tiện lực. Tam muội là gì ? Tức là chánh định, không lệch không tà là chánh, không suy không nghĩ là định. Phương tiện là gì ? Tức là phương pháp khéo léo, sử dụng tiện lợi.

Các vị ! Giữa người với người dùng sinh phiền não, hoặc bạn nhìn tôi không đúng, tôi nhìn bạn không tốt. Các bạn hãy quán sát kỹ xem, Phật với Phật thấy nhau thì đều cùng nhau cung kính, tuyệt đối chẳng nóng giận. Chúng ta người tu đạo phải xem chúng sinh là Phật vị lai, nếu nóng giận với chúng sinh thì cũng như nóng giận với Phật vị lai. Suy tư như thế, thì chẳng có nóng giận, mà còn hòa nham duyệt sắc đối với tất cả chúng sinh.

## pháp ngữ của thiền sư Hư Vân

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

**VIII. Khai Thị Tại Đại Hội Hoan Nghinh Các Giới Chức, Tại Hội Quán Trung Sơn Ở Quảng Châu Vào Ngày 18-8-1946**

Lần này, bốn chúng cùng quý vị đại hộ pháp tại các tỉnh hội mời Hư Vân tôi đến đây để hoằng dương Phật pháp. Hư Vân tôi tri thức cạn cợt, thẹn thùng chẳng dám đảm nhận. Hôm nay cùng quý vị đại biểu phân rõ ba điều: Thứ nhất, cung kính hoan nghinh quý vị đến đây. Thứ hai, cảm ơn quý vị đã cúng dường trai tăng. Thứ ba,

không thể ở đây lâu được. Do quý vị đại biểu yêu cầu, Hư Vân tôi mới xuống núi. Đến đây, lại được sự ân cần tiếp đãi của quý vị. Chùa Lục Dong nhỏ hẹp. Người đến đây không phải ai ai cũng được tiếp đón nồng hậu. Hôm nay, đại chúng đồng thỉnh tôi đến đây giảng vài lời. Có vị bảo rằng người như Hư Vân tôi thật rất khó gặp. Thật ra, tôi chỉ là một cây gỗ già nua mục nát rất vô dụng, chẳng có tài cán, lời hay ho, hoặc pháp gì để nói.

Hôm nay, các giới chức đồng phát tâm kiến lập pháp hội Thủy Lục để truy điệu các chiến sĩ trận vong, đồng bào tử nạn. Vì vậy, tôi sẽ giảng thuyết sơ về duyên khởi của sự kiến lập đàn tràng Thủy Lục. Sao gọi là Thủy Lục? Thủy tức là nước tại sông biển ao hồ. Lục tức là đất đai tại núi non, cao nguyên, đồng bằng. Thủy Lục (đất nước) bao hàm cả hư không. Nếu là vật có hình tướng thì không vượt ngoài ba vật này (đất, nước, hư không).

Đấng Như Lai của chúng ta khởi tâm đại từ bi, cứu tế khắp loài hữu tình, nên mới lập ra pháp môn này. Duyên khởi của pháp hội Thủy Lục là khi tôn giả A Nan tu tập thiền định trong rừng, có một con quỷ chúa đến cầu xin cứu độ. Tôn giả A Nan liền trở về núi Linh Thứu, cầu Phật dạy bảo. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nhân đó mà thuyết pháp Thủy Lục. Con quỷ chúa vốn là hóa thân của Bồ Tát Quán Thế Âm. Vì thương xót chúng sanh trên đất liền đang chịu bao thống khổ, và muốn giúp cho âm hồn trong cõi địa ngục U Minh được vãng sanh lên cõi Cực Lạc, nên thiết pháp siêu độ.

Pháp hội này khởi đầu từ đời vua Lương Võ Đế ở nước Tàu. Nhà vua phát tâm Bồ Đề rất mực chân thành mà cung thỉnh hòa thượng Chí Công, định chế nghi thức lập đàn tràng "Thủy Lục" để làm lợi ích cho các oan hồn uổng tử. Sắp đặt đèn cây xong, vua Lương Võ Đế lễ một lạy; kế đến thấp đèn "Tận Minh", rồi lễ thêm một lạy. Khi đó, cung điện chấn động. Vua lễ lần thứ ba thì trời mưa hoa báu. Công đức đàn tràng "Thủy Lục" như thế.

Đời Đường, tại chùa Pháp Hải, thiền sư Anh Công lại kiến lập đàn tràng Thủy Lục để cầu siêu độ cho vua Tần Trang Nương, Phạm Tuy, Bá Khởi, Vương Long Vũ, Trương Nghị, Chấn Muội, v.v... đã bị trầm luân cả ngàn năm, khiến họ siêu thăng cõi trời. Cư sĩ Tô Đông Pha đời

Tống, đại sư Liên Trì đời Minh, v.v..., cùng chư thánh hiền bao đời bổ sung thêm vào, khiến cho nghi thức lập đàn tràng Thủy Lục ngày một hoàn bị. Muôn pháp do tâm tạo. Mọi người đều thành tâm, tất sẽ có cảm ứng.

Hư Vân tôi thể theo lời khẩn thỉnh của các vị đại hộ pháp mà làm pháp chủ cho đàn tràng này, thật khó từ chối được.

Các chiến sĩ trận vong trong thời kỳ kháng chiến, xả thân báo quốc, nhưng hồn họ vất vưởng, không nơi nương tựa. Vì tôn sùng ân đức này, chúng ta kiến lập đàn tràng để cầu siêu độ cho họ. Nghĩa dân bất khuất, lưu lạc đường hoang, nhà tan người mất, không hàng phục quân địch, trung thành vì nước. Cô hồn vô chủ, lang thang khắp nơi. Lại có những vong hồn uổng tử, chết vì bị trúng đạn, xe cán, binh dịch, chết đuối, chết oan v.v... Chúng ta phải cầu siêu độ hết để an ủi chúng sanh ở cõi u linh. Kẻ chết được an, người sống được ích lợi, tức là làm lợi ích khắp cõi dương và cõi âm.

Đây là lý nhân quả tuần hoàn. Xoay lại đạo lý nhân tâm, không ngoài các việc ác chớ làm mà phải hành theo những việc lành. Bao việc khổ sở trên thế gian đều do đã trồng nhân xấu đời trước. Nếu tán tận lương tâm, bỏ quên hiếu đễ, trung tín, lễ nghĩa, khiêm, sĩ, cứ làm càn làm bậy, thì khiến lụy đến người hiền, và thế giới mãi mãi vẫn còn loạn lạc. Đất nước vừa được trùng quang độc lập, phải cực lực hưng thiện dẹp trừ việc xấu, cải ác theo lành, thì mới không bị nước ngoài xâm lăng. Nếu không lo chuyện đại cuộc mà vẫn cứ khởi nội loạn, thì nhân dân không biết sẽ chết nơi nào. Lúc này, nếu người có lương tâm phải sớm giác ngộ, biết đoàn kết, giải trừ kiếp vận cho đất nước. Nước Tàu từ lúc Hoàng Đế khởi binh đánh vua nước Cửu Lê cho đến ngày nay, chiến tranh mãi không dừng.

Nếu muốn hòa bình mãi mãi thì mọi người phải nên phát tâm Bồ Đề, và tâm đại từ đại bi. Bồ Đề là chữ Phạn, nghĩa tức là giác. Giác tức là đất tâm sáng chiếu. Sự khác biệt giữa chư Phật và chúng sanh là việc giác ngộ hay chưa giác ngộ. Những vị đã giác ngộ tất cả các pháp trên thế gian đều do duyên sanh như mộng như huyễn, và thể tánh vốn không, chẳng bị nhiễm ô, được gọi là thánh hiền. Bất giác tức là vô minh. Một khi vô minh khởi lên thì mê mờ sự lý. Từ tự tâm của chúng ta, sanh ra mười pháp giới. Mười pháp giới đều do tâm

tạo. Mười pháp giới gồm có bốn pháp giới thánh hiền và sáu pháp giới phàm phu. Bốn pháp giới thánh hiền là pháp giới của Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật. Gọi là cảnh giới thánh hiền vì nơi đó các ngài đã vượt ngoài ba cõi, không còn thọ luân hồi. Nếu phân biệt thì giữa bốn pháp giới thánh hiền có phân chia cao thấp. Pháp giới tối thượng tức là pháp giới của chư Phật. Kế tiếp là pháp giới của Bồ Tát, rồi đến pháp giới của Duyên Giác, và cuối cùng là pháp giới của Thanh Văn. Sáu pháp giới phàm phu vẫn còn nằm trong biển khổ luân hồi là pháp giới của trời, người, A Tu La, súc sanh, địa ngục, ngạ quỷ. Pháp giới của cõi trời có ba mươi hai tầng trời. Sau khi thọ hết phước báu, chư thiên vẫn bị luân hồi như thường. Con người từ đế vương, tể tướng cho đến nông dân, công thương, sĩ thứ, đều thọ hết tất cả khổ của sanh già bệnh chết. Loài A Tu La có phước nhưng không có đức như chư Thiên nên cuối cùng vẫn phải bị hoại diệt. Trong loài súc sanh, cũng có sự khác nhau về việc hưởng lạc và thọ khổ, như loài rồng phượng, sư tử, lân giác thì thường hưởng lạc, và ít thọ khổ hơn loài trùng kiến thấp sanh, hóa sanh. Khổ nhọc hay an lạc trong loài quỷ cũng không đồng. Các quỷ vương như Diêm Vương và Thành Hoàng đều hưởng lạc nhiều mà thọ khổ ít hơn những loài quỷ cô hồn vô chủ. Khổ nhất là loài ngạ quỷ. Chúng sanh trong địa ngục thường thọ vô biên khổ cực, chẳng hề được sung sướng.

Mười pháp giới không ngoài một tâm. Giác ngộ hay chưa giác ngộ cũng từ tâm này ra. Đức Phật của chúng ta thật rất đại từ đại bi. Ngài giảng kinh thuyết pháp để khiến cho mọi người phát tâm Bồ Đề. Phát tâm Bồ Đề cũng sai khác. Bậc lớn thì phát tâm tu hành thành Phật. Bậc trung thì phát tâm tu hành thành Bồ Tát. Bậc nhỏ thì phát tâm tu hành thành Thanh Văn Duyên Giác. Chư thiên cũng có vị phát tâm Bồ Đề. Do sự phát tâm rộng hẹp, lớn nhỏ, nên việc thành tựu đạo quả mau chậm không đồng. Chúng ta đang sống trong cõi người, phải nên phát tâm Bồ Đề rộng lớn, cứu độ chúng sanh, thay họ chịu khổ. Lại nữa, nên nguyện rằng sẽ dẹp trừ khổ lụy và khiến chúng sanh được siêu thăng. Nếu người người đều phát tâm như thế thì cõi nhân gian sẽ không còn khổ đau. (còn tiếp)

*Hàm Sơn Đại Ni*

*Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt*

Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

#### 04. Xuất Gia.

Có ai ngờ rằng chú tiểu Sa Di tại chùa Viên Giác ở Hào Châu (nay là huyện Phượng Dương, tỉnh An Huy), sau này trở thành Hoàng Đế khai quốc của triều Minh. Chú tiểu đó là Minh Thái Tổ, Chu Nguyên Chương. Trong lịch sử nước Tàu, có rất nhiều vị hoàng đế xuất gia đi tu, nhưng chỉ có một chú tiểu Sa Di được làm Hoàng Đế. Chu Nguyên Chương hiểu rõ Phật giáo rất quan trọng trong việc định lập trật tự xã hội. Đồng thời ông cũng thấy rõ triều Nguyên rất sùng tín Lạt Ma Giáo. Những Lạt Ma thời đó thường lạm quyền hoành hành, khiến dân chúng ta oán. Đây là nguyên nhân mất nước quan trọng của triều Nguyên.

Từ những năm đầu khai quốc, Chu Nguyên Chương vừa nể sợ vừa lợi dụng Phật giáo. Ông biết rõ rằng đối với sự duy trì ngôi vua, Phật giáo có tác dụng tối quan trọng. Thế nên, ông rất tán trợ, bao dung Phật giáo. Lại nữa, vừa khi khai sáng triều Minh, dân chúng luôn ước vọng hòa bình, an định cuộc sống sau những năm dài chiến tranh. Thời đó, Phật giáo ảnh hưởng sâu đậm vào cuộc sống hằng ngày của dân chúng, nên được xem là quốc giáo. Vì vậy, sau ông Chu Nguyên Chương những Hoàng Đế triều Minh luôn tiếp tục ủng hộ Phật giáo phát triển mạnh mẽ. Tuy nhiên, chỉ có triều Minh Thái Tông là tin theo đạo giáo mà bài bác Phật giáo. Nói chung, từ Minh Thái Tổ đến Minh Hiến Tông, chùa viện được xây cất hàng ngàn, chư tăng lui tới kinh đô hàng vạn. Phật giáo trong đời Minh được phát triển khắp nơi. Sự quan hệ giữa tăng sĩ cùng hoàng thân quốc thích ngày một thân thiết. Chư tăng thường được trực tiếp kiến diện Hoàng Đế cùng các vị cao quan hiển quý. Vì vậy, chư tăng có khi được vinh hoa cùng bị họa hạn, có lúc được ban đại y đỏ tím, có lúc bị liên lụy thị phi đến quan trường. Đến cuối đời Minh, toàn quốc có khoảng năm trăm ngàn tăng ni. Vì vậy, Toàn Tiêu tuy là huyện thành nhỏ, nhưng lại có rất nhiều chùa viện lớn nhỏ.

Năm mười hai tuổi, Ngài đến chùa Báo Ân, là một ngôi chùa lớn và danh tiếng nhất tại Kim Lăng. Hòa thượng trụ trì là ngài Tây Lâm, uyên thâm Phật

pháp, đạo cao đức trọng. Thời ấy, kinh đô tuy đã dời lên Bắc Kinh, nhưng Kim Lăng (Nam Kinh) vẫn là trung ương cơ cấu trọng yếu. Vì vậy, quyền hành thì đã dời lên Bắc Kinh, nhưng cơ cấu trung ương tại Kim Lăng vẫn tồn tại. Nhiều quan lại tại Kim Lăng trong những lúc nhàn rỗi thường qua lại với các vị cao tăng. Hòa thượng Tây Lâm cùng quan lại liên hệ rất mật thiết. Đệ tử của hòa thượng Tây Lâm sau này viết lại: "Hòa thượng trụ trì chùa Báo Ân, Vĩnh Ba, hiệu Tây Lâm tự Nhất Mã. Ngài thường lui tới bộ Lễ. Lên ngựa, Ngài tụng kinh "Kim Cang", "Pháp Hoa". Vừa xuống ngựa thì Ngài đã tụng kinh xong."

Năm mười hai tuổi, tuy bảo là xuất gia nhưng thực chất thì không phải. Nhân vì tuổi Ngài quá nhỏ, mà tiền đồ lại quá xa, nên chưa được chính thức cạo tóc xuất gia. Lúc gặp Ngài, hòa thượng Tây Lâm rất vui mừng, xoa đầu bảo cha mẹ Ngài: "Vợ chồng thí chủ thật rất may mắn có được đứa con trai cốt khí phi phàm. Nếu chỉ do tăng sĩ tầm thường dạy dỗ thì thật đáng tiếc."

Bà Thái Hồng Thị thưa: "Bạch Hòa Thượng! Cầu mong Ngài thương tình chiếu cố, dạy dỗ cho nó được thành tài."

Hòa thượng Tây Lâm bảo: "Thí chủ an tâm! Nếu không hiềm nghi, bản tăng tuy đạo hạnh thô thiển, nhưng sẽ tận tâm dạy dỗ nó."

Nghe thế, Ngài liền chấp tay xưng: "Bạch Sư Phụ!"

Hòa thượng Tây Lâm rất vui mừng, bảo: "Đầu tiên, nó sẽ học tập dưới sự chỉ dạy của bản đạo. Tương lai, nếu có duyên lành, nó sẽ gặp bậc minh sư, chỉ dạy đàng hoàng. Phật giáo phát triển quảng đại là nương nhờ nơi thầy bé này đây."

Nghe lời này, cả Thái Ngạn Cao cùng bà Thái Hồng Thị không đành lòng cho con mình xuất gia, chỉ cho phép ở lại để học Phật pháp.

Được đồ đệ này, hòa thượng Tây Lâm rất vui mừng đặc ý, nên lập tức đưa Ngài đến gặp lão bằng hữu, pháp sư Vô Cực. Khi ấy, pháp sư Vô Cực đang giảng kinh tại điện Tam Tạng. Nơi đó, hòa thượng Tây Lâm lại có một vị bằng hữu, ông Triệu Đại Châu (danh Trinh Các, sau này làm quan đến chức Lễ Bộ Tri Lang, Anh Võ Đại Học Sĩ). Pháp sư Vô Cực cùng ông Triệu Đại Châu khi thấy Ngài, rất vui mừng, bảo hòa thượng Tây

Lâm: "Này Sư Huynh! Ngài tìm ra đâu được một thằng bé khôi ngô vậy?"

Hòa thượng Tây Lâm hỏi lại: "Thằng nhỏ này, tương lai có thể là bậc xuất chúng không?"

Triệu Đại Châu đáp: "Đừng nói chi là xuất chúng, tương lai nó quyết sẽ thành một nhân vật vĩ đại."

Tuy vậy, ông vẫn còn hoài nghi là không biết Ngài có muốn làm tăng sĩ chăng, nên hỏi: "Người thích làm quan hay làm Phật?"

Không đợi Ngài trả lời, ông nói tiếp: "Làm quan to thì tận hưởng vinh hoa phú quý, còn làm Phật thì khổ cực muôn vàn. Ta thấy người hãy nên học để thi cử ra làm quan to."

Nào ngờ, thằng bé mười hai tuổi lại đáp: "Tôi chỉ muốn làm Phật thôi."

Nghe thế, pháp sư Vô Cực và Triệu Đại Châu đều kinh hoàng. Triệu Đại Châu nói với hòa thượng Tây Lâm: "Tiền đồ của thằng bé này thật không thể hạn lượng. Ngài nên tận lực dạy dỗ nó. Bằng không, thật rất uổng phí!"

Pháp sư Vô Cực lại tiếp tục giảng kinh. Ngài tham dự, chuyên tâm chú ý lắng nghe giảng giải. Sau buổi giảng kinh, Triệu Đại Châu hỏi Ngài: "Người có hiểu gì về lời giảng giải của pháp sư Vô Cực không?"

Câu hỏi này rất khó đối đáp, vì nếu Ngài trả lời là hiểu rõ thì không phải là lời chân thật, còn nếu trả lời là không hiểu thì tự bảo rằng trí huệ thấp kém, sẽ khiến cho hòa thượng Tây Lâm mất mặt. Vì vậy Ngài đáp: "Tuy tôi không hiểu hết những đạo lý thâm sâu, nhưng tôi cảm giác tâm mình khế hợp với lời giảng của pháp sư Vô Cực."

Triệu Đại Châu hỏi tiếp: "Như thế nghĩa là gì?"

Ngài đáp: "Tuy tôi muốn nói, nhưng không thể diễn đạt được."

Câu trả lời của Ngài thật rất chân thật.

Lúc ấy, hòa thượng Tây Lâm, được bảy mươi lăm tuổi. Tuy mắt vẫn còn sáng, tai vẫn còn thính, nhưng khi tụng kinh, niệm Phật, giảng giải, khí lực không bằng người trẻ tuổi. Do đó, hòa thượng Tây Lâm không thường dạy dỗ Ngài trực tiếp, mà giao trách nhiệm đó cho các sư huynh. Tuy vậy, hòa thượng cũng thường thường gián tiếp nhắc nhở Ngài đi đứng trên con đường chánh pháp. Việc học

hành của Ngài ngày một tiến bộ. Ngài rất thông minh sáng suốt, vừa học xong liền hiểu rõ ngay. Hòa thượng Tây Lâm thấy thế, khuyên bảo Ngài nên học nho giáo trước khi nghiên cứu kinh điển Phật giáo, để có đủ kiến thức về pháp thế gian.

Hai năm sau, hòa thượng Tây Lâm bảo đệ tử lớn là Tuấn Công, dạy Ngài học kinh Pháp Hoa. Trong vòng ba tháng, Ngài học thuộc lòng bộ kinh này. Hòa thượng Tây Lâm bảo đại chúng: "Thằng bé này thiên tánh rất thông minh lanh lợi. Tương lai nếu được gặp minh sư chỉ giáo, sẽ trở thành bậc long tượng đại khí." (còn tiếp)

# BỒ TÁT DI LẶC

Thích Nữ Tuệ Như

## A. DẪN NHẬP

Nhìn qua các cuộc bể dâu, người ta lo sợ trước cuộc sống. Sống là đi lần vào cõi chết, hay sống để suy tư tìm kiếm hạnh phúc. Phật giáo phân biệt có hai thứ hạnh phúc. Hạnh phúc với nhục dục ngũ trần và hạnh phúc siêu thoát sanh tử. Trong kinh Phật cũng có câu: "Chúng sanh đa bệnh, y dược đa phương". Nếu chúng sanh có nhiều chứng bệnh thì y dược cũng có nhiều cách để điều trị. Nếu chúng sanh có đến 84.000 trần lao phiền não, thì Phật cũng có 84.000 pháp môn để cứu độ chúng sanh. Ngoài ra Đức Phật Thích Ca còn giới thiệu Đức Di Đà, Đức Quán Thế Âm, Đức Địa Tạng, Ngài Di Lặc v.v... Đặc biệt Ngài Di Lặc có một hình tượng rất đẹp, rất vui, một vị Bồ Tôn tu pháp, mà còn là một giá trị mỹ học tuyệt vời. Người ta có thể khó phân biệt được các vị Bồ Tát Quán Thế Âm với Đại Thế Chí, Văn Thù và Phổ Hiền, nhưng với hình tượng Di Lặc, dù là người không biết đạo nhìn vào cũng biết ngay đó là Ngài với nụ cười hoan hỷ giải thoát, khiến nhiều người thích chiêm ngưỡng.

Nhân đây chúng tôi xin trình bày sơ lược về những điều tìm hiểu về tiểu sử, truyền thuyết liên hệ đến Ngài Di Lặc Bồ Tát, một vị đạo sư gương mẫu giáo hóa chúng sanh đi vào con đường hiền thiện, minh triết, an lạc thụ hưởng hạnh phúc siêu thế.

## B. NỘI DUNG

### I. Tiểu sử

Hai chữ Di Lặc xuất phát từ tiếng Phạn Maitreya (Pàli: Metreya). Hán dịch là Từ Thị, A Dật Đa (Ajita), Vô Năng Thắng. Đây là vị Bồ Tát Nhất sinh bổ xứ được Đức Phật Thích Ca thọ ký sẽ thành Phật ở tương lai. Bồ Tát Di Lặc người Nam Ấn, sanh trong gia đình Bà La Môn, sau quy y Phật tu hành chứng duy thức tánh xả báo thân trước Phật Thích Ca. Bồ Tát Di Lặc sanh về cung trời Đâu Suất sẽ trụ trên đó bốn ngàn năm (4.000) – Tính theo năm tháng ở thế gian là sáu mươi ức bảy ngàn muôn năm (607.000.000) sau đó sanh xuống thế giới này tu hành ở trong vườn Hoa Lâm, dưới cội cây Long Hoa thành Phật, hiệu Di Lặc. Theo huyền ký vị Bồ Tát này sanh thân người từ lúc mới phát tâm đã không ăn thịt chúng sanh. Còn theo Đại Phật kinh sơ quyển 1 thì Từ Thị là lấy chữ Từ trong Tứ vô lượng tâm (Từ, Bi, Hỷ, Xả) của Phật là đầu. Tâm từ đó sinh ra từ chủng tánh Như Lai, có năng lực làm cho tất cả thế gian không đoạn dứt Phật chủng, cho nên gọi là Từ Thị (Thị là tộc chủng, là họ). Từ Thị nghĩa là chủng tánh Từ Bi và hoan hỷ. Hai chữ Di Lặc đôi lúc đã biến thành một hình dung từ, để diễn tả niềm vui hay sự hoan hỷ, như Xuân Di Lặc, nụ cười Di Lặc, cái bụng Di Lặc, có lúc Di Lặc là Bồ Đại Hòa Thượng, do đeo bị túi vải; Người ta tạc tượng Ngài khắp nơi. Như thế để biết tín ngưỡng Di Lặc thịnh hành như thế nào ?

Tông Duy Thức Pháp Tướng tôn Ngài làm sơ tổ. Theo Hoà Thượng Thích Quảng Liên, người biên soạn quyển Duy thức học, thiền viện Quảng Đức xuất bản năm 1972: Vào khoảng thế kỷ V, Bồ Tát Vô Trước, Thiên Thân nối tiếp công trình duy thức của Ngài, khéo léo dùng tài hoa sáng tác những bộ luận rất có giá trị làm căn bản cho tông Pháp Tướng, các Ngài thành công trong nhiệm vụ triết học hóa tư tưởng duy thức qua sự trình bày tâm pháp, tâm sở hữu pháp, sắc pháp... năng duyên sở duyên, chủ thể khách thể, đối tượng. Phân tách tâm lý, vật lý, cũng như sinh lý, kết quả do từ tâm thức tác động và phân biệt, chúng từ sanh hiện hành, hiện hành huân chủng tử.

- Những bộ luận do Ngài Di Lặc trước tác gồm có:

1. Du Già Sư Địa Luận (yogacaryabhuni) được Huyền Trang Pháp Sư dịch ra Hán văn.
2. Đại thừa trang nghiêm kinh luận (MahayanaSutra Lamkara-Sastra).
3. Thập Địa Kinh Luận (DababhumikaSutra Sastea)

4. Biện Trung Luận (Madhymita – Vibhaga).  
5. Kim Cang Bát Nhã luận.

## II. Ý nghĩa biểu trưng

Vào trong chùa Phật giáo Bắc tông, ở giữa chánh điện có chùa thờ theo tam thế Phật, Đức Thích Ca ngự ở giữa, bên phải Đức Thích Ca là Phật Di Đà, bên trái là Phật Di Lặc, Phật A Di Đà là Phật quá khứ, Phật Di Lặc là Phật tương lai, và Đức Thích Ca là Phật hiện tại. Theo lối thờ này thì đức Phật Di Lặc ngự trên tòa sen cũng là một ý nghĩa tượng trưng tốt. Bởi vì hoa sen được biểu thị cho đức tánh thanh tịnh và giải thoát. Hoa sen phát xuất nơi ao hồ nước đọng mà vẫn tỏa ra mùi hương thanh khiết. Đó là đặc tính không thể tìm được trong các loài hoa khác. Ngài Di Lặc cũng sống trong cảnh đời nhiều màu sắc, tiếng động, mà Ngài vẫn tu hành siêu thoát an lạc.

Tông pháp tướng chủ trương chuyển thức thành trí, vô cầu nhiệm gọi vô thức, như câu nói trứ danh của Bồ Tát Di Lặc, do Hám Sơn Đại Sư thân du Đâu Suất Thiên nghe ngài thuyết giảng ghi lại: “Phân biệt là thức, vô phân biệt là trí. Dựa vào thức là nhiệm, dựa vào trí là tịnh. Nhiệm tức có sinh tử, tịnh chẳng

có chur Phật.”

Ngài có đôi mắt hồn

nhiên, nụ cười hoan hỷ, vui vẻ, thân hình mập phệ biểu hiện sự tự tại an lạc giữa cuộc đời. Cuộc đời vốn đã đau khổ, nước mắt và tiếng khóc quá nhiều và rắc rối lắm rồi! Trầm trọng, căng thẳng, khúc mắc làm gì, cứ mỉm cười nhẹ nhàng hỷ xả trước cuộc sống đó cũng là hạnh phúc.

Rồi cũng có hình tượng một vị Hòa thượng mập mạp, miệng cười toe toét, mặc áo phoi ngực, bày cái bụng to tướng, chung quanh có 6 đứa trẻ quấy nhiễu. Đây là y cứ vào điển tích Bồ Đại Hòa Thượng.

Bồ Đại Hòa Thượng xuất hiện vào đời nhà Lương ở Trung Hoa, Ngài mặc áo xóc xếch, đi đâu thường mang cái bị lớn, ai cho món gì thì thu nhận món ấy dồn vào bị, gặp những bọn trẻ đem ra phân phát và dạy chúng niệm Phật làm hiền.

Chúng thích Ngài lắm! Hôm sắp tịch, Ngài ngồi trên tảng đá bên chùa Nhạc Lâm nói bài kệ:

Di Lặc chơn Di Lặc  
Phân thân thiên bách ức  
Thời thời thị thời nhơn  
Thời nhơn tự bất thức.

Dịch:

Di Lặc thật Di Lặc  
Phân thân trăm ngàn ức  
Luôn luôn hiện vì đời  
Người đời tự chẳng biết.

Hình ảnh Ngài Di Lặc có cái bụng bự phình ra, tượng trưng cho tâm trống rỗng, năm đứa trẻ bu quanh Đức Di Lặc tượng trưng cho năm trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, (lẽ ra sáu trần, nhưng do pháp trần không có hình tướng nên không biểu hiện được ở đây). Sáu trần như là sáu tên giặc, đứa móc

mắt, đứa móc tai...  
khêu gọi sáu thức,  
vực dậy chúng tử  
nghiệp mê lâm,  
“Kiến nhân tâm  
động” nơi tàng thức  
tâm của người tu  
Phật, tượng trưng  
cho phiền não khởi  
lên do ngoại trần  
quấy nhiễu, nhưng  
không quấy phá  
được nụ cười an  
nhiên tự tại của  
“Người rồi việc”.  
(Liễu sự nhân). Đó là

nét biểu hiện đặc sắc của hình tượng này.



Trước tượng Phật Di Lặc trên Ngũ Đài Sơn

Về mặt đời thường, cười bao giờ cũng hay hơn khóc. Giữa biết bao điều hệ lụy của kiếp nhân sinh, những lần được cười thoải mái, cười thanh thản, cười vui tươi... dấu cho đó chỉ là những phút giây ngắn ngủi cũng hạnh phúc lắm rồi. Từ trước tới nay, người ta đã nghiên cứu trạng thái tâm lý của từng kiểu cười khác nhau.

- Nhà văn Victor Hugo viết: “Nụ cười xua tan mùa đông ra khỏi khuôn mặt con người”.

- Nhà văn Léon-Tolstoi thì nói: “Không có gì làm con người xích lại gần nhau bằng nụ cười hiền lành”.

- Nhà văn Dostoevsky đã nêu một ý kiến rất thú vị: “Nếu bạn muốn xét đoán và nhận biết tâm hồn một người nào thì bạn hãy tìm hiểu. Không phải

cách anh ta im lặng, nói năng, khóc lóc hay đang xúc động bởi những ý tưởng cao thượng, tốt nhất hãy nhìn anh ta đang cười”.

Trong Phật Giáo, nụ cười của Đức Thích Ca được gọi là nụ cười an lạc, nụ cười của Đức Phật Di Lặc là nụ cười hoan hỷ. Nếu trong cuộc sống chúng ta luôn trao đổi với nhau bằng nụ cười vô nhiễm, thì đời sống này sẽ an lạc biết bao.

### III. Tâm lý hiện thực:

Hình ảnh của Ngài Di Lặc là căn cứ vào hóa thân Bồ Tát, vừa hàm chứa ý nghĩa sâu xa, nên có người làm thơ hỏi:

“Đảnh lễ thưa cùng Phật Di Lặc  
Bụng chứa những gì con muốn biết  
Cười rằng tâm ấy vốn như như  
Thầy là không không, vượt sanh tử”.

Qua hình tượng Phật Di Lặc tiêu biểu là nụ cười an nhiên tự tại. Phật tức tâm, tâm ấy là tâm chơn như vượt lên mọi chi phối của căn-trần-thức, tức là đã hàng phục được các thứ giặc trong ngoài. Do đã thấy các pháp do Nhơn duyên sanh khởi, không thật, chỉ có giả sanh, nên tâm không chấp các pháp, dù sinh diệt bất hoại vẫn không thấy mất còn tăng giảm. Một hôm, Hoà Thượng Bảo Phước gặp Hoà Thượng Bồ Đại liền hỏi:

- Đại ý Phật Pháp là thế nào ?

Bồ Đại buông bị lớn rơi xuống đất, đứng khoanh tay.

Hỏi tiếp:

- “Chỉ là như vậy, hay lại có việc hướng thượng khác” ?

Bồ Đại mang bị lên vai, đi.

Qua hành động trên, chúng ta thấy biểu hiện của Ngài là Hỷ, Xả, đại ý Phật Pháp là buông bỏ tất cả nhục dục ngũ trần cho tâm thanh tịnh, còn đeo đẳng còn chấp chặt, thì không thể nào thấu đạt được Phật Pháp. Nhưng xả bằng cách gắng gượng, xả mà vẫn còn luyến tiếc, thì cái xả ấy cũng chưa thật xả. Phật xả bằng cách vui vẻ thích thú, thì cái xả ấy mới thật làm cho tâm khinh an.

Cho đến câu hỏi thứ hai Ngài mang bị lên vai đi. Do vui mà xả, cũng do xả nên được vui: Vì thế, Ngài vui cười mãi dù bất cứ hoàn cảnh nào. Đến như 5 đứa bé chơi đùa nghịch ngợm, đứa móc miệng, đứa chỉ tay vào mắt, đứa ngoáy lỗ tai, đứa chọt vào mũi, đứa đâm vô ngực, đứa lói vào hông, mà Ngài vẫn nở nụ cười tự tại, chuyển hóa

chúng thành các đồng tử dễ thương; đó là diệu dụng của tâm hướng thượng đại giác ngộ.

### IV. Tâm linh thông thường

Chúng ta học theo gương Đức Di Lặc, xả tất cả cái chấp ngã, chấp pháp. Ngã pháp đã xả thì lục tặc có phá phách đến đâu cũng không làm nao loạn tâm ta. Ta đã thắng được chúng và hàng phục chúng trở thành quyền thuộc công đức. Lúc chúng ta giác ngộ, sáu cơ quan ấy trở thành sáu thứ thần thông (thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, thần túc thông, tha tâm thông, túc mạng thông, lậu tận thông).

Biết như vậy chúng ta tập sống hỷ xả không có chấp. Tất cả đều hỷ xả thì lòng chúng ta nhẹ nhàng như quả bóng bay vào hư không, trí tuệ vô nhiễm phát sanh, tâm luôn an lạc vui vẻ hồn nhiên như tâm một đồng tử chưa vương bụi trần. Được thế, còn gì làm ta đau khổ, như trời cao biển sâu, không còn bụi bặm, đấm mê, tâm linh được rỗng rang tỏ ngộ mặc tình thuyền bè xuôi ngược không lưu lại dấu vết !

### V. Ý nghĩa đời Ngài với cuộc sống nhân sinh

Trong nhân sinh quan Phật giáo thì thời gian vô lượng, không gian vô cùng. Hơn nữa đã là Phật thì nơi nào cũng có Phật. Thời gian dẫu trong mỗi sát na thì cũng có sinh – trụ – dị – diệt – luân sanh, hạ trường, thu liễu, đông tàn; Ngày mùng Một Tết Âm lịch là ngày vía Đức Di Lặc. Đó là ý nghĩa của sự sống vui đẹp, hạnh phúc, đồng cảm với tín ngưỡng dân gian Việt Nam.

Một ngày mới người ta nhìn lại quá khứ, hướng đến tương lai với bao hy vọng cho nhau những điều tốt đẹp nhất. Do đó chọn ngày kỷ niệm Phật Di Lặc vào thời điểm ấy bằng hình tượng hoan hỷ, được đảnh lễ chiêm bái Ngài thật là hân hạnh và lạc quan. Tin tưởng, hy vọng để làm chất liệu bổ sung năng lượng cho cuộc sống là rất cần. Trong kinh Di Lặc Thượng Sanh Đức Phật nói: “Những ai chuyên tâm tu hành chân chính, tạo nhiều quả phúc tốt đẹp cho mình, cho người thì: “Trong đời vị lai tất nhiên được gặp Đức Di Lặc Phật phù hộ, độ trì, vào hội Long Hoa thính pháp chứng quả xuất thế”.

### VI. Bồ Tát Di Lặc dẫn sinh

Một nhà nghiên cứu là ông Phạm Công Thiện đã nói: “Lý tưởng là ảo tưởng”, chỉ cho lý tưởng đó không có cơ sở dẫn đến thực tế. Nơi đây lý tưởng Bồ Tát Di Lặc sanh lên trời Đâu Suất, hạ xuống

nhân gian thành Phật có ghi trong kinh tạng Nguyên thi (Kinh Tuyết Bản, Trung A Hàm), được giáo lý Đại Thừa phát triển minh họa truyền bá phổ thông.

Trong Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, Kinh điển chính thức nói về việc sanh lên cõi trời Đâu Suất, từ cõi trời Đâu Suất, giáng sanh xuống cõi Diêm Phù Đề, thành Phật, quốc độ, thời tiết nhân duyên, chủng tộc, xuất gia, thành đạo và chuyển pháp luân của Bồ Tát Di Lặc.

Chúng ta chỉ tìm hiểu hai hệ thống chính liên quan đến lý tưởng đản sanh của Ngài mà thôi.

· Lý tưởng thượng sanh (Kinh Di Lặc thượng sanh Đâu Suất thiên)

Tín ngưỡng thượng sanh cho rằng hiện nay Bồ Tát Di Lặc đang nói pháp trên cung trời Đâu Suất. Các Kinh điển thượng sanh diễn tả tỉ mỉ về cõi trời này. Đây là tầng trời thứ tư trong sáu tầng trời cõi dục. Tuy là cõi dục, nhưng cõi trời này có những cái ưu việt mà các tầng trời khác không có. Thiên cung Đâu Suất có hai phần nội viện và ngoại viện. Thiên chúng ở ngoại viện vẫn hưởng thú vui ngũ dục nên dễ bị đoạ lạc chỉ có tại nội viện, nơi Bồ Tát Di Lặc đang thuyết pháp thì gần giống Tịnh độ là nội viện thiên cung Đâu Suất, người nhất tâm giữ giới thập thiện hành thiện định tu sau khi mạng chung sẽ được thăng thiên như ý, Bồ Tát Di Lặc không tiếp dẫn, nhưng ai đạo lực đủ sức thì đến, Ngài và thánh chúng tiếp nhận hoan hỷ.

Lý tưởng Bồ Tát Di Lặc thượng sanh có rất sớm ở Ấn Độ, ở Trung Quốc có Ngài Đạo An (314-385) Đạo Kiếu, Ngài Huyền Trang, Ngài Khuy Cơ (đời Đường) Đàm Phó, Đàm Võ, các bậc danh tăng ấy cùng hoằng dương tín ngưỡng thượng sanh Đâu Suất và trở thành truyền thống của tông Pháp tướng.

Trong các bộ sấm văn được trứ tác thời kỳ này như: Từ Bi Thủy Sám, Tam muội Thủy Sám, Lương Hoàng Sám, chúng ta thấy nói nhiều đến tín ngưỡng thượng sanh. Nhưng từ đời Diêu Tần về sau, khi Kinh Di Đà được dịch sang Trung Quốc thì có rất nhiều người phát nguyện sanh về tây phương Tịnh Độ, do Đức Phật A Di Đà và thánh chúng phương tây có tiếp dẫn người niệm Phật nhất tâm.

· Lý tưởng hạ sanh (Kinh Di Lặc hạ sanh thành Phật)  
So với lý tưởng thượng sanh, lý tưởng hạ sanh rất phổ biến. Lý tưởng cho rằng tương lai Bồ Tát Di

Lặc giáng sinh cõi Diêm Phù Đề, thành Phật dưới cõi Long Hoa và thuyết pháp ba hội để hóa độ chúng sanh. Do đó có thuyết “Long Hoa tam hội”. Nếu chúng sanh tu tạo nhân duyên phước báo, trụ sanh ở Diêm Phù Đề. Khi Di Lặc Bồ Tát giáng sanh sẽ được trực tiếp giáo hóa.

Đời Tống, vua Minh Đế (465-471) soạn Long Hoa Thệ nguyện văn, ngài Nam Nhạc Huệ Tư soạn Lập Thệ nguyện văn... Đều nói về thuyết Di Lặc hạ sanh.

Do lý tưởng hạ sanh được vua chúa Trung Hoa tôn sùng, nên việc khắc tạo tượng Phật Di Lặc ở Trung Quốc cực thịnh và ảnh hưởng nhiều đến các nước Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam...

Nói chung tín ngưỡng hạ sanh được nhiều người tin tưởng không đi sâu vào Duy thức học, đưa đến vài tệ đoan đáng tiếc trong lịch sử phát triển Phật giáo như kẻ gian nguy tạo Kinh điển, tự xưng Bồ Tát Di Lặc giáng sanh để phục vụ mưu đồ xấu, hay cho rằng sắp tận thế, gần đến Hội Long Hoa, để thủ lợi dân chúng không lo làm ăn tu tập, cứ mơ mộng hảo huyền, nghèo đói bệnh tật; đói thiếu cơm ăn, đau không thuốc uống !

## VII. Tín ngưỡng Di Lặc Bồ Tát

Bao giờ đến Hội Long Hoa ? Câu hỏi đó đã có từ hàng ngàn năm trước, càng trở thành cấp bách ở những năm cuối thế kỷ 20. Bây giờ chúng ta bước qua thế kỷ 21, người ta vẫn còn thì thầm bàn tán về Hội Long Hoa xuất hiện Đức Phật Di Lặc ra đời cứu vớt những người tu phước hành thiện, còn kẻ ác sẽ bị quả báo xấu !

Đến nay “Đức Phật Di Lặc” vẫn còn ở tận nơi đâu ! Trời chưa sập, đất chưa tan; nhưng niềm tin của con người vẫn còn đó. Đã có nhiều người nản lòng thối thất đạo tâm !

Từ đời Đường năm 689, Võ Tắc Thiên đã lợi dụng danh nghĩa, tự xưng mình là đức Di Lặc tái sanh. Năm 613, Tống Tử Hiền và Hướng Hải Minh tự xưng là Di Lặc xuất thế để tập hợp dân chúng làm loạn v.v...

Thực ra thuyết Di Lặc hạ sanh cũng có những giá trị tích cực, nhằm khuyên người tu nhân tích đức, làm lành lánh dữ để mình và người cùng lợi lạc. Song nếu không khéo tìm hiểu, thì mù quáng nguy tạo văn kinh thì đó là người kém trí tuệ suy xét. Phật đã dạy: “Tin ta mà không hiểu ta là phi báng ta”.

Việc Bồ Tát Di Lặc hạ sanh như đã nói tính ra phải đến 57 tỷ 60 triệu năm nữa Phật Di Lặc mới



ra đòi thuyết kinh hóa chúng. Đây chính là lời huyền ký của đức Phật Thích Ca.

Đời sống vốn ngắn ngủi, đêm vô minh huyền ảo, đầy đặc chiến tranh, bệnh tật, nghèo đói, môi trường nhiễm ô; Mọi thứ khổ não đe dọa như lưỡi hái tử thần treo lơ lửng trước mạng sống con người. Sống trong nhiều nỗi khổ đau và sợ hãi lo âu, con người thì yếu đuối, nên người ta cần một điểm tựa tinh thần, một chốn quay về, một nơi ủy thác. Ở đó hứa hẹn một sự an lạc trường thọ, hoan hỷ, không có cướp bóc lường gạt. Có phải đó là một thiên đường không tưởng ? Không ! Nó vẫn có đó ! Ở đâu ? Ở ngay trên nụ cười Di Lạc.

Từ bi hỷ xả là Tịnh Độ Di Lạc, trụ nơi vô sở trước (Tâm không dính mắc, an trú chánh niệm, buông xả) là ngôi yên nơi cõi Long Hoa, hành trì Giới, Định, Huệ, là lắng nghe ba hội thuyết pháp, và chính cái tâm trí tuệ vô nhiễm là Đức Phật tại thế. Sáu mươi tỷ năm cũng ở tại bây giờ, đợi chờ chi, tìm kiếm gì, khi pháp giới hiện ra nơi tâm tở ngộ Phật tánh.

Mỗi vị Phật chủ về một hạnh, như đức Di Đà chủ hạnh trang nghiêm, đức Thích Ca chủ hạnh thanh tịnh, cũng vậy đức Di Lạc chủ về hạnh hỷ xả. Quý vị tín ngưỡng Di Lạc ? Hãy có tâm thương yêu và hỷ xả. Nếu như hiện tại Đức Di Lạc có ra đòi mà tâm ta sân hận, phiền não, tạo nghiệp tam đồ thì làm sao dự vào pháp hội Long Hoa !

### C. KẾT LUẬN

Sống trong thế giới này, người giác ngộ tu tiến có cuộc sống tự tại giải thoát, dù ở đâu chẳng nữa cũng được hồn nhiên hạnh phúc với Phật tánh hằng hữu. Tại sao người ta mơ ước viễn vông, không lo tu tập như Thiện Tài Đồng Tử trong Kinh Hoa Nghiêm học đạo trí huệ với Ngài Văn Thù Bồ Tát, học hạnh Quán Âm lắng nghe tiếng kêu đau thương của chúng sanh xem xét cứu khổ... Được Di Lạc Bồ Tát khảy móng tay 3 lần mở cửa lầu các Tỳ Lô Giá Na, thấy chư Phật ba đời lợi ích chúng sanh. Tỳ Lô Giá Na tiêu biểu cho pháp thân Phật thanh tịnh. Người tu sĩ công phu tự hiển lộ pháp thân thanh tịnh mới được Bồ Tát Di Lạc cho thấy Phật Tỳ Lô Giá Na, Di Lạc Bồ Tát là người giữ Tỳ Lô Giá Na lâu các, tức Ngài sử dụng được chơn tâm thông với Phật và chúng sanh, xứng đáng được tôn là Tổ sư Duy thức học.

Pháp sư Đạo An đời Đông Tấn khai thủy, Pháp sư Huyền Trang, Khuy Cơ đời Đường; Thời cận đại, Thái Hư đại sư, Ngài Từ Hàng viên tịch ở Đài Loan đều phát nguyện sinh Trời Đâu Suất

gặp Bồ Tát Di Lạc. Trước khi được sanh lên, các Ngài tu theo hạnh Bồ Tát Di Lạc làm rạng rỡ Phật giáo một thời.

Chúng ta được hành hạnh Từ bi hỷ xả như Bồ Tát Di Lạc còn gì hạnh phúc bằng, khi xuân đến giữa đất trời minh mông, dưới Phật đài, trong mái chùa thân thương đậm ấm với lời kinh tiếng mõ... Xả bỏ sầu tư trĩu nặng, sẽ nhận thức được nụ cười Di Lạc Bồ Tát làm rung động Tam thiên và tô thắm cho hoa mai, hoa cúc, hoa đào mãi mãi xinh tươi giữa mùa xuân đại thế.

## tam lộ nhất bài

Hằng Cự và Hằng Do

Tiếp theo kỳ trước

**Ngày 26 Tháng 10 Năm 1973. Hằng Cự viết:**

**P**hật tử Quả Thông Almassy (còn gọi là Gia Gia), chủ tiệm bán thực phẩm dinh dưỡng (health food) ở bãi biển Stinson, hôm nay đem cơm trưa đến. Khoảng xế trưa, có ông chạy xe gắn máy (motorcycle) ngừng lại trò chuyện. Ông này nhắc đi nhắc lại mấy lần về việc chúng tôi đang làm là "việc của Chúa." Sau đó có anh ở vùng Inverness đem đến cho chúng tôi mấy trái cây tươi, và thắc mắc muốn biết thế nào là lễ lạy. Chúng tôi cùng ngồi xuống trên lè cỏ dọc bên xa lộ để giảng sơ ý nghĩa cho anh ta hiểu.

Tôi nói: Sự quỳ lạy chỉ xem như là sự vận động của thân thể. Nhưng sau một thời gian, khi toàn thân đã thuần thục, thì thân và tâm có thể bắt đầu dung hòa hợp nhất. Thân quỳ lạy, tâm niệm danh hiệu Bồ Tát, những tác dụng này hỗ trợ lẫn nhau như một bài chú, như một phương pháp làm dừng những dòng tư tưởng. Qua cách này sẽ giúp tôi tỉnh giác trước những diễn biến ở nội tâm, và ngoại cảnh chung quanh. Đồng thời nó không để tâm tôi xao lãng về những cảnh giới quá khứ hay vị lai. Trong *kinh Lăng Nghiêm* có giảng: "Khi tâm mê dùng lặng thì chính ngay sự dùng lặng đó là giác ngộ." Người ngộ nhập được trình độ này rồi sẽ không có những ý nghĩ gì về việc lễ lạy, sự an lạc, sự phân tán hay nguyên vẹn, mà đối với họ tất cả là một thể đồng nhất. Người có tâm trực nhận được như vậy tức là tâm Phật rồi đó.

Anh này chăm chú lắng nghe và sau một hồi suy nghĩ, anh ta xác định mục đích việc làm của

chúng tôi rất đáng quý, nhưng theo ý anh thì chúng tôi cũng có thể thực hiện theo nhiều cách khác tốt hơn.

Hôm nay chúng tôi lạy dọc theo vịnh Tomales. Khi đi ngang qua một cộng đồng đông đúc vùng Synanon, có mấy người từ trên đỉnh đồi kêu la chế nhạo. Sau đó chúng tôi tiếp tục lạy qua một làng nhỏ ở Marshal, rồi dừng lều trên sườn đồi nghiêng thoải hướng ra vịnh.

### **Ngày 27 Tháng 10 Năm 1973. Hằng Cự viết:**

Sáng thứ bảy hôm nay trời thật đẹp, chúng tôi lễ lạy vào một quận nhỏ Tomales. Mặc dầu chỉ mới 8 giờ sáng, vậy mà đã có hơn trăm người chen chúc dọc theo con đường chánh. Thấy tình hình ở đây có vẻ hơi lạ, vì chẳng có chiếc xe nào trên mặt lộ cả. Ngay ngã tư đường chánh của trung tâm phố, đám đông như cố giữ một sự im lặng tuyệt đối, tôi cảm thấy như có nguồn khí lực của hàng trăm đôi mắt đang lặng lẽ hướng nhìn tôi chòng chọc. Quang cảnh lúc này thật nặng nề. Thành linh từ trong đám đông, một bà lão mặt mày đầy son phấn, chạy ra và trao cho tôi một hộp bánh mút (jelly-filled donut: loại bánh mà tôi thường ưa thích.) Bà hỏi với giọng hơi run sợ: "Ông có nhận cái này không?" Tôi ngừng quỳ lạy và từ từ đứng lên.

Tôi tin rằng trong cuộc đời của mỗi chúng ta, ai cũng có một vài kỷ niệm, hoặc những giây phút đáng ghi nhớ trong ký ức. Đối với tôi, lúc này có lẽ là một trong những giây phút khó quên. Tôi đã lễ lạy suốt trên hai tiếng đồng hồ, và khi đứng lên để tiếp nhận hộp bánh, tôi cảm thấy ánh mặt trời như đang tỏa chiếu khắp cả vùng. Cảm giác ấm áp như đang chạy rần rần từ da thịt đến tận cõi lòng tôi, thật là an lạc.

Trong lúc đó, tôi nhớ lời Sư Phụ vẫn thường nói: "Quý vị ráng tập xem tất cả mọi sự như là vô sự, xem mọi chuyện như là không có chuyện gì cả.." Ít ra lần này tôi cũng có thể nhận ra được ý đó của Ngài.

Bà lão và đám đông im lặng đó như đang chờ đợi phản ứng của tôi. Tôi gật đầu tỏ ý nhận lấy hộp bánh, rồi bỏ vào cái túi lớn mà tôi đã may dính liền vào cái quần rộng thùng thình của tôi. Bà lão vô danh chạy trở về chỗ an toàn rồi lần lượt trong đám người càng lúc càng đông. Tôi còn nghe văng vẳng lời bà nói: "Cũng được! Ít ra ông ta cũng còn ăn!"

Tôi tiếp tục lạy và Thầy Hằng Do cũng ở gần bên, khi vừa đến cuối phố, về hướng bắc, bỗng nghe tiếng còi hú chát chúa, tiếp đó là những tiếng trống bập bùng vang lên. Tôi thầm nghĩ chắc là mình đang tưởng tượng thôi. Nhưng ngay ngã tư cuối cùng, chúng tôi lại nghe có hai chiếc xe mô-tô lớn (motorcycle) hiệu Harley Davidson đang chạy ào đến. Phía bên trái con đường là cả một đoàn diễu hành với những bước đi nhịp nhàng của từng tốp một, gồm: ngựa, ban nhạc, xe hoa và còn nhiều nữa, đủ thứ, đủ loại! Thì ra đó là cuộc diễu hành đón mừng người về tỉnh nhà Tomales, và họ đã ngừng lại khoảng nửa giờ để đợi chúng tôi lễ lạy ngang qua. Thật là những người quá lịch sự. Chỉ có ở xứ Mỹ này mới có thể xảy ra những chuyện như vậy. Hai chúng tôi ngừng lạy để nghỉ xả hơi và xem đoàn diễu hành. Có rất nhiều người tỏ vẻ thân thiện đến trò chuyện với chúng tôi.

Quả Tôn đem cơm trưa đến cho chúng tôi. Anh này sống bằng nghề giao chuyên được phẩm phẩm mỹ chế tạo bằng chất hữu cơ cho các tiệm bán thức ăn dinh dưỡng lành mạnh. Buổi chiều chúng tôi lễ thẳng một mạch không ngừng nghỉ, đến cuối ngày thì được năm dặm, rồi dừng lều dưới gốc sồi to lớn, độc nhất trên cánh đồng cỏ của ai đó. Sau buổi tọa thiền tối, Thầy Hằng Do tản bộ đến nông trại gần nhất để mua về một bình sữa tươi, trong khi đó thì tôi lo nhóm lửa. Giờ đây, tôi vừa ngồi nhâm nhi sữa nóng vừa ghi lại những hàng nhật ký. (còn tiếp)

**Lưu ý:** Có một số Phật tử cúng dường hàng tháng bằng cách chuyển thẳng vào trương mục của Chùa. Số Code trương mục Chùa có vai sự thay đổi, nhưng số trương mục vẫn như cũ :  
**Chùa Kim Quang**  
**Etablissement Guichet N. de compte Clé RIB**  
**20041 00001 2879124N 78**  
**IBAN: FR86 2004 1000 0128 7912 4N02 078**  
**BIC: PSSTFRPPPAR**  
**LA BANQUE POSTALE-CENTRE DE PARIS**  
**75900 PARIS CEDEX 15 France**  
- Quý vị cúng dường hàng tháng, hoặc Tam Bảo, in Kinh, trùng tu .v.v. (nhớ ghi rõ mục gì) bằng cách chuyển thẳng vào trương mục của Chùa cho tiện.

# le Sutra du merveilleux Dharma du lotus

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en français: Bhiksuni Dam Nhu

## La suite

Un jour, le l'avais emmené au Temple des Trois Conditions pour rencontrer le Maître Supérieur. J'avais présumé qu'il saluerait et l'accepterait comme son maître. Mais il ne le fit pas. Nous sommes ensuite rentrés. À mi-chemin, nous devons traverser une petite forêt. Soudain il saisit ma manche et se jeta à genoux devant moi. Je lui demandai :

- Qu'est-ce que vous faites ?

Il dit : -J'ai voyagé depuis tant d'années et parmi toutes les personnes que j'ai rencontrées, vous êtes le seul qui soit digne de mon entière confiance. A présent, je me prosterne devant vous et vous prie de m'accepter comme disciple.

Le voyant dans un tel état, tiraillant ma manche, je fis mine de me fâcher. Je retirai ma main d'un coup sec, lui tournai le dos et partis d'un bon pas. Après avoir parcouru environ un quart de kilomètre, je me retournai et vis qu'il était toujours là, à genoux et des larmes coulaient sur ses joues. Je retournai devant lui :

- Qu'est-ce que vous faites ? Lui demandai-je.  
- Acceptez-moi comme disciple, suppliait-il en sanglotant, sinon je ne vais pas me relever. Je resterai agenouillé ici jusqu'à mon dernier souffle.

- Très bien, restez ainsi tant que vous voudrez ! Je n'y vois aucun inconvénient. Si vous voulez rester agenouillé jusqu'à votre dernier souffle, alors faites-

le. Mais personne ne vous l'a ordonné que je sache. Agissez comme bon vous semble mais moi, je pars.

De nouveau, je repartis. Après environ trois cents mètres, je me retournai et vis qu'il était toujours à genoux. Touché finalement par son dévouement, je le rejoignis et lui dis : -Très bien, je vous accepte.

Ce fut le premier disciple que j'ai pris en Mandchourie.



Le groupe pèlerinage debout devant la grotte Long Mon-en Chine

Avant de prendre refuge, il était déjà végétarien. Après avoir pris refuge, il dormait en position assise. Il ne se permettait plus de s'allonger. Jamais ses côtes ne touchaient le tapis ou le lit. Il ne mangeait

jamais en dehors du repas de midi.

Quant à son oncle, durant cinq années, il a pratiqué avec vigueur et a fini par atteindre le stade de clairvoyance qui lui a permis de prévoir le jour de sa mort. Il réunissant tous les membres de sa famille il leur dit : - Tel jour, je m'en irai. Mais vous ne devrez pas pleurer ni éprouver du chagrin. Mon unique souhait à présent c'est de revoir mon fils aîné. Ah, si jamais il pouvait être là, ce serait vraiment merveilleux. Mais j'ignore où il se trouve en ce

moment donc impossible de lui envoyer un mot, je crains que mon seul désir reste à jamais insatisfait, en dehors de cela, plus rien ne me retient en ce monde.

Quand arriva le jour, il s'assit bien droit et sans être malade il mourut dans la position assise. Après sa mort, beaucoup de gens dans son village firent un rêve très étrange: Ils voyaient deux hommes habillés en robes noires marchant devant lui et l'emmenant vers l'ouest. Ceci m'a été rapporté plus tard par sa femme.

La posture du plein lotus est un des facteurs les plus importants dans la pratique de la voie. Si vous voulez la maîtriser, elle vous sera extrêmement avantageuse dans votre pratique.

Ayant parlé du parler le Sutra des Principes Illimités, le Bouddha Sakyamuni SE MIT EN POSTURE DU LOTUS ET ENTRA DANS LE SAMADHI DE LA BASE DES PRINCIPES ILLIMITES. Entrer dans le Samadhi des principes illimités veut dire aussi simplement entrer dans le Samadhi de la vraie réalité, là où seule la réalité demeure.

**LE CORPS ET L'ESPRIT TRANQUILLES.** Quelqu'un peut vous demander : -Quand le corps ne bouge pas, nous pouvons nous en rendre compte, mais comment peut-on savoir si l'esprit est tranquille ?

Quand votre corps ne s'agite pas, votre esprit reste calme. Dès que votre corps bouge, votre esprit s'agite également. Par conséquent, ceux qui entrent dans le Samadhi ne connaissent plus d'agitation ni sur le plan corporel ni sur le plan spirituel. Bien sûr, l'esprit ou le corps dont nous parlons ici, en chinois, présente le même caractère. Evidemment, il ne désigne pas le gros morceau de chair abrité dans votre poitrine. Qu'il soit pris au sens propre ou au sens figuré, dès que vous entrez dans le Samadhi, il devient calme. Ainsi le texte dit **CORPS ET ESPRIT TRANQUILLES**. Pourquoi ? Comme le Bouddha est entré dans le Samadhi, son corps et son esprit atteignent la pureté de la source originelle. Pour cette raison, le corps et l'esprit sont tranquilles. Voilà la discussion du deuxième miracle, celui de l'entrée dans le Samadhi.

Sutra :

**A cet instant, une pluie de fleurs mandarava, mahamandarava, et mahamanjushaka tombèrent des cieux et se répandirent sur le Bouddha ainsi que sur toute l'assemblée.**

Commentaire : Ce passage traite le troisième miracle, celui de la pluie de fleurs. AU MOMENT OÙ, le Bouddha entra dans le Samadhi, corps et esprit tranquilles, tombèrent alors des cieux une pluie de fleurs Mandarava. Mandarava est un mot sanscrit qui signifie fleurs blanches ou encore fleurs exauçant les souhaits. Les fleurs Mahamandarava représentent une grande variété de fleurs blanches. Les fleurs Manjushaka désignent des fleurs rouges. D'énormes fleurs rouge foncé. Toutes ces fleurs se répandirent SUR LE BOUDDHA AINSI QUE SUR TOUTE L'ASSEMBLÉE. Tous ceux qui étaient présents dans l'Assemblée du Dharma reçurent aussi l'offrande de fleurs.

Que représente ces quatre variétés de fleurs qui tombaient du ciel. Elles représentent les domiciles, les pratiques, les attachements et les causes. Dans le Sutra Shurangama, nous avons déjà entendu parler des dix domiciles. Ils sont représentés par les fleurs Mandarava. Les fleurs Mahamandarava représentent les dix pratiques. Les fleurs Manjushaka représentent les dix attachements. Et enfin les fleurs Mahamanjushaka représentent les dix causes. Ainsi ces quatre variétés de fleurs correspondent aux quatre positions, ou quatre niveaux du Bodhisattva.

**QUI SE RÉPANDIRENT SUR LE BOUDDHA.** Les fleurs tombèrent sur le Bouddha AINSI QUE SUR TOUTE L'ASSEMBLÉE. Dans la pratique, tout le monde doit traverser les dix domiciles, les dix pratiques, les dix attachements et les dix causes. Ceci est la discussion du troisième miracle, celui de la pluie de fleurs. (à suivre)

# Le Sutra Shurangama

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

(La suite)

**D**ans le Sutra en Quarante deux Chapitres, le Bouddha dit : Faites attention à ne pas vous fier à votre pensée : ne vous y fiez pas. Seulement quand vous aurez atteint l'état d'Arhat alors vous pourrez vous fier à votre propre pensée.

Pourquoi ne peut-on pas se fier à sa propre pensée ? Demandez-vous. Parce que votre pensée est fautive et illusoire et si vous vous y fiez, vous commettrez de mauvaises actions et ayant commis de mauvaises actions, vous subirez une mauvaise naissance et mort. Par contre si vous ne vous fiez pas aux fausses pensées, vous pourrez éviter un mauvais sort mort.

"Quand peut-on se fier à sa propre pensée."

Quand vous atteignez la quatrième étape de l'état d'Arhat, vous pouvez vous fier à votre propre pensée. Auparavant vous ne devriez pas vous écouter vous-même mais écouter le conseil et les instructions d'un bon ami spirituel.

Les Pratyekas, Pratyeka-Bouddhas, et tous ceux qui sont éveillés par les conditions ou éveillés solitairement, ainsi que tous les autres ici présents, étaient. HEUREUX DE L'OPPORTUNITE D'ECOUTER, ILS QUITTÈRENT SILENCIEUSEMENT LEURS SIEGES POUR RECEVOIR L'INSTRUCTION DU SAGE. Il y en avait non seulement un ou deux mais beaucoup d'autres qui voulaient écouter le Dharma du Bouddha, les merveilleuses instructions d'un sage, les doctrines d'un saint. D'un cœur absolument sincère, ils s'essayèrent silencieusement à un côté, prêts à écouter.

Le Tathagatha répond au sujet du samatha.

Il expliquait le merveilleux Samadhi du début jusqu'à la fin. Il expliquait le sens général du Samadhi du Bouddha, ce qui a permis à Ananda de comprendre les causes (ainsi que les conséquences) pratiquées par tous les Bouddhas.

Sutra :

**Au milieu de la grande assemblée, le Seul Honore du Monde étendit son bras d'or, toucha la couronne d'Ananda et dit lui ainsi qu'à la grande assemblée : "Il existe un Samadhi appelé le roi du Shurangama, le plus avancé à la tête des grands Bouddhas, rempli d'innombrables pratiques. C'est un chemin orné merveilleusement et la seule branche par laquelle les Tathagathas des dix directions ont obtenu la transcendance. Vous devriez l'écouter attentivement maintenant." Ananda s'agenouillait humblement pour recevoir l'instruction compatissante du Bouddha.**

Commentaire : A l'origine, ce chapitre apparaissait plus tard dans le texte, mais le Maître du Dharma Yuan Ying s'aperçut qu'il n'était pas bien placé, alors il le changea de place. J'ai étudié aussi ce chapitre plusieurs fois et j'admets que ce chapitre du Sutra devrait apparaître ici, et nulle part ailleurs.

ENSUITE veut dire que les grands Arhats et les grands Bodhisattvas venant des dix directions étaient aussi nombreux que les grains de sables du Gange, tous désiraient recevoir l'instruction du sage et quand Ananda avait prié le Bouddha d'expliquer les pratiques initiales par lesquelles les Tathagathas des dix directions avaient obtenu le merveilleux samatha, le merveilleux samapatti et le merveilleux dhyâna : C'est ainsi que LE SEUL HONORE ETENDIT SON BRAS D'OR ET TOUCHA LA COURONNE D'ANANDA.

Le bras du Bouddha était naturellement en or : Il ne l'avait pas doré. Dans le bouddhisme, toucher la couronne d'une personne représente la protection bienveillante et compatissante pour cette personne. Le Bouddha parle aussi de l'amour il ne s'agit pas de l'amour ordinaire. Mais plutôt d'un amour compatissant qui se répand partout pour protéger tous les êtres et faire disparaître tous les obstacles des démons. Il ne s'agit pas de l'amour égoïste, émotionnel des profanes. Faites attention à ce point.

Parmi tous les amours existant en ce monde, le plus puissant c'est l'amour des parents pour leurs enfants et lui pardonne. Quoiqu'il fasse. « Il est encore trop jeune ! Et comme il est innocent ? Diront-ils. Même quand il est insulté ou les maltraite, ils considèrent cela comme une plaisanterie ou un acte inconscient, ne réalisant jamais que ce sont des actes méchants, malpolis.

"Pourquoi se comportent-ils ainsi ? Demandez-vous. Parce qu'ils aiment trop et aveuglement leur enfant. L'amour des parents pour leurs enfants est plus profond et plus féroce que l'amour conjugal.

J'admire les Américains à cet égard. En Amérique, quand les enfants ont dix-huit ans, ils sont autorisés à vivre indépendamment. Les parents ne s'en occupent plus. D'une certaine manière, cette coutume est très bonne. Mais le seul problème c'est qu'à cet âge les enfants ne sont souvent pas assez expérimentés, alors livrés à eux-mêmes ils peuvent facilement prendre un mauvais départ. Ils risquent d'être entraînés, puis renversés par les mauvaises tendances actuelles puis poussés au fond du gouffre. Une fois tombés au fond du gouffre, ils n'ont plus aucune chance de s'en sortir. Résultat, actuellement aux États Unis, il existe beaucoup de jeunes que ne reconnaissent plus leur pays, n'ont aucun sens d'un foyer familial, au point qu'ils ne savent plus qui ils sont. Du matin jusqu'à la

tombée de la nuit, sous l'effet du L.S.D., du marijuana ou d'autres drogues, ils se plongent dans les voluptés ténébreuses, confuses. Si vous leur demandez ce qu'ils font pour leur pays, ils disent : "Cela ne me regarde pas." Si vous les interrogez au sujet de leur famille, ils disent : "Je n'en ai aucune." Pourquoi ? Ayant quitté trop tôt, trop inexpérimentés leur foyer familial qu'ils oublient totalement qu'ils ont aussi une famille. Ils sont entraînés dans un vide total comme ils sont pitoyables !

La protection compatissante du Bouddha pour tous les êtres est comme celle des parents pour leurs enfants, voire plus forte. Toucher la couronne représente cette protection compatissante. Comme une aiguille d'acupuncture qui ranime votre sang et fortifie votre énergie. Quand il touche votre couronne, la main du Bouddha émet de la lumière qui dissipe toute obscurité en vous. C'est de cette façon qu'il vous débarrasse de tout mal et augmente vos racines vertueuses.

"J'ai manqué cette opportunité." Vous vous lamentez. "Si seulement j'étais né au moment où le Bouddha se trouvait en ce monde, j'aurais pu demander au Bouddha de toucher ma couronne, alors mon mal serait déraciné et mes racines vertueuses augmenteraient."

Qui vous a dit que le Bouddha ne se trouve pas en ce monde en ce moment ? Ne vous lamentez pas ! Regretter serait inutile. Ne blâmez qui que ce soit encore moins le Bouddha ! Nous ne sommes pas nés à la même époque que Bouddha, mais nous avons le Bouddhadharma nous pouvons étudier le Bouddhadharma. Si nous étions sincères, le Bouddha se déplacerait et viendrait toucher notre couronne pour nous protéger. Quoique le Bouddha soit entré dans le parinirvâna, son pur corps du Dharma reste et se répand partout en tous lieux. Vous ne devriez pas penser que le Bouddha nous a laissés tomber. Le Bouddha est toujours avec nous. C'est seulement que nous ne pouvons pas le voir. Toutes nos activités quotidiennes, marcher, rester debout, s'asseoir, se coucher, manger, s'habiller, n'échappent pas à l'œil du corps du Dharma du Bouddha. Ainsi, nous sommes toujours avec le Bouddha. Mais comme nous n'avons pas de pouvoir spirituel, nous ne pouvons pas le voir.

(à suivre)

# le mantra shurangama

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

(La suite)

Faisant écrouler les maisons, déraciner les arbres, il est tout à fait redoutable. Vous rappelez-vous la tempête de vent qui traversait la Cité des Dix Mille Bouddhas à cent kilomètres à l'heure ? Une quinzaine d'arbres étaient renversés. Un seul restait dans un espace étroit entre deux maisons sur le terrain. Ces maisons étaient habitées, mais lorsque passa la tempête l'arbre s'écroula, il tomba adroitement le long de l'espace entre les deux maisons. Quel bonheur ! S'il était tombé sur les maisons, il est aurait écrasées et les habitants de ces maisons auraient trouvé la mort ou se

seraient blessés. Quel merveilleux miracle !

*"Même le troisième Dhyana craint cette catastrophe.  
Le feu pourrait brûler les cieux du premier Dhyana.*

*L'eau pourrait inonder les cieux du troisième  
Dhyana.*

*Le vent pourrait fendre les cieux du troisième  
Dhyana".*

Il y a un verset qui dit :

*"Les habitants six cieux du désir ont cinq signes de  
la décadence.*

*Au troisième Dhyana ils craignent encore la  
catastrophe du vent.*

*Même s'ils atteignent le Ciel de la Non-Pensée ni de  
la Non-Non-Pensée.*

*Cela ne vaudrait-il pas mieux que d'aller sur la  
Terre Pure de Félicité et d'en revenir pour  
sauver les malheureux êtres vivants".*

Aussi, les pratiquants de la voie ne devraient pas nourrir en tête l'idée de rechercher les bénédictions des cieux. Une fois que ces bénédictions s'épuisent, on retombera dans le cycle des

existences. Car dans les six cieux du désir, quand les bénédictions d'un dieu s'épuisent, les cinq signes de dépérissement commencent à apparaître. Comme le corps humain se détériore lorsque la mort s'approche, il en est de même dans les cieux, les dieux changent dès

que leur existence tire vers la fin. Une fois cette existence

achevée, ils retombent dans le cycle des renaissances et subissent la rétribution selon leur karma.

Les cinq signes de dépérissement sont :

1. Leurs guirlandes de fleurs sur la tête se fanent.

Les êtres célestes ont des couronnes de fleurs qui les ornent naturellement et restent toujours fraîches. Mais lorsque leurs bénédictions célestes s'épuisent, quand leur vie céleste tire vers la fin, les guirlandes de fleurs commencent à se faner.

2. Leurs habits deviennent sales.



Le groupe pèlerinage debout devant  
Monastère Phap Mon-en Chine

Les vêtements portés par les êtres célestes ne se plissent jamais et en plus sont toujours propres, car ils ne transpirent pas comme les humains, et ne salissent pas leurs vêtements, donc ils n'ont pas besoin de faire la lessive, ni besoin de machine à laver.

Les gens pensent que les machines à laver sont des innovations merveilleuses, pourtant, ils se tracassent constamment pour garder leurs vêtements propres. Mais dans les cieux, les êtres célestes n'ont pas besoin de laver leurs habits. Ils sont toujours naturellement propres. Mais lorsque leurs vêtements commencent à salir, c'est le deuxième signe de dépérissement.

3. Leurs aisselles transpirent. Normalement les êtres célestes ne transpirent pas, c'est pourquoi leurs vêtements restent toujours propres, mais lorsqu'ils commencent à transpirer à suer, apparaît alors le troisième signe de dépérissement.

4. Leur corps entier sent mauvais.

Ordinairement le corps des êtres célestes est toujours parfumé. Mais lorsqu'il commence à puer, apparaît le quatrième signe de dépérissement.

5. Ils ne peuvent pas s'asseoir tranquillement.

Ils ne peuvent pas rester tranquilles. Ils sursautent, ils tournent en rond, ils s'assoient, ne trouvant aucune position confortable, ils se couchent, ils se relèvent, ils sautent dans toutes les directions, ils se sentent constamment mal à l'aise.

C'est à ce moment, que s'achève la vie d'un être céleste. S'ils ont un bon karma, alors ils deviendront des gens riches et influençables. Mais si leur mauvais karma mûrit, alors ils tombent dans les trois royaumes inférieurs, royaumes des enfers, des esprits affamés ou des animaux. Ainsi même si vous devenez un dieu, vous subirez encore ce genre de problème.

La force du vent détruit les cieux du troisième Dhyana. D'où viennent-elles ces catastrophes? La dernière ligne du verset met en évidence. Nourri des sentiments de colère et de haine, on réussit dans les affaires. Mais quand on nourrit un caractère agressif, et même qu'on a pratiqué énormément de b se fait son affaire. Si quant on est une personne, on a beaucoup de colère alors même qu'on a pratiqué de bénédiction qui vous permettront de renaître dans les cieux, il vous faudra toujours subir la rétribution du désastre causé par le vent, car tant que la racine de la colère, de l'agressivité, de la rancune et de la

mauvaise humeur n'a pas été coupée, vous devrez subir cette perte. C'est la rétribution de la colère.

Mantra :

### **33. SWO SYI YE YE.**

Poème :

Un feu flamboyant ravage, sa chaleur intense  
est difficile à supporter.

Quand cette catastrophe frappe, sept soleils  
apparaissent.

Les montagnes s'effritent, les mers se  
dessèchent, aucun être vivant ne survit.

Croissant, mûrissant, déclinant et allant à la  
vacuité, notre karma est immense et sans borne.

Commentaire : SWO SYI YE YE, désigne l'esprit du feu, un esprit extrêmement ardent et fou queux. Ce feu dégage une chaleur trop intense qu'aucun être vivant n'arrive à supporter. Ce feu criminel ravage tout à son passage, détruit d'innombrables vies humaines. Quand ce désastre frappe, sept soleils apparaissent dégageant une chaleur tellement brûlante que même les rochers et les pierres se fondent, les mers se dessèchent, les montagnes s'effritent, aucun être vivant ne survit. L'océan est mis à sec. Comme c'est vraiment, vraiment terrible ! Songez-y : les rochers des grandes montagnes craquent sous l'effet de cette chaleur brûlante. Les mers desséchées, chaque goutte d'eau disparaît dans l'intensité de la chaleur. Les êtres vivants ne peuvent absolument pas supporter cette température. Ces feux sont encore redoutables en passant par le ciel du premier Dhyana. Mais les cieux du deuxième, troisième et quatrième Dhyana restent sereins. Néanmoins, le verset cité dans le commentaire ci-dessus continue : Même si vous atteignez le ciel de la Non-Pensée et celui de la Non-Non-Pensée, ce ne sera pas aussi bien que d'aller à la Terre Pure d'où vous pourrez revenir pour enseigner et sauver les êtres vivants. Dans la Terre Pure, vous êtes en compagnie des Bouddhas et des grands Bodhisattvas.

Je me rappelle, au moment où j'expliquais ce qu'étaient les cieux des quatre Dhyanas, il y a quelques années, certains voulaient connaître ce qu'était le cinquième Dhyana ! Quand on ne comprend pas le Bouddhadharma, on peut parfois poser des questions idiotes. (à suivre)



# Le mantra de la grande compassion

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en français: Bhiksuni Dam Nhu

La suite

Mantra :

## 46. Pu ti ye pu ti ye

Ces deux phrases du mantra signifient “ la voie illuminée ”. Il veut dire aussi “ le cœur éclairé ”. Si vous voulez obtenir la Voie illuminée, vous devez d’abord avoir un cœur éclairé. Sans un cœur éclairé, vous ne serez pas capable de pratiquer la Voie éclairée. Les pratiquants doivent d’abord avoir un cœur réellement éveillé qui lui permettra de pratiquer et de réaliser la voie éclairée.

Ces deux phrases du mantra sont « la main et l’œil de la roue en or du non recul »; c’est le cœur du Bodhi qui ne recule jamais. Dès maintenant et jusqu’à ce que vous parveniez à la bouddhité, le cœur du Bodhi que vous avez fait naître grandira quotidiennement, deviendra plus rigoureux et ne vous quittera plus. Doué d’un cœur du Bodhi, vous réaliserez rapidement le fruit de la Bouddhité. Si votre cœur du Bodhi s’éloigne ou s’échappe, alors vous ne pourrez plus ou plus lentement réaliser le fruit de la Bouddhité.

Les pratiquants de la Voie devraient être plus énergiques chaque jour afin que leur cœur du Bodhi devienne plus fort. Ne le retirez pas ou ne l’égarez pas. Par exemple, en écoutant les Sutras, vous devriez penser qu’ils sont comme des difficultés à

affronter. Les rassemblements du Dharma sont très rares. Et si vous y veniez, et y participiez, vous vous rendriez compte que, c’est tout à fait remarquable. Car ce n’est pas tous les jours qu’on a l’opportunité d’assister à de pareils rassemblements, un Dharma qui s’écoule comme s’écoule l’eau d’une rivière.

Ayant rencontré le Dharma, vous devriez trouver le temps pour venir l’écouter même si vous êtes très occupé et peu importe le conférencier. Ne faites pas de différence entre un bon et un mauvais conférencier et ne venez pas seulement écouter les bons. Si vous

continuez à venir régulièrement écouter, tôt ou tard et peu importe la personne qui fait la conférence, vous pénétrerez l’authentique doctrine. Quelle soit la personne qui fait la conférence, vous devriez venir pour soutenir le rassemblement du



Dans la salle de Cérémonie de Monastère Hoa Thanh-Cuu Hoa Son, en Chine

Dharma. Puisqu’il y a sept soirées de conférences par

semaine, vous ne devriez pas y manquer, ne serait-ce qu’une seule fois. Ne les négligez pas car il est extrêmement rare (parfois durant un billion d’éon) de rencontrer cette porte du. L’ayant rencontrée, nous devrions déployer nos efforts pour progresser. Ces efforts vigoureux sont précisément votre cœur du Bodhi.

Il y a trois niveaux du non recule. Le premier est le non recule de position. Si vous avez déjà

obtenu le fruit d'Arhatship, vous ne reviendrez pas au niveau d'une personne ordinaire. Si vous avez réalisé le fruit du Bodhisattva, vous ne reviendrez pas au niveau d'Arhat. Si vous avez réalisé le fruit du Bouddha, vous ne retournerez pas au niveau du Bodhisattva...à moins que vous le souhaitiez. Par exemple, si vous dites « maintenant que j'ai réalisé le fruit du Bouddha, j'aimerais apparaître dans le corps d'un Bhikshu pour enseigner et sauver les êtres vivants », cela est possible et ce serait merveilleux !

Le deuxième est le non recul de la pensée. Les pratiquants peuvent parfois ressentir l'ennui d'étudier l'enseignement du Bouddha. Ils ne pratiquent plus ou n'assistent plus aux conférences. Ceci est le recul dans la pensée. Quand vous reculez dans la pensée, les obstacles démoniaques se soulèvent parce que les démons s'en réjouissent. Par contre une fois que vous avez atteint le niveau de la pensée sans recul, plus vous écoutez l'enseignement du Bouddha, plus vous aimez l'écouter. Plus vous aimez écouter plus vous vous en passionnez. Et cette passion vous pousse à venir aux conférences. Avec



Le groupe pèlerinage debout devant l'arbre phoenix-en Chine

la pensée sans recul, vous atteindrez le troisième niveau, celui du comportement sans recul.

La conduite veut dire la pratique. Chaque jour, vous devriez être plus rigoureux plus énergique. Vous mettez au monde un cœur courageux et vigoureux pour pratiquer la voie, investissez-vous ! Ne reculez pas. Dans le comportement, si vous pratiquez la main et l'œil de la roue en or du non recul à partir de maintenant et jusqu'à ce que vous réalisiez la Bouddhité vous ne vous reculerez pas. Mais vous devriez toujours avancer, persévérer.

Mantra :

## 47. PU TWO YE PU TWO YE

Cette ligne et la précédente sont la même à l'exception du syllabe du milieu. Les caractères sanscrits Pu Two Ye Pu To Ye signifient « intelligent et illuminé ». La vraie intelligence est la sagesse. L'illumination est le réveil. Ces caractères désignent celui qui a la vraie sagesse et qui est éveillé.

Ceci est la main et l'œil du Bouddha de la transformation sur la couronne. Le Bouddha est l'être illuminé et le Bodhisattva qui pratique cette main et œil est « l'être intelligent ». Au fond, « l'intelligence » et l'illumination désignent la même qualification. L'illumination suit la connaissance autrement dit la connaissance précède l'illumination. Si vous pratiquez cette main et œil, vous serez celui qui possède la vraie sagesse, donc celui qui est éveillé.

Alors les Bouddhas des dix directions viendront vous toucher sur la couronne et vous confèrent une prédiction de la Bouddhité.

En récitant le nom du Bouddha, et les Mantras ou pratiquant la méditation de Dhyana, les pratiquants

perçoivent parfois une sensation au sommet de leur tête,

comme un virus qui circule, et qui court dans votre tête. Cette sensation disparaît quand vous touchez votre tête ou vous vous brossez les cheveux. En réalité, à ce moment là, les Bouddhas des dix directions viennent vous toucher sur la couronne et vous conférer une prédiction de la Bouddhité. Mais sans le pouvoir spirituel de l'oreille céleste, vous ne les entendez pas comme dans le pouvoir spirituel de l'œil céleste, vous ne les voyez pas. Les Bouddhas des dix directions ont quitté leur chemin pour venir spécialement vous toucher la couronne et vous donner la prédiction. (à suivre)

# Le Sutra du Vajra Prajna Paramita

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

## La suite

Subhuti répondit : “Très nombreux”. “La poussière dont parle par le Tathagata est comme la non-poussière”. Selon le point de vue de la vraie réalité la voie du milieu, ce sont des atomes de poussières donc ils existent réellement la réelle vérité c’est que ce ne sont pas des atomes de poussières. Donc, ils n’existent pas. Selon le point de vue général ce sont des atomes de poussières, donc ils existent. En fait, “les atomes de poussières” est juste un nom.

“Les systèmes du monde pour par le Tathagata comme les non systèmes du monde... Les particules de poussières qui sont voisin du vide composent le monde. Un atome de poussière est la plus petite particule du bâtiment dépendant d’une multitude de particules. Un monde est la forme la plus large du bâtiment dépendant. Les systèmes du monde reviennent d’une collection de petits bâtiments dépendants. Le monde existe parce que cette grande multitude d’atomes de poussières se rassemblent. Si les atomes de poussières se séparent, le monde disparaît. Ainsi les systèmes du monde pour par le Tathagata comme les non systèmes du monde, par conséquent ils sont appelés les systèmes du monde. La doctrine ci-dessus ne va pas au delà du vide, du faux, et de la voie du milieu.

Reconnaître le vide de toutes les lois c’est la réelle vérité.

Reconnaître le faux de toutes les lois c’est la vérité commune.

Reconnaître que toutes les lois sont ni vides ni fausses c’est la vérité de la voie du milieu. En réalité plus, à travers le présent discours sur le Prajna rien n’a été dit. De même lorsque Subhuti après avoir parlé éloquemment du Prajna et le Roi Brahma du ciel l’écoutait à la fin de la conférence, Subhuti lui demanda, “Qu’est ce que j’ai dit ?” Celui-ci lui répondit: “Le vénérable n’a rien dit”.

“Bien, qu’est-ce que vous avez entendu ?” poursuit Subhuti.

« Je n’ai rien entendu ». Répondit Roi Brahma.

“Voilà le vrai Prajna”, confirma Subhuti.

Quand rien n’a été dit et rien n’a été entendu : C’est ce qui est appelé le vrai Prajna. Ainsi le Prajna Paramita parlé par le Bouddha n’est pas le Prajna Paramita, voilà le pur Prajna Paramita. C’est juste un nom et rien de plus.

Sutra :

**“Subhuti, qu’est-ce que vous en pensez ? Le Tathagata peut-il être vu à travers ses trente deux signes? Et pourquoi ? Les trente deux signes dont parlait le Tathagata sont comme les non trente deux signes, par conséquent ils sont appelés les trente deux signes”.**

**“Subhuti, les bénédictions d’un bonhomme, ou d’une bonne femme, qui fait offrande de sa vie autant de fois qu’il y a de grains de sable dans le Gange sont grandes, mais celles d’une personne qui retient et récite, ne serait-ce que quatre lignes d’un paragraphe du Sutra et les expliqués aux autres, ses bénédictions seront infiniment plus grandes.”**

Commentaire :

Le Bouddha demanda, “Quand vous voyez les trente deux merveilleux signes du Bouddha, voyez-vous le corps du Dharma du Tathagata?” Subhuti répondit qu’on ne peut pas voir le corps Dharma du Tathagata à travers les trente deux signes.

Car les trente deux signes merveilleux sont vues par le Tathagata comme les trente-deux signes inexistantes, par conséquent ils sont appelés les trente deux signes : Les trente deux signes dont parlait le Bouddha Sakyamuni, sont les réalités la réponse du corps, pas les réalités du corps du Dharma. La réponse du corps est le corps de la transformation. Les trente deux signes du corps de la transformation sont permanents, ils changent constamment et disparaissent. Le corps du Dharma du Bouddha n’est ni produit ni détruit, ni pur, ni impur, n’augmente, ni diminue.” Par conséquent Subhuti dit, ” les trente deux signes dont parlait le Tathagata sont les trente deux signes inexistantes, ils ne sont pas les vrais, réels signes merveilleux du Bouddha. Ce ne sont que de fausses désignations.”

Le Bouddha Sakyamuni disait que, pour obtenir la Bouddhité, celui ou celle qui pratique les cinq préceptes et les dix bonnes actions, devrait offrir son corps et sa vie autant de fois qu’il y a de grains de sables dans le Gange. Comme le Bouddha Sakyamuni lui-même avait sacrifié son corps pour sauver une tigresse et coupé sa propre chair pour nourrir un aigle. Une fois, dans une vie antérieure, en pratiquant la voie dans les montagnes, le Bouddha Sakyamuni voyait une tigresse mère et son petit gisant dans la neige. A cause de la neige, les petits animaux s’étaient cachés, faute de nourritures, la tigresse et son petit étaient sur le point de mourir de faim, le Bouddha Sakyamuni pensait que si l’un d’eux venait à mourir, l’autre mourrait aussi. En tant que pratiquant de la voie, il devrait les sauver. Tout le monde sait que les tigres sont des animaux féroces. Qui voudrait sacrifier son propre corps pour sauver de tels animaux ? Cependant, poussé par la compassion, Bouddha Sakyamuni s’allongeait devant la tigresse et s’en faisait dévorer.

Dans une autre vie, le Bouddha Sakyamuni était en train de pratiquer la voie, un jour, un petit oiseau s’enfuit en volant dans la hutte où terrorisé par un énorme aigle qui le poursuivait. “Sauvez-moi ! Sauvez-moi!” cria le petit oiseau, “cet aigle veut me manger !”

“Comment puis-je vous sauver ?” demanda le Bouddha Sakyamuni.

“Si vous le sauvez je mourrai de faim,” s’écria l’aigle.

“Si pour sauver une vie, vous devez en tuer une autre, cela n’est pas de la compassion;”

Ayant entendu le raisonnement de l’aigle à propos de la compassion, pour sauver la vie de ces deux être vivants, il coupa un morceau de sa propre chair et le donna à l’aigle pour apaiser sa faim. Mais, toujours affamé, inassouvi, l’aigle revint à plusieurs reprises pour en demander plus, et à chaque fois, le Bouddha Sakyamuni lui donna sa chair jusqu’à son dernier os.

C’est ainsi que le Bouddha Sakyamuni avait pratiqué la voie en se sacrifiant entièrement pour sauver tout être vivant, toujours avec la même compassion. Mais, dans monde actuel, les gens ne savent plus faire de sacrifices, s’ils sont obligés de donner un peu de leur argent aux autres, ils ont mal au cœur, au foie, et leur corps entier en souffre.

“J’ai donné deux cents dollars et ne pouvais pas dormir pendant trois nuits entières,” se lamentent ils se lamentent. Car j’ai dû travaillé une semaine entière pour gagner cet argent et il me faudra travailler une autre semaine pour gagner deux cents autres dollars.” Ils gardent des livres très précis. “Pouvons-nous garder des titres larmoyants, alors ?” Vous pouvez-vous demander. Non. Vous ne devriez pas garder des livres larmoyants non plus.

Le Bouddha Sakyamuni ne suivait les progrès de pareilles actions lorsqu’il était sur le plan causal, et au résultat il atteignait la Bouddhité. La raison qui vous empêche d’atteindre la Bouddhité c’est que vous vous attachez trop à garder vos livres si proprement.

Quand le Bouddha Sakyamuni avait pratiqué la voie (semé la cause), il n’avait pas hésité à se sacrifier mille fois pour sauver les êtres vivants et les faire sortir des mauvaises chemins.

Parlons plus explicitement, tout atome de poussière dans les trois milliers de grands milles systèmes mondiaux est un endroit où tous les Bouddhas des dix directions ont donné leurs corps et leur vie. Vous autres, si vous n’arriviez pas à sacrifier votre corps et votre vie, au moins vous débarrasser de tout ce qui est à l’extérieur de votre corps (richesse, propriété) ! Cela est considéré aussi (tenu compte) au renoncement à son corps et sa vie. (à suivre)

# le Bouddha parle du Sutra d'Amitabha

UNE EXPLICATION GÉNÉRALE PAR  
LE VÉNÉRABLE MAÎTRE DU  
TRIPITAKA HSUAN HUA

Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

3. Considérez les pensées comme impermanentes. Le Sutra Vajra dit : les pensées passées ne peuvent pas être obtenues, les pensées présentes ne peuvent pas être obtenues et les pensées futures ne peuvent pas être obtenues.

Toutes vos pensées sont inaccessibles. Elles se déroulent sans arrêt donc elles ne sont pas permanentes. Le corps, les sentiments et les Dharmas ne le sont pas également.

4. Contemplez les dharmas comme sans moi. Fondamentalement, puisqu'il n'y a pas de dharmas, d'où vient le moi ? Le moi est une combinaison des quatre éléments et cinq skandhas, une création de la forme. En dehors des quatre éléments et des cinq skandhas, le moi n'existe pas. Alors considérez les dharmas comme étant sans moi.

Les quatre contemplations de l'esprit sont merveilleuses. Si vous les étudiez parfaitement, les comprenez et si vous vous y concentrez, vous serez libre et obtiendrez la vraie liberté. Si vous êtes attaché, vous ne pouvez pas être libre. Pourquoi ? Parce que vous êtes attaché ! Alors restez dans les quatre actions de l'esprit. Restez y et cependant n'y restez pas.

LES SIX NECESSITES

La quatrième question d'Ananda concernait les Bhiksus aux mauvais caractères. Le Bouddha dit,



Le groupe pèlerinage debout devant le Monastère  
Hue Te, Po Tuo Shan-en Chine

« Soyez patients ignorez-les et ils s'en iront ». Même lorsque le Bouddha était en ce monde, il y avait aussi des Bhiksus aux mauvais caractères. « Si vous les ignorez », dit le Bouddha, « ils s'ennuieront et partiront ».

« AINSI J'AI ENTENDU ». AINSI répond à la demande de la « FOI ». Le Dharma qui est AINSI peut être cru. Le Dharma qui n'est pas AINSI ne peut pas être cru. J'AI ENTENDU répond au besoin de l'audition. « Puisque les oreilles sont les organes de l'audition », vous pouvez demander « Pourquoi dit-on J'ai entendu ? ». Puisque les oreilles sont juste une petite partie du corps, « JE » se réfère à la personne entière, UNE FOIS répond à la nécessité du temps.

« Pourquoi, » vous pouvez demander, « Le Sutra ne précise pas le mois, le jour et l'année ? ».

Les calendriers se diffèrent d'un pays à l'autre. Certains pays commencent l'année le premier mois, d'autres le deuxième ou troisième mois, il est donc absolument impossible de déterminer la date exacte et qui plus est, si la date était donnée, les gens commenceraient à

faire des recherches pour déterminer si elle était juste. Puisque le Sutra annonçait : « Un moment donné », il n'y a donc pas de demande de vérification historique.

Pour parler du Dharma, il doit y avoir un public. C'était le rassemblement des grands Bhiksus. Le public doit rester un certain temps pour écouter, ils doivent y rester le temps nécessaire pour écouter, ils doivent avoir une ferme volonté bien déterminée. Il doit y avoir aussi un invité pour parler du Dharma. Dans ce cas, le Bouddha est l'invité et le lieu est SRAVASTI, DANS LE JARDIN DU BIENFAITEUR DES ORPHELINS

ET DES SOLITAIRES; dès le début du Sutra, toutes les six nécessités sont accomplies.

SRAVASTI est le nom d'une ville en Inde. Traduit, il veut dire « Abondance et Vertu », parce que les sept matières précieuses: Bijoux, l'or, l'argent, la lazulite, le cristal, la nacra, les perles rouges et le carnelian aussi que les objets des cinq désirs : La beauté, la richesse, la réputation, la nourriture et le sommeil s'y trouvaient en abondance. Les gens du SRAVASTI étaient très intelligents et avaient la vertu du grand savoir et de la libération.

Vous pouvez aussi dire que les objets des cinq désirs sont : Les formes, les sons, les odeurs, les saveurs et les touchers. Les sentiments liants ces objets à ces désirs transforment la sagesse des gens. Les yeux courent après les formes, les oreilles après les sons, le nez après les odeurs, la langue après les saveurs et le toucher après les corps. Évidemment, les gens se lancent vivement et aveuglement dans la poursuite des objets de leurs cinq désirs.

Les gens du SRAVASTI avaient de grandes connaissances et de sagesse. Ils étaient libres et sans entraves par conséquent peu attachés.

### LE JARDIN DU BIENFAITEUR

DANS LA GROTTTE JETA, DANS LE JARDIN DU BIENFAITEUR DES ORPHELINS ET DES SOLITAIRES ... Anathapindaka, dont le nom veut dire « bienfaiteur des orphelins et des solitaires », était un homme âgé, très riche qui vivait dans la ville de Sravasti. Il était aussi connu sous le nom de Sudatta, qui veut dire « heureux de donner ». Il était un homme riche mais n'avait aucune connaissance sur la doctrine du Bouddha. Il n'avait même jamais entendu le nom du Bouddha. Un jour, en faisant les préparatifs du mariage de son fils, il rendait visite à un ami, le vieux riche Shan T'an No.

Cette nuit là, ce dernier se leva et commença à décorer sa maison. Curieux Sudatta demanda, « En quel honneur, vous décorez votre maison aussi magnifiquement? Est-ce le mariage de votre fils?

- « Non », dit Shan T'an No. « J'ai invité le Bouddha à venir recevoir les offrandes ».

Lorsque Sudatta entendit le mot Bouddha, tous les poils de son corps se dressèrent. « Qui est le Bouddha ? » Murmura t-il.

« Le Bouddha est le prince héritier de la couronne, le fils du roi Suddhodana. Il aurait dû régner sur le pays, mais il a préféré quitter le royaume pour pratiquer la voie afin de devenir un Bouddha. Je l'ai invité à venir ici pour recevoir les offrandes.

Ayant entendu le mot « Bouddha », Sudatta ne pouvait plus fermer l'œil, il attendait impatiemment l'aube pour se rendre en ville, pour rencontrer le Bouddha. Le Bouddha Sakyamuni savait que le cœur de Sudatta était sincère il émit alors une lumière aussi brillante que Sudatta pensa qu'il faisait l'aube, il sortit du lit et se rendit en ville; la porte de la ville était encore fermée mais le Bouddha l'ouvrit avec ses pouvoirs spirituels et Sudatta entra et se dirigea jusqu'au domicile du Bouddha dans la Grotte des Bambous.

Dès que Sudatta arriva, quatre Dieux descendirent des Cieux, circulèrent autour du Bouddha trois fois puis se prosternèrent pour montrer à Sudatta leur respect envers Bouddha. Comme Sudatta n'avait jamais vu le Bouddha ni entendu son Dharma, il suivit l'exemple des dieux et le Bouddha lui expliqua le Dharma. Sudatta en fut ravi et dit : « Bouddha, vous avez beaucoup de compagnons, vous avez probablement besoin d'un grand endroit pour vivre. Je vais vous en procurer un et vous y à vivre ».

- « Bien », dit le Bouddha.

Sudatta se mit à la recherche du terrain, mais il n'en trouva aucun qui ne soit convenable. Finalement, il vit le jardin du Prince Jeta. Le terrain était assez grand, mais le Prince Jeta refusait de le lui vendre. « Si vous voulez acheter mon jardin, » ricana-t-il, « d'accord couvrez-le de pièces d'or. C'est mon prix ».

Ne prenant même pas la peine de négocier, Sudatta accepta, tout de suite, il apporte son trésor, pièce par pièce il couvrit le jardin.

- « Maintenant votre jardin m'appartient », dit-il au Prince Jeta.

- « Je plaisantais simplement », dit le prince, contrarié. « Pour rien au monde, je ne vendrais mon jardin ».

- « Vous me disiez que vous vendriez si je le couvrais d'or, aujourd'hui vous êtes prince, mais plus tard vous deviendrez roi; vous ne devriez pas

plaisanter de cette façon, un roi doit tenir sa parole ».

- « Très bien », dit le prince. « Vous avez couvert le terrain avec votre or, alors, alors, le terrain vous appartient, mais les arbres m'appartiennent encore, j'en fais offrande à Bouddha ».

Comme les arbres appartenait au prince Jeta, on appelle la Grotte Jeta et que le jardin celui de Sudatta, on appelle le Jardin du Bienfaiteur des Orphelins et des Solitaires. (à suivre)

## **LE SUTRA EN QUARANTE-DEUX CHAPITRES PARLE PAR LE BOUDHA**

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

Sutra :

**L**e Bouddha dit: "Ceux qui quittent leur famille et leur vie de famille, (pour se convertir) qui sont maître de leurs pensées, qui pénètrent dans leur origine et qui comprennent le Dharma inconditionné sont appelés "Shramanas"."

**"Observant constamment les 250 préceptes, ils entrent et demeurent dans la pureté. En appliquant les quatre Nobles Vérités, ils atteignent l'Arhatship.**

**"Les Arhats peuvent voler et se transformer. Ils ont une vie éternelle et partout où ils demeurent, ils peuvent faire trembler/bouger le ciel et la terre.**

**"L'Anagamin précède l'Arhat. A la fin de sa vie, l'esprit d'un**

**Anagamin monte au 19<sup>ème</sup> ciel et atteste le niveau d'Arhatship.**

**"Le Sakridagamin précède l'Anagamin. Celui-ci monte une fois dans le ciel et retourne encore une fois au monde humain et par la suite atteint l'Arhatship.**

**"Le Srotaapanna précède Sakridagamin, celui-ci doit mourir sept fois et renaître sept fois avant d'atteindre l'Arhatship. Se débarrassant de tout sentiment et tout désir (comme de ses quatre membres) sans jamais y retomber comme ses membres, une fois coupés, il ne les réutilisera plus jamais".**

Commentaire:

C'est le premier chapitre du Sutra en 42 Chapitres.

On dit qu'un Shramana peut atteindre la réalisation d'Arhatship. Car, à ce propos le Bouddha a dit, "Ceux qui quittent leur famille et leur vie de famille, pour se convertir qui sont maîtres de leurs pensées et qui pénètrent dans leur origine, peuvent atteindre la réalisation d'Arhatship. Lorsque vous quittez votre foyer, selon le Bouddha Dharma, il est nécessaire d'avoir la permission de vos parents. Il n'en est pas ainsi en Amérique, où vous êtes libres quand vous atteignez l'âge de 18 ans et vous pouvez agir selon votre propre volonté.

Autrefois, en Inde et en Amérique, conformément aux coutumes de ces pays, les enfants devaient demander l'autorisation parentale pour se convertir.

Se faire moine c'est s'adonner corps et âme, s'offrir entièrement et respectueusement aux Trois Joyaux, pour mener une existence à part.

Vous quittez votre famille et votre maison où vous avez grandi pour entrer dans un Bodhimanda, "la place de la voie", et vous vous

rapprochez des Trois Joyaux du Bouddha, du Dharma et du Sangha.

Chaque foyer famille a ses propres problèmes; on assiste souvent à des disputes entre les membres de la famille. Donc, il n'y a jamais de réel bonheur.

En vous convertissant en moine, vous quittez votre foyer mondain. Et en même temps vous quittez aussi la vie des trois mondes: Le monde du désir, le monde de la corporéité et le monde de la non-corporéité. Ces trois mondes ressemblent à une maison enflammée où n'existe jamais la paix réelle. Vous quittez également la maison des calamités. Car, en quittant votre foyer familial vous avez mis fin à toutes les tourmentes quotidiennes et cela vous permettra de réaliser votre esprit du Bodhi, c'est-à-dire votre illumination. Cela s'appelle se faire moine.

Les gens qui se font moine sont capables de maîtriser leurs pensées et pénètrent au fond de leur esprit. Vous devriez savoir que quand surgit une pensée, surgissent en même temps toutes sortes de Dharmas. Quand la pensée disparaît, plus de Dharma. Donc, en dehors de la pensée, il n'y a pas de Dharmas, et au-delà des Dharmas, il n'y a pas de pensées. Pensée et Dharma ne font qu'un. Si vous comprenez au-delà des Dharmas il n'y a pas de pensée et que si vous reconnaissez votre pensée, vous verrez qu'elle est calculatrice elle connecte tout en ce monde.

Si vous pénétrez au fond de votre nature originelle, vous comprendrez que la Pensée et la nature fondamentale n'ont aucune substance, aucune forme aucune apparence.

Si vous comprenez cette doctrine, alors vous comprendrez que la pensée calculatrice, est elle-même vide illusoire, et trompeuse.

La pensée qui est partout calculatrice et connectrice, est fondamentalement bien vide, par conséquent n'existe pas non plus. Cela veut dire, que quand vous pénétrez au fond de la pensée, celle-ci n'existe pas, c'est la vraie vérité.

« ... Celui qui comprend ce Dharma inconditionné est appelé: "Shramana" ».

Comprendre le Dharma inconditionné, c'est comprendre le Dharma de la vraie nature. La vraie nature et celle de tous les Dharmas sont deux, et en même temps, il n'y a pas de dualité. Si vous comprenez que cette vraie nature et celle de tous Dharmas sont différentes et cependant pas différents, alors vous êtes capable de comprendre la nature réelle, parfaitement achevée, à ce

moment, on peut dire que vous êtes éveillé, illuminé.

Si vous suivez cette voie et si vous quittez votre famille pour vous faire moine et si vous arrivez à maîtriser votre pensée, à pénétrer votre nature fondamentale à comprendre le Dharma inconditionné, alors vous êtes un Shramana, "Shramana est un mot Sanscrit qui veut dire "repos assidu".

Le Shramana pratique assidûment les préceptes, la concentration et la sagesse, éloigne et détruit la cupidité, la colère et la stupidité. Lorsque vous quittez la vie de famille pour vous convertir, vous ne devriez pas chercher à entretenir votre cupidité, votre colère et votre stupidité, tout en oubliant les préceptes, la concentration et la sagesse. Si non, vous n'aurez aucune chance d'atteindre la sagesse, mais vous amplifierez davantage votre cupidité de jour en jour. Pratiquer avec assiduité tous les jours, comment devenir agressif, coléreux, stupide au lieu de s'investir dans la pratique, dans l'observation des préceptes, dans la concentration, dans le développement de la sagesse : Vous multipliez vos calamités chaque jour. Pourquoi en est-il ainsi?

Parce que les obstacles karmiques de vos vies antérieures sont trop lourds, vos châtiments karmiques vous empêchent de réaliser votre esprit du Bodhi et vous poussent à agresser à haïr tous ceux qui vous entourent.

A chaque instant, vous vous croyez être le meilleur, même meilleur que votre maître. "Mon maître ne se rapproche pas de moi pour voir comme j'ai du talent?" Vous pourriez dire qu'au-dessus du ciel et qu'en-dessous de la terre, vous êtes le seul qui soit honoré."

Quand vous pratiquez la voie, soyez vigilant, ne négligez rien, car si non vous ne serez jamais un Shramana.

Ainsi les Shramanas doivent "constamment observer les 250 préceptes d'un Bhiksu". C'est seulement en pratiquant rigoureusement ces préceptes, sans les jamais transgresser que les « Shramanas entrent et demeurent dans la pureté." Qu'ils soient en pleine activité ou inactivité, ils devraient rester purs, sous la moindre souillure. "En pratiquant les quatre Nobles Vérités, ils atteignent l'Arhatship."

Les Quatre Nobles Vérités sont:

1. La vérité de la douleur.



2. La vérité de l'origine de la douleur.
3. La vérité de la destruction de la douleur.
4. La vérité de la voie conduisant à la destruction de la douleur.

Les Shramanas doivent pratiquer avec assiduité ces quatre merveilleuses vérités. (à suivre)

## le Sutra du sixième fondateur

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu  
[La suite](#)

### L'INTRODUCTION DU TRADUCTEUR

Voici la deuxième édition du premier commentaire du SUTRA DU SIXIEME PATRIARCHE où est exprimé le fond de la pensée de ce dernier. Depuis l'époque où le Grand Maître enseignait ce Sutra, aucun commentaire n'a révélé ses principes fondamentaux : Le Dharma de son cœur. Il fallait attendre le commentaire du Maître Tripitaka Hsüan Hua qui ouvre le Dharma du cœur, le sceau de l'esprit, devant le lecteur.

Si vous souhaitez comprendre le merveilleux sens de ce Sutra, vous devriez étudier ce commentaire, car on y trouve d'innombrables principes fondamentaux du Bouddhadharma; pour les occidentaux comme pour les orientaux, c'est la fleur de la sagesse, le vrai fruit du Bodhi.

En plus, cette traduction a été soigneusement préparée par l'Association Sino-américain Bouddhiste qui s'occupe de la traduction des textes Bouddhistes. Les membres de cette association : Bhikshus, Bhikshunis, Upasakas, Upasikas, et

plusieurs autres diplômés de maîtrise ou docteur lisaient soigneusement le manuscrit, cette lecture a été suivie d'une période de recherches durant plusieurs années afin de pouvoir assurer toutes les précisions.

« Le sceau de l'esprit » concernant essentiellement l'esprit, ne peut être exprimé par les paroles, mais dans son commentaire, le Maître a fait juste cela, en se servant de nombreuses analogies et moyens efficaces nous a fait comprendre ce que nous n'avons jamais compris auparavant.

Maître Tripikata Hua était né dans le nord de la Chine, après la mort de sa mère, il pratiquait la piété filiale en restant à côté de sa tombe pendant une période de trois ans. Il bâtit une petite cabane en herbe pour se protéger du vent et de la pluie, et là il pratiquait la méditation. Si on lui offrait de la nourriture, il se nourrissait; s'il n'y avait pas d'offrandes, il jeûnait.

Plus tard, le maître voyageait dans le Sud de Canton, où il fut désigné par le Vénérable Maître

Hsü Yün comme chef de l'Académie Vinaya au monastère Nan Hua, le temple du Sixième Patriarche. Plus tard Maître Hsü Yun lui transmettait le Dharma et il devenait son successeur.

Depuis son arrivée



Le groupe pèlerinage debout devant le portail de Monastère Shao Lin-en Chine

en Amérique, Le Maître a tourné la grande roue du

Dharma, en faisant des conférences sur les différents Sutras : LE SUTRA SHURANGAMA, LE SUTRA DU LOTUS, LE SUTRA DU BODHISATVA DE L'ENTREPÔT DE LA TERRE, LE SUTRA VAJRA, et LE SUTRA DU CŒUR, et plusieurs autres. Il avait beaucoup de disciples américains, plusieurs d'entre eux ont quitté la famille pour devenir Bhikshus et Bhikshunis.

En San Francisco, Le Maître a fondé le Monastère de la Montagne d'Or où il donnait des conférences sur Le SUTRA AVATAMSAKA. Il a aussi fondé l'Institut International de la Traduction des Textes Bouddhistes. Il a formulé le vœu sacré que partout où il va, le Dharma orthodoxe règnera et la Période de la fin du Dharma ne s'installera pas. Très récemment, Le Maître édifiait la Cité des Dix Mille Bouddhas près de TALMAGE en Californie un vaste monastère au milieu de 237 hectares composé de 60 bâtiments, formant un centre du Bouddhisme mondial. La Cité des Dix Mille Bouddhas met en place en ce moment l'université Bouddhiste du Monde de Dharma, où le Maître est le président, et bientôt plusieurs programmes seront établis pour enseigner les être vivants dans de différentes matières.

Le Maître soutient solidement le Dharma Orthodoxe, car le Dharma qu'il enseigne continue de la transmission directe et autoritaire, et il travaille sans fatigue pour le Bouddha, le Dharma et le Sangha. Ce commentaire vif constitue la première transmission authentique vers l'Ouest du sceau de l'esprit de tous les Bouddhas qui a entré dans la succession patriarcale depuis Bouddha Sakyamuni jusqu'à présent. Nous présentons ce volume comme la fondation du développement du Dharma du Bouddha à l'Ouest.

Bhikshuni Heng Yin

## Bodhisattva Maïtreya

Bhiksuni Thich Nu Tue Nhu

Traduction en français : Ly Thi Minh Nguyet

### A. Avant propos

**D**evant les vicissitudes de l'existence humaine, les gens vivent dans l'inquiétude et la peur. Vivre c'est s'acheminer vers la mort, vivre c'est se lancer à la poursuite du bonheur. Le bouddhisme distingue deux sortes de bonheur : le bonheur dans la jouissance des cinq passions, et le bonheur dans la libération de la naissance et la mort. Il a été dit dans les Sutras bouddhistes : « L'être humain a une infinité de maladies, la médecine a une infinité de remèdes ». Même si l'être humain a 84.000 afflictions, Bouddha possède également 84.000 Dharmas (pratiques, doctrines) pour les sauver. Parmi tous les Bouddhas, Sakyamuni Bouddha nous a présenté : Amitabha Bouddha,

Bodhisattvas Avalokitésvara, Ksitigartha, Maïtreya, etc. Bodhisattva Maïtreya en particulier, nous a été présenté sous forme d'une très belle statue, d'apparence très gaie, d'un bon éducateur pratiquant tous les Dharmas, et qui possède en plus une valeur esthétique inestimable. S'il nous est difficile de distinguer la statue du Bodhisattva Avalokitésvara de celle du Bodhisattva Mâhasthamaprâpta (Đại Thế Chí) ou du Bodhisattva Manjusri (Văn Thù) ou du Bodhisattva Samantabhadra (Phổ Hiền) ; mais devant la statue du Bodhisattva Maïtreya, même n'ayant aucune connaissance sur le bouddhisme, il n'est pas difficile de le reconnaître tout de suite grâce à son sourire rayonnant, libérateur, serein, qui nous procure en plus du plaisir à le contempler avec beaucoup de vénération.

Par cette même occasion, je me permets de vous exposer sommairement quelques détails retraçant la biographie, ainsi que la légende concernant Bodhisattva Maïtreya, un éducateur exemplaire qui nous a guidés dans le bon chemin de la sagesse, de la sérénité et du bonheur absolu.

### B. Contenu

#### I. Biographie

Les deux termes « Di Lặc » viennent du Sanskrit « Maïtreya » (en Pali : Maïtreya), en chinois Từ Thị, A Dật Đa (Ajita), Vô Năng Thắng. Ce Bodhisattva reviendra en ce monde une fois avant de devenir Bouddha. Bouddha Sakyamuni a déjà certifié qu'il serait un Bouddha dans le futur. Originaire dans le sud de l'Inde, né dans une famille Brahmane, plus tard pris refuge auprès de Bouddha, il s'investissait dans l'étude de la nature de la conscience (Duy Thức Tánh) se libérant de son propre corps avant Bouddha Sakyamuni. Ensuite, né dans le ciel Tushita, il y restera durant quatre mille ans (4.000), équivalant à six cent sept millions d'années (607.000.000), ensuite il réapparaîtra dans le monde Saha, pratiquera la Voie Bouddhiste dans le jardin Hoa Lâm et deviendra Bouddha au pied de l'arbre Long Hoa et se nommera Di Lặc. D'après les textes légendaires, durant son apparition en ce monde, depuis le commencement de sa pratique de la Voie, il s'abstenait de viande. D'après le Grand Sutra du Bouddhisme, tome 1, le terme « Từ » dans Từ Thị vient du « Từ » des quatre vertus immenses (Từ : la miséricorde, Bi : la compassion, Hỷ : la joie, Xả : la générosité).

Parmi lesquelles Tỳ (la miséricorde) prend la première place. Cette miséricorde est germée à partir de la nature du Tatagatha, préservée pour être profitable à tous les êtres vivants. C'est ce qui explique son nom : Tỳ Thị (« Thị » veut dire race humaine) ; « Tỳ Thị » veut dire : apporter de la miséricorde, de la joie à toutes les races humaines. Les deux termes Di Lặc sont employés parfois pour décrire la gaieté, l'enthousiasme comme : le printemps Di Lặc, le sourire Di Lặc, le ventre Di Lặc, parfois pour désigner le moine à la grande sacoche, car il porte toujours sur son dos une grande sacoche de toile. Sa statue est érigée partout, ce qui montre qu'il est très apprécié, très populaire, et aussi combien la croyance des gens en Bodhisattva Maïtreya est immense et universelle.

L'école du Dharma de l'étude de toutes les formes de la conscience l'a honoré comme leur Patriarche Précurseur. Selon le vénérable Thích Quảng Liên, rédacteur de l'ouvrage « Duy Thức Học » (Etude de la conscience), résidant au monastère Quảng Đức, édité en 1972 : vers le 5ème siècle, Bodhisattvas Vô Trước, Thiên Thân poursuivaient ses travaux concernant les différentes formes de conscience, s'en sont servi avec beaucoup de doigté et ont créé des recueils de commentaires de grandes valeurs servant de bases pour leur école. Ils ont même réussi à les transformer en philosophie dans la présentation du Dharma de la conscience proprement dite, de la conscience de la possession, des différentes formes de la conscience ... l'actif et le passif, le sujet et l'objet, l'hôte et le voyageur. En analysant cette conscience, on s'aperçoit que la raison ainsi que la physiologie dépendent tous de la conscience qui agit, qui distingue ; des graines donnent naissance à des actes, des actes reproduisent des graines.

Les Recueils de commentaires créés par Bodhisattva Maïtreya se composent de :

- 1- Du Già Sư Địa Luận (yogacaryabhuni) traduit en chinois par le Vénérable Maître de conférences Huyền Trang.
- 2- Đại Thừa Trang Nghiêm Kinh Luận (MahayanaSutra Lamkara-Sastra)
- 3- Thập Địa Kinh Luận (DabaBhumikaSutra Sastea)
- 4- Biện Trung Luận (Madhymita - Vibhaga)
- 5- Kim Cang Bát Nhã Luận (commentaires sur le Sutra du Diamant et de la Sagesse)

## II. L'exposé

Dans certaines pagodes du Grand Véhicule (Mahayana), au milieu de la salle des cultes, trônent les statues des trois grands Bouddhas des trois temps : au milieu Bouddha Sakyamuni, Bouddha du présent, à sa droite Bouddha Amitaba, celui du passé, et à sa gauche Bouddha Maïtreya, celui du futur. Celui-ci est assis sur un lotus, cette image porte aussi un beau symbole. Car le lotus représente les vertus de la pureté et de la libération. Le lotus pousse dans des mares où l'eau est stagnante et boueuse et pourtant sa fleur répand un parfum pur, délicat. C'est cela, la qualité toute particulière du lotus, introuvable dans aucune autre fleur. De même, Bodhisattva Maïtreya, vivant dans un monde rempli de toutes sortes de couleurs, de bruits, reste toujours calme, serein, tout en pratiquant sa voie menant à l'illumination.

L'Ecole du Dharma de la Conscience soutient la thèse qui consiste à transformer la conscience illusoire, attachée en conscience libérée de toute souillure appelée : « l'Inconscience ». Comme dit la célèbre phrase du Bodhisattva Maïtreya, enregistrée par l'esprit du grand vénérable maître de conférences Hám Sơn qui, durant son voyage dans le ciel Tushita, a entendu lors d'une conférence du Bodhisattva : « Distinguer c'est la conscience et sans distinguer c'est l'esprit ; s'appuyer sur la conscience c'est se souiller et s'appuyer sur l'esprit c'est la sérénité. La souillure conduit à la naissance et la mort ; et la sérénité conduit à la Bouddhité ».

Il a des yeux innocents, un sourire gai, jovial, un gros ventre, signes de sérénité, de paix, de bien-être au milieu de l'existence humaine. La vie, elle-même, est déjà remplie de souffrances, de larmes, de pleurs et que de complications ! Pourquoi faut-il y ajouter encore des discordes, des disputes, des difficultés tortueuses ? Gardons toujours sur les lèvres, le sourire léger, gai, généreux devant l'existence humaine, c'est aussi une forme de bonheur.

Il existe aussi des statues représentant un moine corpulent, un grand rire sur les lèvres, mal habillé, chemise déboutonnée, présentant la poitrine, un ventre bien bombé, portant six garnements. C'est un exemple classique du portrait du vénérable moine à la grande sacoche. Le vénérable moine à la grande sacoche apparut en Chine, sous la dynastie des Luong. Toujours mal habillé, partout où il allait, il portait sur son

dos un grand sac, il y mettait tout ce qu'on lui offrait et les distribuait à tous les enfants qu'il rencontrait et leur apprenait à faire du bien et à réciter le nom du Bouddha. Tous les enfants l'adoraient. Avant de s'éteindre, il s'installait sur un grand rocher à côté de la pagode Nhac Lâm et composait le verset suivant :

« Maîtreya, oh ! vrai Maîtreya,  
Présent partout dans l'existence humaine  
Pourtant inaperçu devant les êtres vivants »

L'image du Boddhisattva Maîtreya avec un gros ventre bien bombé représente l'esprit absolument vide portant les cinq garnements représentant les cinq poussières (souillures) : la forme, le son, le parfum, la saveur, le toucher (en principe, il en existe six mais la sixième : la conscience, n'ayant pas de forme, ne peut être représenté ici). Ces six poussières représentent les six bandits : pour s'amuser, l'un enfonce ses doigts dans ses yeux, l'autre dans ses oreilles, ... réveillant les six consciences, faisant éclore les graines dormantes du Dharma. « La vision engendre des connaissances, trouble la conscience Alaya (entrepôt de Karmas) » d'un pratiquant bouddhiste. Autrement dit, tout ceci représente le fait que les tourments de la vie humaine provoquent des afflictions mais n'arrivent pas à importuner le rire serein, satisfait, d'une « personne libre » (de toute préoccupation). Ceci est le trait tout à fait spécial du portrait.

Par ailleurs, dans la vie, les rires valent toujours beaucoup mieux que les pleurs. Vivant au milieu des entraves de l'existence humaine, s'il nous arrive de pouvoir éclater de rire, d'un rire décontracté, dégagé, satisfait, naturellement gai, ne serait-ce qu'une minute, ce serait déjà un grand bonheur. Du passé jusqu'à nos jours, après une analyse psychologique profonde, on qualifie le rire de plusieurs façons.

- Victor Hugo écrit : « Un sourire chasse l'hiver hors du visage humain ».

- Léon Tolstoï dit : « Rien ne vaut un sourire pour rapprocher les gens ».

- Dostoïevsky a révélé une idée assez amusante : « Si vous voulez juger, ou connaître le cœur d'une personne, vous devriez l'observer, non pas à travers son silence, ni ses paroles, ni ses pleurs, ni ses émotions causées par ses nobles pensées, mais surtout quand elle rit ».

Dans le Bouddhisme, le sourire du Bouddha Sakyamuni est un sourire calme, apaisante ; celui du Bouddha Maîtreya est un sourire gai, satisfait. Si durant notre existence humaine, nous pouvions

nous échanger des sourires inoffensifs, sans la moindre arrière-pensée, combien cette existence serait-elle paisible ?

### III. La psychologie réelle, actuelle

L'image du Bouddha Maîtreya à travers l'aspect physique du Boddhisattva (moine au gros ventre, à la grande sacoche) renferme une profonde signification, aussi un homme, dans son poème, a posé cette question :

« Me prosternant respectueusement devant  
vous Bouddha Maîtreya,

Je vous prie de bien vouloir me dire ce que  
vous mettez dans votre ventre bien bombé. »

« Je ris parce que mon esprit est ainsi, que tout  
est vide,

Libre de toute mort et toute renaissance »

Ce que voulait représenter la statue du Bouddha Maîtreya c'est son sourire gai, satisfait, content. Le Bouddha c'est la conscience mais c'est la vraie et juste conscience, celle qui dépasse toute influence des organes, des poussières, des connaissances, autrement dit, qui vainc, qui domine tous les pirates intérieurs et extérieurs. Car elle s'aperçoit que tout dharma en ce monde existe grâce à une cause et que si cette cause disparaît, tout disparaît, par conséquent rien n'est permanent, tout est illusoire, c'est pourquoi elle s'en libère totalement, que ce soit devant la naissance, le périssable ou l'impérissable, elle n'y prête aucune attention, n'y voit aucun changement. Un jour, le vénérable moine Báo Phước s'adressait au Vénérable Moine à la sacoche :

- « Quelle est l'idée maîtresse du  
Bouddhadharma ? »

Le Moine à la sacoche laissa tomber sa sacoche par terre et se croisa les bras.

Báo Phước poursuivit :

- « Rien que cela ? Rien de plus intéressant ? »

Le Moine à la sacoche reposa la sacoche sur son dos et repartit.

A travers cet acte, on voit qu'Il représente la satisfaction et le détachement, l'idée maîtresse du Bouddhadharma c'est se débarrasser de tout désir, des cinq poussières pour que l'esprit soit calme, serein, car si on continue à s'y attacher solidement, on ne comprendra jamais le Bouddhadharma. Cependant, si on s'en

débarrasse malgré soi, tout en regrettant, on ne s'en débarrasse pas vraiment. Bouddha s'en est débarrassé d'un cœur absolument gai, content. C'est ce détachement total qui apporte le vrai bonheur paisible dans l'âme.

A la deuxième question, il remit la sacoche sur son dos et repartit. C'est la joie qui le pousse à s'en débarrasser, et s'en débarrasser lui procure de la joie. C'est pourquoi, il rit toujours d'un rire absolument gai devant n'importe quelle circonstance. Au point que les cinq garnements espiègles, pour s'amuser, l'un n'hésite pas à fourrer son doigt dans la bouche du Boddhisattva, l'autre dans son œil, le troisième dans ses oreilles, le quatrième dans son nez, le cinquième frappe sa poitrine et ses flancs. Il continue toujours à garder son rire gai et satisfait et finit par les réformer et les transformer en de charmants petits disciples du Bouddha : c'est le véritable effet merveilleux d'un esprit acheminant vers le Grand Eveil.

#### **IV. L'esprit commun**

Suivons l'exemple du Bouddha Maïtreya, débarrassons-nous de notre « moi », de tous les dharmas. Une fois débarrassés du moi et de tous les dharmas, quels que soient leurs méfaits, les six brigands n'arrivent pas à troubler notre esprit. Non seulement, nous les avons vaincus, mais nous pourrions aussi les soumettre et les transformer en nos proches alliés méritants et vertueux. A l'état d'Eveil, ces six organes se transforment en six pouvoirs surnaturels (la vue surnaturelle, l'ouïe surnaturelle, la présence surnaturelle, le pouvoir surnaturel de lire dans les pensées des autres, le pouvoir surnaturel de connaître les vies antérieures, le pouvoir surnaturel de libération de toute passion).

Connaissant tout cela, nous devrions apprendre à vivre dans la générosité, la clémence, la satisfaction et la joie, libérés totalement de toute haine, toute rancune. Ainsi, nous nous sentirions légers comme des ballons s'envolant dans l'espace infini, alors apparaîtra la Sagesse purifiée, notre esprit sera serein, gai, naturel, innocent comme celui d'un jeune garçon encore immaculé (sans la moindre tache de souillure). A ce stade, plus rien ne nous touche, ne nous rend malheureux, comme la hauteur du ciel et la profondeur de l'océan, nous n'aurons plus d'ennuis, plus de passions, l'esprit totalement libéré, comme les embarcations naviguant sur l'eau, en toute liberté sans laisser la moindre trace.

#### **V. Le sens de sa vie et l'existence humaine**

Selon la conception Bouddhiste à propos de la vie humaine, l'espace et le temps sont incommensurables. De même, Bouddha est omniprésent quels que soient l'espace et le temps. De même, dans une fraction de seconde sont présents quatre changements : la naissance, l'existence, le périment et la disparition : le printemps naissant, l'été grandissant, l'automne périment et l'hiver s'éteignant. Le premier jour de l'an, selon le calendrier lunaire, c'est l'anniversaire du Bouddha Maïtreya. On assiste à la joie, au bonheur de vivre conformément à la croyance du peuple vietnamien. Voilà le vrai sens du Bouddha Maïtreya.

Le jour de l'an, on jette un regard vers le passé plein de souvenirs, et vers le futur plein d'espérances, on échange de merveilleux vœux et tout ce qu'il y a de meilleur dans la vie. C'est la raison pour laquelle on a choisi le premier jour de l'an pour fêter l'anniversaire du Bouddha Maïtreya, représenté par la statue d'un Bouddha au grand sourire devant lequel les gens se prosternent dans la contemplation et d'un cœur absolument respectueux. Que de bonheur et de joie ! Car la croyance et l'espoir sont les meilleures substances indispensables à la fortification de l'énergie vitale. Dans le Sutra du « Di Lạc Thượng Sanh » (Naissance du Bouddha Maïtreya dans le Ciel Transcendant), Bouddha a dit : « Ceux qui pratiquent consciencieusement la juste et bonne Voie, produisant infiniment de bénédictions pour eux-mêmes et pour autrui, dans le futur, auront certainement une chance de rencontrer Bouddha Maïtreya, qui les protégera, les aidera, les accompagnera à l'Assemblée Long Hoa où ils pourront écouter le Bouddhadharma et atteindre le fruit de la Libération.

#### **VI. La naissance du Boddhisattva Maïtreya**

M. Phạm Công Thiện, un spécialiste dans les études approfondies a déclaré : « L'idéalisme est chimérique (utopique) ». Car cet idéalisme n'ayant aucune base ne mène pas à la réalité. Selon lui, le fait que Boddhisattva Maïtreya est né dans le ciel Tushita, puis apparaîtra dans le monde Saha et deviendra Bouddha a été enregistré dans le Recueil des Sutras de l'Ecole du Petit Véhicule : l'Hinayana (Sutras Tuyét Bôn, Trung A Hàm) ; ensuite développé, élucidé et

répandu universellement par l'École du Grand Véhicule, le Mahayana.

Le sujet de la naissance du Boddhisattva Maîtreya dans le ciel Tushita, de son apparition dans le monde Saha, de sa conversion, enfin de sa Bouddhité, a été officiellement traité dans le Grand Recueil de Sutras « Đại Chánh Tân Tu ». On y trouve également des détails concernant son pays, la température, les circonstances, sa nationalité, sa conversion, sa Bouddhité et sa mise en marche de la Roue de la loi (la propagation de ses conférences sur le Bouddhadharma).

Nous cherchons seulement à comprendre les deux hypothèses principales à propos de sa naissance :

- Hypothèse de la naissance du Boddhisattva Maîtreya dans le ciel transcendant (Sutra de la naissance du Boddhisattva Maîtreya dans le ciel transcendant Tushita)

Selon cette croyance, en ce moment, Boddhisattva Maîtreya est en train de prêcher le Bouddhadharma dans le ciel Tushita. Dans ce Sutra, on trouve une description détaillée de ce ciel. C'est le quatrième ciel parmi les six mondes célestes du désir. Quoiqu'il soit encore un monde du désir, ce ciel possède quelques privilèges transcendants qui manquent dans les autres mondes célestes. Le palais royal du Ciel Tushita se compose de deux palais, intérieur et extérieur. Les habitants du palais extérieur peuvent encore jouir de tous les plaisirs des cinq passions et sont susceptibles de régresser dans un monde inférieur. Seul le palais intérieur, là où le Boddhisattva Maîtreya est en train de prêcher, ressemble au monde Pur du Bouddha Amitaba. Les personnes qui pratiquent la Voie consciencieusement, observent les préceptes, accomplissent les dix bonnes actions, pratiquent la Méditation peuvent espérer à la fin de leur existence accéder à ce Ciel selon leur volonté. Boddhisattva Maîtreya ne pratique pas le sauvetage (comme Bouddha Amitabha), mais celui ou ceux qui sont doués suffisamment de forces religieuses pourront y accéder, Boddhisattva Maîtreya et les Saints de ce ciel les accueilleront avec joie.

Cette hypothèse de la naissance transcendante du Boddhisattva Maîtreya paraissait très tôt en Inde. Plus tard, en Chine, beaucoup de Vénérables, notamment Đạo An (314-385), Đạo Kiếu, Huyền Trang, Khuy Cơ (dynastie des Đường), Đàm Phó, Đàm Võ ont adopté cette hypothèse, l'ont propagée dans le monde entier et l'ont perpétuée jusqu'à nos jours au sein de l'École du Dharma de la Forme.

**Báo Phât Pháp/Bouddhadharma 29**

Par ailleurs, cette hypothèse a été exposée dans plusieurs Grands Recueils de Ksamayatis célèbres à cette époque comme : Tỳ Bi Thủy Sâm, Tam Muội Thủy Sâm, Lương Hoàng Sâm (Ksamayati = Sâm : confession, pénitence et repentance). Mais à partir de la dynastie des Diêu Tần, quand le Sutra Amitabha fut transmis en Chine, puis traduit en chinois, beaucoup de fidèles bouddhistes ont formulé le vœu de naître dans le monde Pur à l'ouest où Bouddha Amitabha et ses Saints accueilleront tous ceux qui récitent le nom du Bouddha d'un cœur absolument sincère.

- Hypothèse de la naissance du Boddhisattva Maîtreya dans le monde inférieur (Sutra du Boddhisattva Maîtreya de la naissance jusqu'à la Bouddhité)

Contrairement à l'hypothèse précédente, celle-ci est beaucoup plus populaire. Selon cette hypothèse, Boddhisattva Maîtreya apparaîtra dans le monde Saha, puis deviendra Bouddha au pied de l'arbre Long Hoa, où il prêchera dans trois Assemblées afin de sauver les êtres vivants, d'où la désignation « Long Hoa Tam Hội » (trois réunions au pied de l'arbre Long Hoa). A ce moment là, tous ceux qui seront présents en ce monde Saha et qui auront semé et accompli suffisamment de bénédictions, d'actions méritantes seront directement enseignés et éduqués par Boddhisattva Maîtreya lui-même.

Sous la dynastie des Tống, l'empereur Minh Đê (465-471) a rédigé un recueil intitulé « Long Hoa Thệ nguyện văn » ; un autre écrivain Nam Nhạc Huệ Tư a écrit un autre ouvrage intitulé « Lập Thệ nguyện văn ». Tous deux ont parlé de la naissance du Boddhisattva Maîtreya dans le monde inférieur du Saha.

Comme cette hypothèse a été honorablement accueillie par les empereurs chinois, tout le monde se lançait dans la sculpture de statues du Boddhisattva Maîtreya et cette croyance se propagea jusqu'en Corée, au Japon et au Viêt-Nam...

Comme cette croyance à la naissance du Boddhisattva Maîtreya dans le monde Saha ne relevait pas profondément de l'étude de la Conscience, elle conduisait à de regrettables préjudices dans le développement historique du Bouddhisme. Les malfaiteurs, profitant de cette situation, créaient de faux Sutras, se proclamaient Boddhisattva Maîtreya dans le but de réaliser leurs mauvais desseins, clamant partout que la fin

du monde s'approche, que l'ouverture de l'Assemblée Long Hoa est proche poussant ainsi les gens dans l'oisiveté et dans des rêveries utopiques. Résultat : les misères et les maladies se répandirent partout par manque de nourritures et de médicaments !

## VII. La croyance en Boddhisattva Maïtreya

Quand arriverons-nous à l'Assemblée Long Hoa ? La question s'est posée depuis des milliers d'années, devint plus pressante vers la fin du 20ème siècle. Aujourd'hui, nous passons au 21ème siècle, les gens continuent encore à discuter, à chuchoter à propos de cette Assemblée et de l'apparition du Bouddha Maïtreya qui sauvera ceux qui pratiqueront les bonnes actions, et les méchants récolteront des mauvais fruits !

Aujourd'hui, où peut-il être ? Le ciel n'est pas encore tombé, la terre n'a pas disparu, mais la foi est toujours présente. Toutefois, certains sont découragés, leur croyance religieuse a beaucoup régressé.

Sous la dynastie des Đường en 689, la reine Võ Tắc Thiên, abusant de la signification du nom du Boddhisattva Maïtreya, se proclamait la réincarnation du Boddhisattva Maïtreya. En 613, Tống Tử Hiên et Hưóng Hải Minh se proclamaient aussi Boddhisattva Maïtreya dans le but de pousser le peuple à se rebeller afin de provoquer la guerre civile.

En réalité, cette hypothèse de la naissance du Boddhisattva Maïtreya dans le monde Saha comporte aussi une valeur positive. Elle vise à encourager les gens à s'améliorer, à accomplir de bonnes actions, à éloigner toute mauvaise action pour que tout le monde vive dans le bonheur et la paix. Mais si on ne cherche pas à comprendre le fond de sa pensée, on risque de se rendre aveugle, en contrefaisant les Sutras, on serait de stupides pratiquants, manquant d'esprit d'observation. A ce propos, Bouddha nous a enseigné : « Croire en moi sans me comprendre, c'est me calomnier ».

D'après les paroles mémoriales du Bouddha Sakyamuni : il faudra attendre 57 milliards 60 millions d'années pour pouvoir assister à l'apparition du Bouddha Maïtreya en ce monde Saha.

L'existence humaine est courte, sombre, mystérieuse, remplie de guerres, de maladies, de misères, infestée de souillures, exposée à toutes sortes de souffrances menaçantes, semblables à la faucille de la mort prête à s'abattre à tout instant. Vivant au milieu des souffrances, des inquiétudes,

des peurs, l'être humain, fondamentalement faible, recherche un appui spirituel, un refuge, un retour chez-soi, un endroit où règnent la joie, le bonheur éternel sans le moindre pillage, ni d'escroquerie. Est-ce le paradis imaginaire ? Absolument pas ! Ce paradis existe réellement. Où ? Là, dans le sourire du Bouddha Maïtreya.

La compassion, la miséricorde, la joie, la générosité constituent la Terre pure du Bouddha Maïtreya, un monde de détachement (l'esprit totalement libéré, se baignant dans les pensées vraies, parfaites, dans le détachement total). Il s'agit précisément de vous asseoir là immobile, au pied de l'arbre Long Hoa, d'observer les préceptes, de pratiquer la Méditation et la Sagesse. Vous êtes déjà en train d'écouter les trois conférences lors des trois réunions. C'est cet esprit complètement libéré, cette sagesse immaculée qu'est le Bouddha terrestre. Les 60 milliards d'années sont ici aussi, en ce moment. Qu'attendez-vous ? Que cherchez-vous encore ? Devant l'apparition de tous les Dharmas, l'esprit se réveille à la nature du Bouddha.

Chaque Bouddha pratique une spécialité : Bouddha Amitabha se spécialise dans les ornements (de son royaume Pur), Bouddha Sakyamuni se spécialise dans la libération, tandis que Bouddha Maïtreya se spécialise dans la joie, la générosité. Vous avez foi en Bouddha Maïtreya ? Ayez de la compassion, de l'amour, de la joie, de la générosité. Car si jamais Bouddha Maïtreya apparaissait en ce monde, alors que vous êtes toujours plongés dans la colère, la haine, dans les afflictions créant de mauvais Karmas menant dans les trois mauvais sentiers, comment voulez-vous assister à l'Assemblée Long Hoa ?

## C. Conclusion

Vivant en ce monde, un pratiquant éveillé mène une existence totalement libérée, où qu'il soit, il est toujours heureux dans sa permanente nature du Bouddha. Pourquoi les gens restent-ils toujours plongés dans des rêveries utopiques ? Ils feraient mieux de se lancer dans la pratique de la Voie comme Thiên Tàì đòng tử (un jeune garçon talentueux et vertueux) dans le Sutra Avatamsaka, qui se lançait dans l'apprentissage de la Sagesse du Boddhisattva Manjusri, l'apprentissage de la conduite vertueuse du Boddhisattva Avalokitésvara qui écoute attentivement les plaintes des

malheureux pour leur porter secours. Ainsi, ils auraient peut-être une chance que Boddhisattva Maïtreya cliquera trois fois ses ongles pour leur ouvrir la porte du palais du Bouddha Tỳ Lô Giá Na où ils rencontreront les Bouddhas des 3 générations en train de s'occuper des intérêts des êtres vivants. Bouddha Tỳ Lô Giá Na représente le corps du Dharma de la pureté, de la sérénité. Seul un pratiquant consciencieux, doué de ce corps du Dharma ait la chance que Boddhisattva Maïtreya lui permette de rencontrer Bouddha Tỳ Lô Giá Na, car c'est lui qui garde le palais Tỳ Lô Giá Na. Autrement dit, il est le seul qui soit doué de pouvoir spirituel surnaturel authentique qui puisse assurer la communication entre Bouddha et les êtres vivants, le seul qui soit digne d'être le patriarche-précurseur de l'étude de la conscience humaine.

Vénérable Maître de conférences Đạo An, sous la première dynastie des Tấn, ensuite Vénérables Maîtres de conférences Huyền Trang, Khuy Cơ sous la dynastie des Đường, actuellement, grands Vénérables Thái Hư, Tỳ Hàng décédés à Taïwan avaient formulé le souhait de naître dans le Ciel Tushita uniquement pour rencontrer Boddhisattva Maïtreya. Auparavant, ils avaient pratiqué conformément à la conduite du Boddhisattva Maïtreya, avaient rendu célèbre le Bouddhisme pendant un certain temps.

Ayant pratiqué comme Boddhisattva Maïtreya les 4 vertus : la miséricorde, la compassion, la joie et la générosité, à l'arrivée du printemps, au milieu de l'immensité du ciel et de la terre, au pied de la grande statue du Bouddha, dans une pagode pleine de chaleur et d'affections, se baignant dans des prières et du son de la crécelle, qu'y-a-t-il de plus heureux que de se débarrasser du poids de toute souffrance, de s'apercevoir que le sourire du Boddhisattva Maïtreya émeut profondément les trois mondes célestes, ajoute plus d'éclat et de fraîcheur aux fleurs d'abricotier, aux chrysanthèmes, aux fleurs de prunier au milieu d'un printemps universel.

## Les six harmonies

Langage du Dharma du Vénérable Maître Hsuan-Hua

Traduction en français : Ly Thi Minh Nguyet

Nous autres, êtres vivants, si nous voulons retrouver notre sagesse originelle, nous devons nous décider de pratiquer les préceptes (règles), la

méditation (Dhyana) et la Sagesse. Les préceptes nous empêchent de commettre des actes malveillants et nous encouragent à accomplir de bonnes actions. Ne pas commettre de mauvaises actions nous pousse dans la méditation et accomplir de bonnes actions engendre des bénédictions. La Méditation demande beaucoup d'efforts physiques et spirituels.

Sur le plan matériel, nous devons pratiquer les six vertus cardinales (Paramitas). La pratique de ces six vertus cardinales à un certain degré engendre la Sagesse. C'est la raison pour laquelle, nous devons nous servir des bénédictions du don, des préceptes, de la patience et de l'amélioration pour entrer dans la Méditation (Dhyana). Lorsque la Méditation est suffisamment profonde, apparaîtra la Sagesse. Sans ces quatre bénédictions, il serait facile de s'égarer dans des mauvais chemins, par conséquent ces six Paramitas sont les Dharmas les plus importants dans le Bouddhisme.

Un pratiquant bouddhiste ne doit pas être cupide, mais doit être généreux. Sacrifiez ! Sacrifiez ! Car tout sacrifice sera récompensé. Pas de sacrifice, pas de récompense. C'est pourquoi, nous devons pratiquer la donation, les préceptes, la patience, l'amélioration. Toutes ces pratiques nous aident à parvenir à la Méditation, celle-ci engendra la Sagesse. Pour arriver à la Sagesse, la Méditation doit être très profonde. Il en est de même pour la lecture, à force de lire, vous améliorerez votre âme et votre esprit. Ainsi disait la phrase suivante :

« Une étude profonde engendre un esprit paisible »

Améliorer son âme c'est éloigner toute cupidité, toute colère, toute ignorance stupide et obscure. Quoique l'ignorance ne soit pas facile de s'en débarrasser, toutefois il nous est possible de la diminuer petit à petit jusqu'à ce qu'elle disparaisse complètement.

De quelle méthode nous servirons-nous pour diminuer notre ignorance ? C'est précisément le Dharma de la Sagesse du Prajna, le seul Dharma qui puisse anéantir l'obscurité de l'ignorance et ramener la clarté. Apprenant le BouddhaDharma, nous devons l'appliquer, ne serait-ce qu'une petite partie, pour que ce soit utile. Si l'étude ne s'accompagne pas de l'application, ce sera peine perdue. Nous écoutons les Dharmas, récitons les prières, nous devons également les mettre en pratique, les réaliser.



N'ayez aucune crainte de ne pas avoir suffisamment étudié, l'essentiel c'est la pratique.

Beaucoup de connaissances mais sans la pratique, cela ne servira à rien. C'est pourquoi, une pratique assidue, sincère, nous permet de nous améliorer. Réunissez du sable, au fil des années, vous arriverez à édifier des châteaux ; de même, pratiquez patiemment, au fil du temps, vous parviendrez à l'Eveil.

Que vous soyez Bhiksu, Bhiksuni, Sadi, Sadini, Upasaka, Upasika (fidèles pratiquants ou pratiquantes) vous devriez être grandement vaillant, courageux, perfectionné dans l'étude et la pratique du BouddhaDharma pour ne pas perdre votre esprit bouddhiste initial qui était toujours fervent. Regardez le monde actuel, la paix n'existe nulle part, tout le monde porte en son cœur l'immense inquiétude de la troisième guerre mondiale. La planète est en danger. On s'inquiète, on réfléchit, on cherche des moyens pour l'éviter. Si chacun d'entre nous converge son regard vers l'intérieur, améliore sa conduite, on aura peut-être une chance de la sauver.

Y-a-t-il des troubles dans le monde ? Absolument pas. Et l'être humain ? Non plus. Mais comme l'esprit humain est troublant, il trouble le monde entier. Nous, qui apprenons le BouddhaDharma, devons réveiller notre responsabilité bienveillante, guérir notre esprit maladif plongé dans la cupidité, la colère et l'ignorance stupide et obscure. Si tout le monde se guérit de ces trois maladies empoisonneuses, la famille sera heureuse, la société paisible, le pays florissant et le monde serein, réunifié.

Le Bouddhisme actuel, en Asie, tombe en décadence, alors qu'aux Etats-Unis d'Amérique, il prospère de plus en plus. Pour que le Bouddhisme devienne florissant, chacun d'entre nous se doit de pratiquer d'un cœur absolument sincère. Que vous soyez moines ou simplement pratiquants à la pagode Kim Son, ne soyez pas fainéants, inactifs, ne vous laissez pas aller ; ensemble, nous pratiquons la Voie ; devant une tâche, investissons-nous, ensemble nous œuvrons, ensemble nous apprenons le Dharma, ne soyez pas jaloux, égoïstes, offensants. S'il n'en est pas ainsi, il vous sera inutile d'y vivre. Si nous acceptons de manger un seul repas par jour, de dormir dans la position assise, mais si nous refusons de pratiquer consciencieusement et sincèrement, toutes ces peines seraient perdues. Mes bons amis

bouddhistes ! Le temps est précieux, ne le laissez pas s'écouler inutilement, faites à chaque instant, votre examen de conscience, posez à vous même cette question : « Que fais-je dans ce monastère ? »

Nous autres, profanes, nous aimons de la bonne nourriture, mettre de beaux habits, vivre dans de belles demeures. Ancrés dans ces mauvaises habitudes, nous ne réussissons jamais à pratiquer la Voie extra-mondaine. Si nous nous penchons du côté mondain, le côté extra-mondain sera léger, inversement, si nous nous penchons du côté extra-mondain, le côté mondain sera léger. Cette doctrine est tout à fait simple, il suffit de lâcher les cinq passions, tous les problèmes seront résolus.

Le monde d'Avatamsaka Sutra est rempli de Dharmas. Ne parlons pas d'écouter le Sutra, le fait seulement d'entendre le son ou les lettres du Sutra suffit pour planter une infinité de bénédictions. Si, en plus, vous comprenez le sens de la doctrine contenue dans le Sutra, vous multipliez alors à l'infini vos bénédictions. C'est la raison pour laquelle on dit que le Dharma d'Avatamsaka est indescriptiblement merveilleux.

Pour éliminer toutes nos mauvaises habitudes, comme pour apprendre à éloigner toute pensée illusoire, à la pagode nous devons suivre un emploi du temps très strict. Le matin, très tôt, on se lève, on participe à la cérémonie matinale, puis on pratique la Méditation, on traduit les Sutras, après la cérémonie du soir, on écoute les Sutras. Pourquoi nous ne nous éveillons pas ? A cause de nos pensées illusoirs. Il existe quatre-vingt-quatre mille Bouddhadharmas, tous nous enseignent à éliminer nos pensées illusoirs. Et pourtant, nous y restons toujours plongés. Sommes-nous donc pitoyables ?

Certains disent: « Le monde actuel est en train de se désagréger... » C'est une conception erronée. Le monde actuel ne se désagrège pas fondamentalement. D'autres disent : « Le monde ne se désagrège pas mais c'est l'être humain qui se détruit, se corrompt ». Ce jugement est aussi erroné, l'être humain ne se corrompt pas. Quelqu'un pose cette question: « Le monde ne se désagrège pas, l'être humain ne se corrompt pas et pourtant le monde n'est pas en paix, tout le monde se rivalise, je rivalise, vous rivalisez. Alors qu'est-ce qui se désagrège en fin de compte? » C'est précisément l'esprit humain qui se désagrège. Comme l'esprit humain est tellement corrompu qu'il

détruit le monde, détruit l'être humain. Une fois que l'esprit humain est corrompu, il crée de mauvais Karmas, dont il subit les mauvaises conséquences et en subissant ces mauvaises conséquences, il crée un monde insécurisant. Pour que l'être humain soit bon, que le monde soit sécurisant, tout dépend de l'esprit humain. Quand l'esprit humain est bon, naturellement, il n'y aura plus de guerre dans le monde.

Dans ce même esprit, à la pagode Kim Son, deux Bhiksus ont décidé de pratiquer une prosternation tous les trois pas, se dirigeant vers la plus haute montagne à Tây-Nhã-Đồ (Seattle, dans l'état de Washington en Amérique), l'endroit où se réunissaient les Bouddhas. Ces deux Bhiksus ne se prosternaient pas pour les Bouddhas, ni pour les Boddhisattvas, mais pour la paix mondiale, pour que l'esprit humain se réforme, pour que toute calamité mondiale soit détruite, afin que soit revenue au monde la paix et à l'humanité la sérénité.

Pourquoi le monde actuel n'est pas en paix ? Parce que tout le monde est cupide, ambitieux ; les grands ont de grandes ambitions, les petits ont de petites ambitions. Tout le monde est avide, avide de pouvoir, de fortune, de beauté, de gloire, de bonne gastronomie, de sommeil, avide de jouir de toutes ces cinq passions.

Les dirigeants d'un pays veulent que leur pays soit plus grand, leur économie plus florissante ; aussi cherchent-ils par tous les moyens à s'emparer des pays plus faibles, soit par la culture, soit par la politique, soit par l'économie, provoquant ainsi finalement la guerre. C'est pourquoi le monde n'est jamais en paix. Les gens désirent la fortune, la richesse, les jouissances. Possédant une voiture, ils veulent une grande maison, possédant une maison, ils désirent une belle femme, puis des maîtresses. Depuis la naissance jusqu'au dernier jour, ils ne cessent de vouloir beaucoup d'argent, car pour eux, l'argent possède dix mille pouvoirs. L'argent peut

résoudre tous les problèmes, l'argent occupe la première place, créant des mœurs dépravées dans la société actuelle, faisant disparaître la morale vertueuse d'autrefois. Pourquoi en est-il ainsi ? A cause de l'influence matérialiste. L'esprit humain n'est plus le même que par le passé, il utilise toutes les ruses les plus ingénieuses, son intelligence et sans la moindre scrupule, pour atteindre ses buts. Avec un esprit aussi cupide, comment la société peut-elle trouver la paix ?

Un pratiquant Bouddhiste doit s'améliorer sur le plan spirituel mais pas s'adonner à des jouissances matérielles. C'est la raison pour laquelle, un moine n'a le droit de posséder que trois robes, de manger qu'un repas par jour dans le but d'anéantir toute cupidité. Parmi les six Paramitas, le premier c'est le don. Donner aux autres, non seulement, supprime la cupidité mais engendre la miséricorde. C'est pourquoi, vous devriez vous décider de pratiquer des dons, des offrandes, de développer votre esprit de miséricorde.

Apprendre le Dharma du Bouddha nécessite la connaissance parfaite de ce Dharma. Si vous ne le comprenez pas à fond, vous ne pourriez pas le pratiquer d'une façon consciencieuse, et sans la pratique consciencieuse, vous n'obtiendriez jamais la Sagesse.

Un sage est incapable de vivre dans un endroit obscur, de même un stupide ne peut pas vivre dans un endroit éclairé. Pourquoi ? Parce qu'un stupide, à force de vivre dans l'obscurité, croit que c'est naturel et ne se sent pas gêné. Par contre, un sage, connaissant parfaitement les dangers de l'obscurité, l'évite et cherche un endroit bien éclairé pour vivre. La clarté éloigne toute idée de vengeance, de colère. Alors que l'obscurité nourrit l'idée de colère, de vengeance. C'est pourquoi, un endroit bien éclairé abrite toujours un esprit clair sans aucun obstacle obscur. (à suivre)

**Ủng hộ báo Phật Pháp dài hạn, góp phần vào việc truyền bá Phật pháp**  
**Je fait un don pour la revue Bouddhadharma.**

Họ và Tên / Nom et prénom : .....

Địa Chỉ / Adresse : .....

Điện Thoại / Téléphone : .....

Cúng dường ủng hộ tùy hỷ : .....

Votre don : .....

# L'histoire du Bouddha

## La suite

Alors, le Bouddha parlait pour la dernière fois. "Souvenez-vous de ce que je vous ai enseigné. La passion et le désir sont les causes de toute souffrance. Tout doit changer tôt ou tard, alors ne vous attachez à rien. Au contraire, consacrez-vous à éclaircir votre esprit et à trouver le bonheur durable."

Ensuite, le Bouddha se tourna sur son côté droit et plaça sa main droite sous sa tête. Il ferma les yeux et mourut très paisiblement. C'était le jour de la pleine lune du quatrième mois.

Peu de temps après, ses disciples emportèrent son corps et le placèrent sur un tas de bois. Ils allaient l'incinérer, selon la coutume, mais ils n'arrivaient pas à mettre le feu. Ensuite, arriva le plus grand disciple du Bouddha. Il était absent quand le Bouddha mourut et se dépêcha de rentrer à Kushinagar dès qu'il a appris la mort du Bouddha. Dès qu'il a présenté ses derniers respects à son maître, le bois prit feu tout seul. Il brûlait pendant longtemps jusqu'à ce qu'il ne restât que des cendres et quelques ossements.

Les rois qui vivaient dans le Nord de l'Inde à l'époque voulaient tous s'approprier des cendres et des ossements du Bouddha. Ils disaient: "Je construirai un monument dans mon royaume j'y placerai ses reliques. Cela nous apportera à moi et à mon peuple un grand honneur."

Puisque tous les rois ne voulaient, ils commencèrent bientôt à se disputer. "Tout le monde voulait s'en approprier. Finalement, un sage proposa: "Bouddha a passé sa vie entière à nous enseigner comment aimer les uns les autres. Maintenant, il vient de mourir et vous êtes sur le point de vous battre pour vous emparer de ses cendres. Vous vous rendez compte de ce que vous faites ? Vous vous comportez à l'encontre de son enseignement. Vous n'avez pas honte ? Que vous êtes insensés, pitoyables ! Je vous propose de partager ses cendres en parties égales, chacun en prend une partie et construira un monument dans son propre royaume pour l'honorer."

Les rois comprirent la sagesse de ces paroles et arrêtaient leur dispute, se partagèrent les cendres et les ossements du Maître et retournèrent dans leur royaume. Ils construisaient des monuments pour honorer la mémoire de celui qui a enseigné la voie de la paix et de la sagesse.

-----ॐ-----

## LES ENSEIGNEMENTS VIVENT TOUJOURS

Le Bouddha est mort il y a environ 2 500 ans dans un petit village en Inde. Mais son enseignement concernant l'amour et la sagesse ne meurt jamais. Ses disciples transmettaient cet enseignement aux autres. Et ceux-ci à leur tour, l'enseignaient encore aux autres. Et ainsi de suite, jusqu'à nos jours.

Tout le monde, quel qu'il soit, où qu'il soit peut apprendre l'enseignement du compatissant Bouddha. Si nous suivons bien cet enseignement, nous pouvons nous débarrasser de tout égoïsme, toute haine et toute avidité. Nous pouvons vaincre toute crainte et atteindre la même sérénité que le Prince Siddhârta avait atteinte autrefois au pied de l'arbre de l'Illumination. De la même façon, chacun d'entre nous peut devenir un Bouddha, un être éveillé. Comme lui, nous pourrions apporter le bonheur aux autres. Que tous les êtres soient heureux !

"Ne faites pas de mal !  
Faites du bien !  
Purifiez votre esprit !  
C'est l'enseignement des Bouddhas."



## Chùa/Pagode Kim Quang

75, Allée Circulaire

93600 Aulnay Sous Bois-France

Tel./Fax : 01.48.69.01.24

e-mail: kimquangtu@hotmail.com

www.chuakimquang.com



**Ở** đời bất luận là việc tốt hay xấu, đều dạy mình giác ngộ. Việc tốt thì dạy mình chuyện tốt. Việc xấu thì dạy mình chỗ sai lầm của nó.

**Thế** giới là do tâm người tạo thành. Tâm người háo sát thì tạo thành thế giới chiến tranh. Nếu tâm người háo sinh thì thế giới sẽ hòa bình. Tôi hy vọng trong tương lai người phương Đông và phương Tây đều sửa đổi hiểu chiến thành tâm từ bi.

**Tất** cả mọi sự mọi vật trên đời đều thuyết pháp. Người thiện nói pháp lành. Người ác nói pháp xấu. Ngựa nói pháp làm ngựa. Bò nói pháp làm bò. Chúng khiến mình hiểu nhân duyên chúng làm ngựa làm bò.

**Sống** trên đời, bạn nên cẩn thận trong mỗi hành vi cử chỉ. Bạn hãy giữ quy củ. Một khi trởng nhân sai lầm, (sai nhân quả), bạn sẽ hối hận vô cùng.

**Lúc** tu, điều tối trọng yếu là đừng tranh. Nghĩa là không cùng người khác tranh chấp đúng hay sai, thật hay giả, phải hay trái.

"Le bruit lumineux de cent ans qui passent est comme l'étincelle qui brille sur une pierre à feu".

"Abandonnant fortune et femme, il ne vous reste plus rien".

**A** l'heure de la mort, aucun échange ne sera pas possible malgré l'énormité des richesses. Vous abandonnez bijoux, pierres précieuses ; même un sou ne vous accompagnera. Femme et fortune ne vous appartiendront plus. Vous vous présenterez les mains vides devant le roi de l'enfer.

"Les mauvais actes vous suivent comme une ombre ; il est impossible de dénier".

**N**'importe quel karma (tuer, voler, adultère, mentir, boire des poissons alcoolisés) nous accompagne comme un ombre. Ainsi dit-on : "Rien ne peut être porté à l'exception du karma". On ne peut nier un mauvais karma qui est dû à notre volonté, lequel produit son effet négatif. Personne d'autre ne pourra recevoir cet effet à notre place.

Hoà Thượng Tuyên Hoá/Le Vénérable maître Hsuan Hua